

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN TRÍ

**BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO  
ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC**

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

**Ngành: GIÁO DỤC HỌC**

**MÃ SỐ: 9140101**

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 7 năm 2024

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2022). Tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở Việt Nam, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 3 – Tháng 4/2022, trang 226 -231.*
2. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2022). Biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 3 – Tháng 4/2022, trang 252 - 256.*
3. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2023). Nghiên cứu đề xuất khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản, *Tạp chí giáo dục, Số Đặc biệt 1 – Tháng 3/2023, trang 299 - 302.*
4. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2023). Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực thực hiện, *Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia về Sư phạm kỹ thuật lần 2, Tháng 9/2022, trang 350 -362.*
5. Nguyễn Trí – Võ Thị Ngọc Lan (2024). Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số Đặc biệt Tháng 5/2024, trang 461 - 463.*
6. Nguyễn Trí (2024). Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Số Đặc biệt Tháng 5/2024, trang 464 - 466.*

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC \* BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**Tập 22, Số đặc biệt 3**

Tháng 4/2022



ISSN 2354-0753



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIAO DỤC

Mục lục

Tạp 22 (số đặc biệt 3) - 4/2022

- Nguyễn Thị Tuyền - Bùi Thị Thanh Thủy:** Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non 1
- Nguyễn Thị Thanh Huyền:** Một số phương pháp giáo dục công dân toàn cầu trong trường học 5
- Hoàng Thị Trang:** Một số biện pháp phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông 12
- Quách Thị Sen - Phạm Thị Hồng Cẩm:** Sử dụng phần mềm Microsoft Excel trong dạy học Toán thông kê y được cho sinh viên đại học ngành Dược 17
- Trần Thị Yến Dung - Phạm Việt Quỳnh - Trương Thị Thanh Mai:** Tổ chức dạy học khám phá thông qua thực hành thí nghiệm nhằm phát triển năng lực khoa học cho học sinh trong dạy học Khoa học 5 21
- Nguyễn Văn Hồng:** Tiếp cận dạy học tình huống trong thiết kế kế hoạch bài giảng môn Khoa học tự nhiên theo định hướng phát triển năng lực nghiên cứu thế giới tự nhiên cho học sinh 27
- Nguyễn Thành Danh:** Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Vật lí theo hướng phát triển năng lực của học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn một số tỉnh Tây Nguyên 34
- Vũ Hồng Anh:** Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Đàn phím điện tử cho sinh viên ngành Sư phạm âm nhạc 40
- Lê Hoài Thu:** Phát huy tính tích cực học tập trong dạy học phân "Múa và đàn dựng chương trình ca múa nhạc trong trường mầm non" tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu 45
- Nguyễn Văn Minh - Vi Văn Hương:** Dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp: đặc điểm chính và các gợi ý chuyển đổi phương pháp sư phạm 50
- Trần Văn Tuấn:** Thực trạng dạy học văn học thiếu nhi cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long 54
- Lê Thị Hồng - Dương Hữu Lễ:** Một số biện pháp rèn kỹ năng hội thoại cho học sinh thông qua phân môn Tập làm văn - phần Kể chuyện ở tiểu học 58
- Đào Minh Đức - Hoàng Văn Hiếu:** Khó khăn về đọc của học sinh đầu cấp tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thông qua trắc nghiệm YCAT-2 63
- Phạm Hà Thương - Thạch Lan Anh:** Chiến thuật dạy học đọc hiểu áp dụng trong xây dựng bài tập hỗ trợ cho học sinh có khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học 69
- Lương Đức Tài:** Biện pháp dạy từ ngữ qua các bài học Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu cho học sinh khiếm thính lớp 5 Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Tháp 75
- Nguyễn Thị Thủy Nga:** Khái quát về năng lực dạy học và vận dụng vào phát triển năng lực dạy học thực hành kiến thức tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong các trường đại học sư phạm 79
- Đặng Thu Hương - Đặng Ngọc Mỹ Anh:** Tổ chức trò chơi học tập trong dạy học thực hành, luyện tập môn Toán lớp 6 85
- Lê Thị Phượng - Trần Trung Đức:** Ứng dụng thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner trong dạy học phân hoá chủ đề "Vật sống" (Khoa học tự nhiên 6) 90
- Lê Thị Phượng:** Dạy học chủ đề "Đa dạng thế giới sống" (Khoa học tự nhiên 6) theo mô hình trải nghiệm VESTED 97
- An Biên Thùy - Nguyễn Thị Việt Nga - Đỗ Thị Tố Như:** Thiết kế bài học STEM trong dạy học Sinh học 10: trường hợp dạy học chủ đề "Lên men rượu" 103
- Phạm Thị Hồng Tú - Cao Xuân Phan - Trần Ngọc Hải Đăng:** Thiết kế và sử dụng bài tập tình huống nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của học viên trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trong dạy học "Dinh dưỡng khoáng và Nitơ ở cây" (Sinh học 11) 110
- Trương Thị Thùy Anh - Ngô Hồng Ngọc:** Phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non: một số nhiệm vụ trọng tâm 116
- Hồ Thị Như Vui:** Ứng dụng một số phương pháp giáo dục âm nhạc trong thiết kế trò chơi âm nhạc cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non 121
- Nguyễn Thị Hiếu:** Thực trạng tạo động lực làm việc cho giáo viên các trường mầm non huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh hiện nay 126
- Vũ Thị Thương:** Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non công lập khu vực 3, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và biện pháp 133
- Hoàng Thị Thái Vân:** Một số biện pháp quản lý chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ ở các trường mầm non tư thục thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La 138
- Vũ Thị Kim Thoa:** Biện pháp quản lý hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho trẻ ở các trường mầm non công lập quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh 144
- Phạm Văn Thắng - Lò An Việt - Nguyễn Thị Hồng Vân:** Thực trạng và đề xuất giải pháp giúp sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Cao đẳng Sơn La rèn kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục trong hoạt động học cho trẻ mầm non 151





**Thái Đắc Cẩm Mi:** Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác thông qua trò chơi nhóm cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi ở các trường mầm non công lập Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh **157**

**Nguyễn Sỹ Thu - Nguyễn Thị Hiền:** Một số biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp ở các trường mầm non tỉnh Bình Dương **162**

**Nguyễn Thị Hải - Lê Chi Lan:** Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học công lập quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh **167**

**Lê Tấn Lộc - Cao Thị Thanh Xuân:** Thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường tiểu học công lập Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh **173**

**Bùi Thị Loan - Hoàng Thanh Phương:** Thực nghiệm rèn kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục thông qua xử lý tình huống cho học sinh lớp 4, 5 ở tỉnh Phú Thọ **178**

**Trịnh Thị Phương Thảo - Đoàn Thị Minh Thái:** Thực trạng tư duy thuật toán của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên **183**

**Triệu Thị Thu:** Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại các trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở theo định hướng phát triển kỹ năng sống **188**

**Trương Khắc Chu - Đào Thị Hồng Minh - Cao Việt Hà - Nguyễn Như Đông:** Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác truyền thông giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trường trung học cơ sở vùng dân tộc thiểu số huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang **194**

**Nguyễn Minh Anh Tuấn - Nguyễn Khải Hoàn:** Thực trạng triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện nay **201**

**Hồ Văn Thống - Đỗ Văn Đông:** Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh **207**

**Phan Thị Tuyết Vân - Nguyễn Duy Khang:** Quan điểm của giáo viên về mục tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc 3 của học sinh lớp 12 ở các trường trung học phổ thông khu vực Đồng bằng sông Cửu Long **213**

**Nguyễn Châu Giang - Nguyễn Thùy Vân:** Một số giải pháp nhằm khắc phục lỗi sai thường gặp trong văn bản biên dịch Trung - Việt của sinh viên chuyên ngành Tiếng Trung thương mại - Trường Đại học Thương mại **218**

**Nguyễn Trí - Võ Thị Ngọc Lan:** Tổng quan nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở Việt Nam **226**

**Diệp Văn Vinh - Chữ Ngọc Bảo:** Biện pháp quản lý hoạt động ngoại khóa của sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội **232**

**Nguyễn Như Hòa:** Thực trạng và một số biện pháp phát triển năng lực tự học cho sinh viên các trường đại học hiện nay **237**

**Phạm Thị Hồng Vân:** Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhân dân cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I qua hoạt động thực tế **243**

**Phan Văn Tỵ - Hà Minh Phương:** Một số yêu cầu khi xây dựng môi trường giáo dục ở nhà trường quân đội hiện nay **248**

**Nguyễn Trí - Võ Thị Ngọc Lan:** Biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên **252**

**Trần Thị Phương Linh:** Các tiêu chí lựa chọn văn bản để xác định năng lực đọc hiểu theo chương trình đánh giá NAPLAN (Australia) **257**

TÊN ÁN PHẨM	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021)		
	Ngành Giáo dục học	Ngành Tâm lý học	Liên ngành Triết học - Xã hội học - Chính trị học
Tạp chí Giáo dục (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm
Vietnam Journal of Education (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh, 3 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 12) và các số đặc biệt (nếu có)	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Trí<sup>1,\*</sup>,  
Võ Thị Ngọc Lan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;  
<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh  
+Tác giả liên hệ • Email: trin.ncs@hcmute.edu.vn

## Article history

Received: 10/02/2022

Accepted: 04/3/2022

Published: 20/4/2022

## Keywords

Fostering, competency, professional competency, manpower, fisherman

## ABSTRACT

Training and fostering professional capacity for workers in general and training and fostering professional competency for fishing workers in particular is considered one of the key tasks in vocational education of our country in the multi-sector economy. Training and fostering professional competency for employees, especially for fishing workers, workers with low education levels makes more sense. This study presents an overview of vocational competency training for domestic and foreign fishing workers. The results after analysis and synthesis showed that the work of fostering professional competency for fishing workers was still lackluster, mainly focusing on training. The study also pointed out the gap in fostering professional competency for fishing workers in Vietnam so that the authorities have directions and measures to foster professional competency for this group of workers.

## 1. Mở đầu

Khái niệm “đào tạo” và “bồi dưỡng” có nội hàm khác nhau rõ rệt như: “Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học”, còn “Bồi dưỡng là hoạt động trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc” nhưng chúng cũng có nét nghĩa tương đồng nhất định, chẳng hạn: Đào tạo là dạy dỗ, rèn luyện để trở nên người có hiểu biết, có nghề nghiệp; còn bồi dưỡng là làm cho khỏe thêm, mạnh thêm và tốt hơn, giỏi hơn (Nguyễn Như Ý, 1998); và “có cùng một mục đích chung làm cho người lao động có trình độ chuyên môn, khả năng xử lý công việc và năng lực công tác được tốt hơn. Trên thực tế, một số hoạt động đào tạo hoặc bồi dưỡng rất khó phân chia thành đào tạo hoặc bồi dưỡng, bởi lẽ giữa chúng có sự đan xen và kế thừa lẫn nhau. Vì vậy, trong nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp (NLNN) không thể thiếu vắng đào tạo NLNN.

Việt Nam là một quốc gia có thế mạnh về kinh tế biển. Hằng ngày, có rất nhiều tàu thuyền đánh bắt hải sản đang hoạt động trên biển, ngoài trang thiết bị máy móc thì người lao động đánh bắt hải sản (NLĐĐBHS) đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong mọi hoạt động đánh bắt hải sản. Có thể nói, năng suất đánh bắt của mỗi chuyến biển phụ thuộc rất nhiều vào NLNN của NLĐĐBHS.

Hiện nay, Công ước quốc tế về đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (STCW) của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đã ban hành tiêu chuẩn NLNN cần thiết đối với mỗi lao động trên tàu đánh cá trong đó có quy định tiêu chuẩn năng lực tối thiểu để người lao động có thể xử lý các tình huống khẩn cấp, an toàn nghề nghiệp đối với thuyền viên tàu cá. Là thành viên của Công ước này, Việt Nam đã và đang thể hiện trách nhiệm của mình bằng việc triển khai các hệ thống quản lý, đào tạo và chứng nhận theo quy định của Công ước nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về NLNN của mỗi thành viên trên tàu (Tiểu Văn Kinh, 2012).

Bài báo trình bày tóm lược nghiên cứu tổng quan về bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS nhằm đóng góp về cơ sở lý luận, góp phần nâng cao năng suất đánh bắt hải sản cho người lao động cũng như đáp ứng các tiêu chuẩn về NLNN theo quy định của Tổ chức Hàng hải Quốc tế.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản trên thế giới

#### 2.1.1. Nội dung bồi dưỡng

Nhóm tác giả Lee và Won (2015) khi phân tích về nhận thức của ngư dân ven biển đối với các kỹ năng nghề cá đã cho rằng năng lực quan trọng của nghề cá được hiểu là các khả năng bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và kinh nghiệm cần thiết đối với lực lượng lao động. Nghiên cứu này thu thập dữ liệu từ 65 ngư dân ven biển. Kết quả nghiên cứu cho rằng năng lực quan trọng của nghề cá được chia thành 6 yếu tố gồm các kỹ năng cơ bản, đạo đức nghề nghiệp

biển, năng lực thông tin hàng hải, kiến thức cơ bản hàng hải, kỹ năng quản lý an toàn hàng hải và ý thức về biển, ... Mỗi năng lực chính bao gồm 2-9 năng lực phụ.

Công ước quốc tế về đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (STCW) ra đời từ năm 1978, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và có hiệu lực từ 01/01/2012 cũng đã đề cập đến năng lực cần có đối với mỗi thuyền viên trên tàu như thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, ... Theo đó, với mỗi chức danh nghề nghiệp trên tàu thì ngoài các yếu tố về tuổi tác, thời gian đi biển được công nhận, ... thì phải đáp ứng tiêu chuẩn về NLNN. Đơn cử như chức danh thuyền trưởng thì cần có các NLNN như: năng lực lập kế hoạch thực hiện hành trình và xác định vị trí, năng lực duy trì trực ca hàng hải an toàn, năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp, năng lực duy trì khả năng đi biển của tàu, ... (Tiểu Văn Kinh, 2012).

Tại Ghana, ngành Thủy sản là sinh kế cho khoảng 10% dân số, tuy nhiên hiện đang gặp nhiều thách thức ảnh hưởng đến ngư dân. Trung tâm đào tạo nghề cá DAA (Development Action Association) đã tổ chức một chương trình nâng cao năng lực trong 2 ngày cho 50 ngư dân từ 11 cộng đồng ở vùng Greater Accra và miền Trung Ghana. Các chủ đề đào tạo là: Kinh doanh nghề cá; Phân tích chi phí, giá cả, lợi nhuận và tổn thất; Xử lý vệ sinh cá trên biển; Phòng chống nguy hiểm trên biển; Quản lý nghề cá. Mục tiêu của khóa đào tạo là giáo dục ngư dân đánh giá cao tầm quan trọng của nghề đánh bắt cá, huấn luyện cho họ cách xử lý cá hợp vệ sinh trên biển (SFMP, 2014).

Theo Ben-Yami và Anderson (1985), khi nghiên cứu việc thành lập và vận hành Trung tâm cộng đồng nghề cá đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong việc đào tạo ngư dân, tác giả cho rằng việc đào tạo phải được nghiên cứu trong kế hoạch chuẩn bị thành lập, cần phải tính đến nhu cầu đào tạo. Ngư dân thường thiếu về chuyên môn kỹ thuật, vì vậy khi đào tạo phải xem xét đến nhu cầu đào tạo, kỹ năng cần có, kỹ năng có sẵn.

Nghiên cứu về đánh giá nhu cầu đào tạo của ngư dân trên bờ biển Al-Batinah của Ô-man cho ngành đánh bắt cá và nghiên cứu về phân tích tình hình và đánh giá nhu cầu đào tạo nghề cá đã cho kết quả rằng hầu hết ngư dân đang phải vật lộn để kiếm đủ tiền để sinh sống, họ có ít lựa chọn nghề nghiệp thay thế và ngư dân trẻ không được đào tạo đặc biệt. Do đó, việc xác định nhu cầu đào tạo là cấp thiết để phát triển nghề đánh bắt cá bền vững. Nghiên cứu cho thấy, hầu hết ngư dân ở độ tuổi từ 21-50 không được đào tạo, vì vậy họ cần phải học các kỹ thuật đánh bắt, cách điều hướng tàu, dự báo thời tiết, thông tin liên lạc và thói quen sinh hoạt trong thời gian dài trên biển. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh cần đào tạo kỹ thuật để ngư dân sử dụng tốt hơn các công cụ và đào tạo nhận thức để ngư dân thường xuyên nỗ lực trong công việc đánh bắt cá.

### 2.1.2. Hình thức bồi dưỡng

Tài liệu “Cơ sở giáo dục học nghề nghiệp” do Ba-tur-xep và Sapôrinxki chủ biên đã đề cập đến vấn đề đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho công nhân tại cơ sở sản xuất. Theo các nhà nghiên cứu thì trong sản xuất đã hình thành nên những hình thức đào tạo công nhân như: dạy theo kiểu kèm cặp công nhân, dạy theo đội, dạy theo lớp. Việc bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân cũng tiến hành trong sản xuất với các hình thức phổ biến như được tổ chức theo hệ thống dạy học phân cấp. Ở cấp thứ nhất, công nhân nắm được tay nghề đầu tiên; ở cấp thứ hai, công nhân nắm được tay nghề với trình độ trung bình và ở cấp thứ ba thì nắm được tay nghề bậc cao. Cơ sở của hệ thống này là việc dạy học theo các lớp ngắn hạn được xây dựng theo từng cấp đi lên của công tác giảng dạy trong đó cấp nọ là sự tiếp tục hợp logic của cấp kia (Ba-tur-xep và Sapôrinxki, 1982).

Ở Đài Loan, ngư dân rất yêu thích hình thức học trực tuyến thông qua đài phát thanh. Trên cơ sở của thực trạng, tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng hình thức học tập trực tuyến của ngư dân như cần phải tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo máy tính của ngư dân để thúc đẩy họ trong việc sử dụng máy vi tính; khuyến khích ngư dân sử dụng các công cụ để truy cập Internet; tăng cường việc giáo dục nghề nghiệp cho ngư dân thông qua các đài phát thanh; thiết lập trang web học tập cho ngư dân (Su-Chang Chen, 2004).

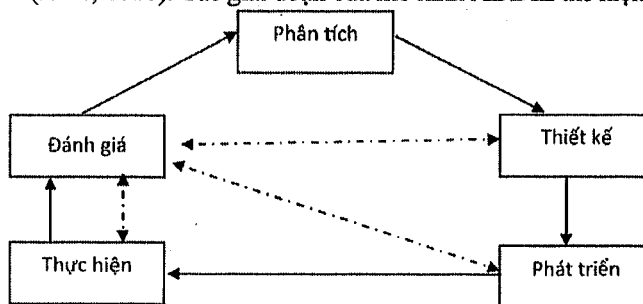
### 2.1.3. Chương trình bồi dưỡng

Tại Australia, cuối thập kỷ 80 đã bắt đầu một cuộc cải cách trong đào tạo nghề. Một số tác giả như Roger Harris, Hugh Guthrie, Bary Hobart, David Lundberg đã nghiên cứu về GD-ĐT dựa trên năng lực, đề cập đến bối cảnh và lịch sử của GD-ĐT dựa trên năng lực, tiêu chuẩn năng lực, phát triển chương trình, đánh giá người học và hoạt động học theo tiêu chuẩn năng lực (Harris et al., 1995). Cũng tại Australia, Leesa Wheelahan đã nghiên cứu và cho rằng kiến thức của người học phải được ở trung tâm của chương trình đào tạo và thông qua yêu cầu của xã hội. Đối với nghề nghiệp thì hoạt động nghề nghiệp của người học phải ở vị trí trung tâm thay cho việc phải bắt đầu từ việc tiếp nhận hệ thống tri thức khoa học chuyên sâu. Tác giả cũng chỉ ra những hạn chế của phương pháp xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực và đề xuất những nghiên cứu sâu hơn các lý thuyết khi xây dựng chương trình đào tạo (Leesa, 2012).

Tại Ghana, Peter Boahin và cộng sự cũng đã nghiên cứu về đào tạo theo tiếp cận năng lực. Các tác giả tìm hiểu nhận thức của HS và GV về đào tạo theo năng lực, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình đào tạo tại các trường cao đẳng ở Ghana. Qua khảo sát, các tác giả cho rằng người sử dụng lao động và cơ sở đào tạo có là yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề đào tạo theo năng lực. Ngoài ra, một số chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực đã được công nhận và đảm bảo chất lượng (Peter & Adriaan, 2012).

Nghiên cứu của Belwal và cộng sự cho rằng, việc đào tạo ngư dân cần được thực hiện một cách toàn diện, cần có các chương trình đào tạo phù hợp cho ngư dân. Cần phải cấu trúc các chương trình đào tạo và ràng buộc pháp lý để ngư dân tham gia các khóa học cơ bản và đảm bảo rằng họ làm việc an toàn, hiệu quả. Các chương trình này cần phải tính đến tuổi, trình độ học vấn, ... (Belwal et al., 2013, 2015).

Mô hình ADDIE (Analysis - Phân tích, Design - Thiết kế, Development - Phát triển, Implementation - Thực hiện, Evaluation - Đánh giá) là mô hình thiết kế hệ thống dạy học được phát triển từ năm 1975 bởi Trung tâm Công nghệ giáo dục tại Đại học Florida (Janis, 2010). Các giai đoạn của mô hình ADDIE thể hiện qua mô hình sau:



Mô hình ADDIE (Janis, 2010)

Mô hình này làm cơ sở cho việc thực hiện quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng NLNN cho NLĐDBHS.

#### 2.1.4. Phương pháp và phương tiện bồi dưỡng

Một số phương pháp được sử dụng trong đào tạo như thảo luận, kích thích suy nghĩ, ... vì những người tham gia có trình độ hiểu biết thấp (SFMP, 2014). Su-Chang Chen đã nghiên cứu tình hình học tập có hỗ trợ công nghệ thông tin (E-learning) cho ngư dân ở Đài Loan. Thông qua 270 câu hỏi và phỏng vấn đã cho ra kết quả là chỉ có 12,6% đã được đào tạo máy tính trước đó Su-Chang Chen (2004).

Belwal và cộng sự (2013, 2015) cho rằng, các chương trình đào tạo ngư dân cần phải tính các khía cạnh kỹ thuật như: kiến thức về ngư cụ, ngư trường, thiết bị điện tử, sử dụng thiết bị an toàn.

#### 2.1.5. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Cách đào tạo theo năng lực đã phát triển mạnh mẽ vào những năm 90 bởi nhiều tổ chức giáo dục lớn ở Mỹ, Anh, Úc, New Zealand, ... Các tiêu chuẩn năng lực được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu về chính trị, kinh tế và là cách để chuẩn bị lực lượng cho nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu (Kerka, 2001).

Nghiên cứu của John W. Burke đã trình bày về nguồn gốc của GD-ĐT dựa trên năng lực, quan niệm và tiêu chuẩn về năng lực, đánh giá dựa trên năng lực và cải tiến chương trình dựa trên năng lực (John, 1995).

Các nghiên cứu của Shire Fletcher đã phân tích sự khác biệt về đào tạo theo năng lực ở Anh và Mỹ, các nguyên tắc và thực hành đánh giá theo tiêu chuẩn mục tiêu và sử dụng đánh giá dựa trên năng lực, việc thiết lập các tiêu chí thực hiện, thu thập bằng chứng cho đánh giá năng lực cũng như đề cập cơ sở khoa học của việc thiết lập các tiêu chuẩn đào tạo, các kỹ thuật phân tích nhu cầu người học và phân tích công việc, xây dựng module dạy học và khung chương trình (Shire, 1995, 1997).

Báo cáo của Ủy ban châu Âu về vấn đề đổi mới đánh giá người học trong giáo dục theo tiếp cận năng lực cho rằng, trong khi chương trình giáo dục và việc dạy học đang trong tiến trình thay đổi sâu sắc thì cách thức đánh giá và công nhận kết quả đầu ra của người học trong mấy thập kỉ qua chỉ thay đổi chút ít. Qua đó, Ủy ban châu Âu cũng hướng dẫn việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách trong đánh giá các năng lực chung thì có ba nguyên tắc cơ bản là: đánh giá phải chính đáng, hướng tới mục tiêu đặt ra của bài học; đánh giá phải tin cậy và có căn cứ sao cho những người đánh giá khác nhau, sử dụng cùng cách thức đánh giá sẽ đi đến những phán đoán như nhau; đánh giá phải lấy người học là trung tâm, giúp cho việc dạy và học tốt hơn (European Commission, 2012).

## 2.2. Nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở Việt Nam

### 2.2.1. Nội dung bồi dưỡng



Trong nghiên cứu của mình về các giải pháp quản lý hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ven biển tỉnh Sóc Trăng, Nguyễn Thanh Long sau khi khảo sát, phân tích, đánh giá và kiểm nghiệm các yếu tố kỹ thuật, những thuận lợi và khó khăn đã đề xuất giải pháp cần phải đào tạo nguồn nhân lực nghề đánh bắt hải sản có trình độ cao để có thể nắm bắt và áp dụng các thiết bị hiện đại. Tác giả khuyến nghị trong quá trình đào tạo nên ưu tiên đào tạo con em ngư dân làm nghề khai thác thủy sản (Nguyễn Thanh Long, 2012).

Lê Vinh Liên Trang và Nguyễn Thuần Anh (2015) đã công bố nghiên cứu, điều tra kiến thức, thái độ, thực hành của các ngư dân đang làm việc trên tàu khai thác hải sản có công suất máy chính trên 90 CV từ tháng 11/2013 đến tháng 6/2014 tại 5 cảng cá ở Khánh Hòa bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp với phiếu điều tra được thiết kế sẵn về an toàn thực phẩm hải sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy với 384 ngư dân là nam có tuổi đời từ 18-55 tuổi, 53,6% ngư dân có thâm niên đi biển trên 10 năm được phỏng vấn cho thấy kiến thức về an toàn thực phẩm hải sản của ngư dân còn rất hạn chế, hầu như những kiến thức về an toàn thực phẩm hải sản mà ngư dân có được chủ yếu là kiến thức chung, còn kiến thức về sức khỏe cá nhân, kiến thức về các chất không được phép sử dụng trong bảo quản hải sản rất thấp. Vì vậy, cần tăng cường tập huấn về các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm.

Trong nghiên cứu của Đào Quang Dân (2016) về chất lượng thuyền viên Việt Nam xuất khẩu, tác giả cho rằng, dưới góc độ của các nhà quản lý thì chất lượng thuyền viên xuất khẩu cần được đánh giá thông qua trình độ, kiến thức, qua kỹ năng làm việc, mức độ thành thạo tay nghề, tinh thần làm việc, thái độ làm việc. Thuyền viên ở bất kỳ chức danh nào cũng đều phải biết nghe và tiếp thu sự hướng dẫn, biết phối hợp làm việc theo nhóm, không gây gổ và kích động tranh cãi... Còn dưới góc độ của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học thì các kiến thức, năng lực cần có của thuyền viên xuất khẩu gồm: trình độ chuyên môn, kỹ năng giải quyết công việc, mức độ chịu áp lực, sự thích nghi với môi trường và điều kiện làm việc, thái độ trong công việc, thái độ với đồng nghiệp, khả năng ứng xử,...

Khi nghiên cứu về cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng biển TP. Hải Phòng, Nguyễn Văn Cường (2015) cho rằng tỉ lệ ngư dân qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ còn khá thấp, trong đó tập trung chủ yếu là đối tượng ngư dân tàu khai thác xa bờ, thuyền trưởng, máy trưởng. Qua đó, tác giả đề xuất cần phải chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên, đào tạo gắn với đặc điểm, điều kiện và nhu cầu thực tế của ngư dân.

### 2.2.2. Hình thức bồi dưỡng

Theo Trần Văn Thạch (2015), trong quá trình phát triển KT-XH, các nhóm nghề đều yêu cầu người lao động có trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật càng cao, phù hợp và chuyên sâu hơn để mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc. Nghiên cứu về chất lượng lao động ngư nghiệp ở các tỉnh duyên hải miền Trung, khi phân tích lao động theo lãnh vực nghề nghiệp thì lao động ngư nghiệp có trình độ chuyên môn thấp hơn so với cộng đồng lao động nói chung. Kết quả khảo sát từ câu hỏi "Nghề đi biển học từ đâu?" cho thấy: việc học hỏi, tích lũy kiến thức nghề nghiệp chủ yếu thông qua đường tự học trong quá trình đánh bắt (51,9%); kế đến là bằng con đường cha truyền con nối (31,1%); kiến thức nghề nghiệp được trang bị qua trường lớp (tham gia các khóa học) với tỉ lệ thấp nhất (17%). Qua đó, có thể đánh giá tỉ lệ ngư dân được đào tạo qua trường lớp rất thấp, phần lớn hành nghề dựa trên những kiến thức, kinh nghiệm gia đình hay bằng phương thức vừa học, vừa làm qua thực tế trên biển. Từ kết quả khảo sát này, tác giả cũng tìm ra những nguyên nhân của những thuận lợi, khó khăn trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho người đánh bắt hải sản và kiến nghị cần có giải pháp xây dựng các mô hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đánh bắt của ngư dân.

### 2.2.3. Chương trình bồi dưỡng

Nghiên cứu của Nguyễn Đức Trí (1996) có thể xem là công trình khá toàn diện về hệ thống đào tạo nghề theo năng lực, góp phần làm sáng tỏ những khái niệm, quan điểm, lí luận về phương thức đào tạo, bồi dưỡng nghề dựa trên năng lực, các giai đoạn xây dựng chương trình và xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Nội dung về các giai đoạn xây dựng chương trình sẽ là cơ sở lí luận quan trọng trong việc phát triển chương trình bồi dưỡng.

Tác giả Trương Đại Đức (2011) cho rằng khi xây dựng chương trình bồi dưỡng cần thực hiện theo quy trình 05 bước gồm: phân tích nhu cầu bồi dưỡng, thiết kế chương trình bồi dưỡng, triển khai chương trình bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng và đánh giá chương trình bồi dưỡng.

Theo Nguyễn Văn Khôi (2010), năng lực thực hiện của người lao động được xây dựng trên cơ sở phân tích toàn bộ công việc trong quy trình lao động của mỗi nghề để thiết kế nội dung đào tạo theo từng công việc theo quy trình đó sao cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động cũng như trình độ và điều kiện của người học. Vì vậy, với cách tiếp cận trên, quy trình xây dựng phát triển chương trình đào tạo theo quan điểm năng lực thực hiện gồm 2 giai đoạn: giai đoạn thiết kế và giai đoạn áp dụng.

#### 2.2.4. Phương pháp và phương tiện bồi dưỡng

Tác giả Nguyễn Thế Trầm (2005) cho rằng trình độ tay nghề của lao động ngư dân ven biển còn thấp. Tuy nhiên, họ lại cần cù, chịu khó nhưng tính sáng tạo và tiếp thu khoa học công nghệ trong lĩnh vực đánh bắt hải sản còn nhiều hạn chế, con em của ngư dân còn đi theo “dấu chân” của ông cha về nghề nghiệp. Phương pháp dạy nghề cũng theo kiểu “cha truyền con nối”. Mặc dù mỗi người có những nhiệm vụ khác nhau nhưng trong quá trình đánh bắt trên biển thì mọi người lại học hỏi lẫn nhau nên năng suất đánh bắt không cao.

#### 2.2.5. Đánh giá kết quả bồi dưỡng

Nguyễn Quang Việt (2006) đã phát triển một số luận điểm cơ bản về đánh giá trong dạy học thực hành nghề theo tiếp cận năng lực. Tác giả nêu được nội dung, phương pháp, nguyên tắc đánh giá; quy trình và công cụ đánh giá. Tuy nhiên, đề tài chỉ mới đề cập đến quy trình và công cụ đánh giá trong dạy thực hành nghề, các thành tố khác trong quá trình dạy học theo tiếp cận năng lực nhằm hình thành NLNN cho người học còn phải tiếp tục nghiên cứu.

Nghiên cứu về đánh giá học tập dựa trên năng lực hành nghề, Nguyễn Quang Việt (2012) cho rằng đánh giá theo năng lực được coi là một xu hướng tiếp cận chất lượng trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Theo đó, mục tiêu kĩ năng nghề nghiệp là cực kì quan trọng trong đánh giá kết quả học tập cũng như trong tuyển dụng lao động vào làm việc tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Theo tác giả, mặc dù đổi mới chương trình và phương pháp dạy học đã có những thành tựu đáng kể trong những năm gần đây, song khâu đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện vẫn chủ yếu tùy thuộc vào năng lực dạy học của GV và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo sẵn có của nhà trường mà chưa gắn với trình độ công nghệ và tổ chức sản xuất trong thực tiễn. Hệ quả tất yếu là kết quả học tập của HS học nghề sau khi tốt nghiệp chưa phản ánh đúng NLNN.

Qua phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về bồi dưỡng NLNN nói chung, trong đó, có bồi dưỡng năng lực cho NLĐĐBHS nói riêng, chúng tôi rút ra những nhận định như sau:

*Một là*, phần lớn các nghiên cứu đã đề cập ít nhiều đến các vấn đề liên quan đến NLNN của NLĐĐBHS ở các phương diện: nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện, đánh giá bồi dưỡng. Tuy chỉ tập trung chủ yếu vào đào tạo trong khi khía cạnh bồi dưỡng rất mờ nhạt nhưng các kết quả nghiên cứu về các phương diện này vẫn làm cơ sở cho nghiên cứu về bồi dưỡng NLNN của NLĐĐBHS.

*Hai là*, trong số các phương diện: nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện, đánh giá bồi dưỡng, các phương diện về nội dung, chương trình và đánh giá bồi dưỡng đã được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu hơn các phương diện còn lại. Song, trong công tác bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS theo tiếp cận năng lực thực hiện càng cần có sự tổng hợp và hài hòa các phương diện này. Thực hiện được điều này chỉ khi tiến hành tổ chức bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS. Để tổ chức bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS có hiệu quả thì việc xây dựng quy trình phát triển chương trình bồi dưỡng cần được chú ý và triển khai. Đây là khoảng trống trong nghiên cứu về bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS tại Việt Nam.

### 3. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, việc nghiên cứu tổng quan về bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS của các tác giả trong và ngoài nước là cần thiết và có ý nghĩa quyết định cho việc xây dựng cơ sở lí luận về bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS đã được các nhà nghiên cứu quan tâm thực hiện từ lâu. Tuy nhiên, kết quả các nghiên cứu còn nghiêng về đào tạo và mờ nhạt về bồi dưỡng theo các phương diện: nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện, đánh giá bồi dưỡng. Trong số các phương diện này, phương diện về nội dung, chương trình và đánh giá bồi dưỡng đã được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu nhiều hơn. Hiện nay, công tác bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS theo tiếp cận năng lực thực hiện càng cần có sự tổng hợp và hài hòa các phương diện này. Do đó, cần tổ chức bồi dưỡng NLNN theo tiếp cận này với sự tổng hòa của 5 phương diện đã đề cập. Đây là nền tảng để chúng tôi tiến hành nghiên cứu cơ sở lí luận về bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS ở nước ta. Đồng thời, các công trình nghiên cứu trên cũng chỉ ra “khoảng trống” cần tiếp tục được nghiên cứu, đó là tổ chức bồi dưỡng NLNN cho NLĐĐBHS tại Việt Nam trong sự tổng hợp và hài hòa từ 5 phương diện: nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp và phương tiện và đánh giá bồi dưỡng.

#### Tài liệu tham khảo

- Ba-tur-xep, X. I., & Sa-pô-rinxki, X. A. (1982). *Cơ sở giáo dục học nghề nghiệp* (bản dịch của Đặng Danh Anh, Phạm Hoàng Gia, Nguyễn Lộc). NXB Công nhân kĩ thuật.
- Belwal, R., Belwal, S., & Aljabri, O. (2013). *Training Needs Assessment of fishermen on the Al-Batinah Coast of Oman for a Sustainable Fishing Sector*. <https://doi.org/10.13140/RG.2.1.2244.1680>

- Belwal, R., Belwal, S., & Aljabri, O. (2015). The fisheries of Oman: A situation analysis. *Marine Policy*, 61, 237-248. <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2015.07.017>
- Ben-Yami, M., & Anderson, A.M. (1985). *Community fishery centres: guidelines for establishment and operation*. FAO Fisheries Technical Paper.
- Chen, Su-Chang (2004). *Current Situation of E-Learning for Fisherman in Taiwan*. International Institute of Fisheries Economics & Trade. <http://hdl.handle.net/1957/56587>
- Đào Quang Dân (2016). Chất lượng thuyền viên xuất khẩu Việt Nam. *Tạp chí Khoa học - Công nghệ Hàng hải*, 46, 100-104.
- European Commission (2012). *Assessment of key competences in initial education and training: Policy guidance*. Strasbourg.
- Harris, R., Guthrie, H., Hobart, B., & Lundberg, D. (1995). *Competency-Based Education and Training: Between a Rock and a Whirlpool*. Macmillan Education.
- Janis, F. C. (2010). *Designing and Developing Training Programs*. John Wiley & Sons.
- John, W. B. (1995). *Competency Based Education and Training*. The Falmer Press.
- Kerka, S. (2001). *Competency-based education and training*. ERIC Clearinghouse on Adult, Career and Vocational Education. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED259215.pdf>
- Lee, Sang-Cheol & Won, Hyo-Heon (2015). An Analysis of the Coastal Fisherman's Awareness for the Fisheries and Maritime Job Skills. *Journal of Fisheries and Marine Sciences Education*, 27(2), 546-555.
- Leesa, W. (2012). The problem with competency-based training. Edited by Hugh Lauder, Michael Young, Harry Daniels, Maria Balarin, John Lowe, In *Educating for the Knowledge Economy?*, 152-165. Routledge.
- Lê Vinh Liên Trang, Nguyễn Thuần Anh (2015). Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành của ngư dân về an toàn thực phẩm hải sản ở Khánh Hòa. *Tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản*, 3, 150-157.
- Nguyễn Đức Trí (1996). *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, mã số: B93-38-24, Viện Nghiên cứu Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1998). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Quang Việt (2006). Kiểm tra, đánh giá trong dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 57, 116-124.
- Nguyễn Quang Việt (2012). *Đánh giá kết quả học tập dựa trên năng lực hành nghề*. Luận án tiến sĩ Lí luận và lịch sử sư phạm học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Thanh Long (2012). *Nghiên cứu các giải pháp quản lí hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ven biển tỉnh Sóc Trăng*. Luận án tiến sĩ Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Thế Trâm (chủ nhiệm đề tài, 2005). *Các giải pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm của ngư dân ven biển duyên hải miền Trung*. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (Phân viện Đà Nẵng).
- Nguyễn Văn Cường (2015). *Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển thành phố Hải Phòng*. Luận án tiến sĩ Kinh tế phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Văn Khôi (2010). *Phát triển chương trình giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- Peter, B., & Adriaan, H. (2012). Implementation of innovations in higher education: the case of competency-based training in Ghana. *Innovations in Education and Teaching International*, 49(3), 283-293. <https://doi.org/10.1080/14703297.2012.703021>
- SFMP (Sustainable Fisheries Management Project) (2014). *Training for Fishermen in Hygienic Fish Handling, Business Management and the Fisheries Management Plan*. [https://www.crc.uri.edu/download/GH2014\\_ACT241\\_DAA\\_FIN508.pdf](https://www.crc.uri.edu/download/GH2014_ACT241_DAA_FIN508.pdf)
- Shire, F. (1995). *Competence-Based Assessment Techniques*. Kogan Page Ltd.
- Shire, F. (1997). *Designing Competence-Based Training (2<sup>nd</sup> edition)*. Kogan Page Ltd.
- Tiểu Văn Kinh (2012). *Tiêu chuẩn quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên năm 1978*. NXB Giao thông vận tải.
- Trần Văn Thạch (2015). Chất lượng lao động ngư nghiệp ở các tỉnh duyên hải miền Trung và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Lí luận chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*, 10, 70-76.
- Trương Đại Đức (2011). *Bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành các trường dạy nghề khu vực miền núi phía Bắc*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Thái Nguyên.

# TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC \* BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**23(Số đặc biệt 1)**

Tháng 3/2023



ISSN 2354-0753





- Trần Ngọc Quý:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý giáo dục và nghiên cứu vận dụng vào thực tiễn giáo dục nước ta hiện nay 1
- Nguyễn Văn Thái:** Rèn kỹ năng tự học cho học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở thông qua hoạt động trải nghiệm 6
- Phạm Thị Thu Hiền - Bùi Thị Duyên:** Tổ chức dạy đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết cho học sinh lớp 10 11
- Nguyễn Thị Linh Tâm - Đỗ Thị Phương Thảo:** Dạy học nội dung “So sánh số tự nhiên” (Toán 2) theo hướng phát triển năng lực mô hình hóa toán học 17
- Mai Thị Thanh Huyền - Đinh Thành Tuấn:** Một số biện pháp phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề “Nguyên hàm - Tích phân” (Giải tích 12) 23
- Lại Văn Định - Trần Văn Đăng:** Một số biện pháp dạy học Xác suất Thống kê theo hướng phát triển năng lực điều dưỡng cho sinh viên đại học ngành Điều dưỡng 29
- Bùi Văn Thắng - Trần Thị Xuân Mai - Nguyễn Thị Ngọc Quý - Nguyễn Minh Thảo - Dương Văn Anh - Lý Huy Hoàng:** Một số vấn đề về danh pháp các hợp chất vô cơ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 35
- Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Trần Trung Ninh:** Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học bài “Alkane” (Hóa học 11) nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh 41
- Nguyễn Văn Hồng - Nguyễn Thị Ánh Tuyết:** Vận dụng dạy học bằng phương pháp nghiên cứu khoa học trong thiết kế kế hoạch bài giảng môn Sinh học nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới sống cho học sinh 46
- Quang Thị Hoàn - Phạm Ngọc Tuấn:** Phân tích học liệu ngữ pháp trong sách giáo khoa Tiếng Anh 6 - Global Success 52
- Vũ Hồng Anh:** Vận dụng các nguyên tắc luyện tập thể loại nhạc Blues vào dạy học môn Đàn phím điện tử cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc 59
- Nguyễn Anh Tuấn:** Một số yếu tố ảnh hưởng đến dạy học môn Giáo dục học quân sự ở các trường đại học trong quân đội theo tiếp cận năng lực 63
- Nguyễn Thị Xuân Yên - Châu Thị Kim Ngân - Nguyễn Thị Thu Thủy:** Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng 68
- Nguyễn Khắc Bình:** Những căn cứ xây dựng chính sách công: Lí luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng chính sách giáo dục ở Việt Nam 75
- Vũ Thị Hồng Hạnh:** Một số vấn đề lí luận về quản lí hoạt động ngoại khóa của học viên ở các trường đại học công an nhân dân hiện nay 82
- Cao Thị Thanh Xuân - Lê Phạm Thùy Trang:** Thực trạng quản lí hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại các trường mầm non công lập huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh 87
- Vũ Thị Hồng Liên:** Thực trạng quản lí hoạt động làm quen với biểu tượng số, số lượng cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh 93
- Văn Tôn Đạt:** Thực trạng quản lí hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori ở các trường mầm non tự thực Thành phố Hồ Chí Minh 98
- Nguyễn Thị Cẩm Đan:** Nghiên cứu đề xuất cấu trúc của môi trường giáo dục trong trường mầm non 103
- Hà Thị Linh Phương:** Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở một số trường mầm non tự thực tại Thành phố Hồ Chí Minh 108
- Chu Anh Sơn - Từ Đức Văn:** Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình cho sinh viên cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục mầm non 114
- Đỗ Thị Phấn:** Một số đề xuất về đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học trong bối cảnh phát triển khoa học và công nghệ 121
- Trần Thanh Toàn:** Thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán cho học sinh tiểu học ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh 127
- Trần Nữ Kim Anh - Lê Chi Lan:** Thực trạng quản lí hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học công lập Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh 132
- Phạm Thị Duyên:** Thực trạng quản lí hoạt động giáo dục đạo đức học sinh ở các trường tiểu học công lập quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh 137
- Nguyễn Thị Ngọc Bé - Vũ Ngọc Thạch:** Thực trạng quản lí thiết bị dạy học ở các trường tiểu học quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh 142
- Huỳnh Thế Nhã - Lê Chi Lan:** Thực trạng quản lí hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích cho học sinh ở các trường tiểu học Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh 148
- Cao Thị Thanh Xuân - Nguyễn Trúc Tâm Anh:** Thực trạng quản lí hoạt động dạy học môn Mĩ thuật theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh 154
- Ngô Hồng Điệp - Huỳnh Thị Phương Thúy - Đinh Thị Bích Lại - Nguyễn Phương Duy Anh - Đào Xuân Hoàng - Nguyễn Thị Kim Chung:** Thiết kế bối cảnh gắn liền thực tiễn cho các bài học STEM trong môn Khoa học tự nhiên ở trường trung học cơ sở khu vực phía Nam Việt Nam 160



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TẠP CHÍ GIÁO DỤC**

ISSN 2354-0753

## Mục lục

**Tập 23 (số đặc biệt 1) - 3/2023**

**Cao Thị Hồng Lam - Lê Văn Thăng:** Thực trạng giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế **165**

**Nguyễn Thị Ngọc Bé - Lê Phú Hoài Bảo:** Thực trạng hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên ở các trường trung học cơ sở thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế **170**

**Phan Lê Chí Phúc - Nguyễn Vũ Quỳnh Trâm - Vũ Thị Hương:** Thực trạng và một số đề xuất nhằm giúp học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ứng phó với “áp lực đồng trang lứa” **176**

**Cao Thị Thanh Xuân - Đào Ngọc Thảo Sương:** Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên các trường trung học phổ thông công lập Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh **182**

**Hoàng Minh Phương:** Vận dụng phương pháp dạy học tình huống trong dạy học học phần “Giáo dục học” cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây **188**

**Hoàng Thanh Thủy:** Hoạt động giáo dục trí tuệ cảm xúc cho sinh viên đại học: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội **193**

**Trần Thị Thảo - Đỗ Thị Duyên:** Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội **198**

**Nguyễn Huy Dũng:** Thực trạng quản lý chương trình đào tạo theo tiếp cận AUN-QA ở Trường Đại học Sài Gòn **203**

**Lê Thị Thanh Thủy:** Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Sài Gòn theo tiếp cận mô hình “quản lý sự thay đổi” của Kotter **208**

**Nguyễn Minh Sang:** Thực trạng quản lý hoạt động học tập của sinh viên khối ngành Kỹ thuật - Công nghệ đáp ứng chuẩn đầu ra tiếp cận CDIO ở các trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long **215**

**Hoàng Thị Hồng:** Đề xuất mô hình dạy học tiếp cận CDIO trong đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử trình độ đại học: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh **222**

**Lê Văn Điệp:** Thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long **228**

**Mẫn Thị Thanh - Ngô Thị Hoàng Anh - Hà Văn Nhẫn:** Thực trạng và biện pháp nâng cao năng lực khẩu ngữ cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang **234**

**Đào Văn Hân - Đặng Văn Em - Nguyễn Thành Phát - Nguyễn Phước Thái:** Nâng cao năng lực khai thác thông tin và dữ liệu cho sinh viên: Nghiên cứu thực trạng tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh **241**

**Cao Sỹ Anh Tùng:** Đánh giá hiệu quả thực nghiệm một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn Guitar tại Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội **247**

**Triệu Khánh Tiển:** Ứng dụng kỹ thuật sơn mài Nhật Bản trong giảng dạy chuyên ngành Tranh sơn mài ở Khoa Hội họa, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam **251**

**Nguyễn Thành Nam - Nguyễn Thị Thanh Hòa:** Hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo theo định hướng chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục 4.0 **258**

**Phạm Thu Giang - Phạm Thuỳ Anh - Phạm Thị Duyên - Trần Thị Thu Hương:** Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên sư phạm tới quyết định chọn trường đại học của sinh viên một số trường đại học sư phạm trên địa bàn Hà Nội **265**

**Đỗ Anh Dũng:** Thực trạng và đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên các trường công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay **270**

**Nguyễn Mạnh Tiến:** Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay **275**

**Trần Đình Hồng - Vũ Quang Hà:** Đề xuất khung năng lực huấn luyện và phát triển năng lực huấn luyện cho học viên các trường sĩ quan quân đội đáp ứng chuẩn đầu ra **281**

**Nguyễn Đức Ca - Đinh Văn Thái:** Nhu cầu nguồn nhân lực của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế **287**

**Cao Thị Thanh Xuân - Lê Thị Ngọc Thủy:** Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông công lập quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh **293**

**Nguyễn Trí - Võ Thị Ngọc Lan:** Nghiên cứu đề xuất khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản **299**

TÊN ÁN PHẨM	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021)		
	Ngành Giáo dục học	Ngành Tâm lý học	Liên ngành Triết học - Xã hội học - Chính trị học
Tạp chí Giáo dục (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm
Vietnam Journal of Education (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh, 3 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 12) và các số đặc biệt (nếu có)	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm

# BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN Ở TỈNH PHÚ YÊN

Nguyễn Trí<sup>1,\*</sup>,  
Võ Thị Ngọc Lan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Nghiên cứu sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;  
<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh  
+Tác giả liên hệ • Email: trin.ncs@hcmute.edu.vn

## Article history

Received: 10/02/2022

Accepted: 22/3/2022

Published: 20/4/2022

## Keywords

Fostering, professional competence, fisherman, solution

## ABSTRACT

Fostering professional competence for fishing workers in Phu Yen province is a necessary activity to improve the quality of the province's fishing human resources. However, this work in practice has many limitations. This study presents the basic theoretical issues of the concept and analyzes some limitations in the current job training for fishing workers in Phu Yen province, thereby proposing effective measures to improve the quality of this activity. The proposed measures are necessary to contribute to improving the competence and quality of fishing activities, in line with the strategic goals of sustainable development of Vietnam's marine economy in the new situation, and especially to help giving seafood workers in Phu Yen province peace of mind to reach out to sea in the increasingly complicated situation of fishing in the East Sea today.

## 1. Mở đầu

Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định Việt Nam sẽ trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển. Để đạt mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng lao động (Ban Chấp hành Trung ương, 2018). Tuy nhiên, nghề cá nước ta có đặc thù là nghề cá quy mô nhỏ (Nguyễn Văn Kháng, 2011) nhưng là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, người lao động đánh bắt hải sản (NLĐĐBHS) phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt. Trong khi đó, trình độ chuyên môn nghề nghiệp của người lao động còn thấp, ít được đào tạo, bồi dưỡng. Từ bao đời nay, nghề đánh bắt hải sản vẫn là cha truyền con nối, ngư dân phần lớn học hỏi bằng kinh nghiệm của người đi trước và những trải nghiệm của bản thân, ít có kiến thức, kỹ năng bài bản. Vì thế, ngoài việc chưa làm chủ được công nghệ, thiết bị, sản lượng đánh bắt thấp thì đã có nhiều sự cố đáng tiếc xảy ra trên biển đối với ngư dân do sự thiếu hụt kiến thức hoặc chưa đủ những kỹ năng lao động cần thiết (Lê Hồng Minh, 2011; Lại Xuân Môn, 2013).

Là một tỉnh ven biển, Phú Yên có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn nhưng hầu hết lực lượng lao động khai thác hải sản có trình độ chuyên môn nghề nghiệp thấp, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động đánh bắt hải sản hiện nay (Ban quản lý Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Phú Yên, 2016). Phần lớn người lao động đánh bắt ít được đào tạo, bồi dưỡng dẫn đến việc tiếp thu khoa học công nghệ gặp khó khăn. Ngoài ra, việc bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS ở tỉnh Phú Yên hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra, chưa chú ý đến phát triển năng lực nghề nghiệp người học dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn còn yếu và thiếu. Do vậy, cần phải tổ chức bồi dưỡng cho NLĐĐBHS như thế nào để hình thành những năng lực nghề nghiệp cho họ đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sẽ trình bày các vấn đề lí luận cơ bản như khái niệm và phân tích một số hạn chế về công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS ở tỉnh Phú Yên, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS ở Phú Yên trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm

Hiện nay, có nhiều khái niệm về “bồi dưỡng” được các nhà nghiên cứu phát biểu dưới nhiều hình thức khác nhau. Bồi dưỡng là quá trình diễn ra khi cá nhân có nhu cầu nâng cao kiến thức hoặc kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân nhằm đáp ứng nhu cầu lao động nghề nghiệp. Bồi dưỡng được hiểu là hoạt động nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn khi mà những kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện có hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nhà trường (Nguyễn Lộc, 2010).

Trong bài báo này, khái niệm “bồi dưỡng” chính là trang bị thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm mục đích nâng cao trình độ cho người lao động, giúp họ đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc. Bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS là bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Bồi dưỡng là quá trình học tập của người lao động diễn ra song song với quá trình lao động, sản xuất nhằm nâng cao năng lực của người lao động để đáp ứng yêu cầu công việc. Với quá trình phát triển của xã hội, mỗi người lao động cần phải được bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng còn thiếu hoặc những kiến thức, kỹ năng mới gắn với công việc của mình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc đang làm.

Với mỗi hoạt động nghề nghiệp khác nhau sẽ có những năng lực khác nhau, giúp cho người lao động thành công trong hoạt động. Thực tế không có một khái niệm “năng lực nghề nghiệp” chung chung, có bao nhiêu loại hình nghề nghiệp thì có bấy nhiêu loại năng lực nghề nghiệp (Đào Thị Oanh, 2016). Năng lực nghề nghiệp được hiểu là những năng lực đảm bảo thành công cho hoạt động nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp có mặt trong phân loại năng lực hoạt động của con người. Việc đánh giá phù hợp yêu cầu của các năng lực đối với hoạt động nghề nghiệp là rất quan trọng. Để đánh giá năng lực nghề nghiệp đối với cá nhân, cần phải xem liệu người đó có thực hiện được những công việc thể hiện chức năng nghề nghiệp trong các tình huống cụ thể hay không. Như vậy, khi bàn đến năng lực nghề nghiệp của NLĐĐBHS là bàn đến một năng lực chuyên biệt trong nghề đánh bắt hải sản nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động đánh bắt hải sản, làm cho hoạt động đánh bắt hải sản đạt hiệu quả cao nhất.

Theo đó, “năng lực nghề nghiệp của NLĐĐBHS” được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động (công việc, nhiệm vụ) trong nghề đánh bắt hải sản theo các yêu cầu đặt ra đối với từng nội dung hoạt động.

Từ cơ sở các khái niệm nêu trên, khái niệm “bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS” được hiểu là quá trình bổ sung, cập nhật những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS để họ có khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ, công việc trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

## **2.2. Một số vấn đề về công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên**

Là một tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Phú Yên có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Tính đến năm 2020, tổng số tàu thuyền khai thác thủy sản trên 4.100 chiếc (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên, 2020). Tổng số lao động khai thác thủy sản là 31.038 người, trong đó lao động đánh cá chiếm khoảng 62% tổng số lao động ngành thủy sản toàn tỉnh nhưng hầu hết lực lượng lao động có trình độ chuyên môn nghề nghiệp thấp, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động đánh bắt hải sản hiện nay (Ban quản lý Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Phú Yên, 2016).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS tuy được tỉnh Phú Yên quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Chương trình, nội dung đào tạo vẫn còn theo hình thức tập trung vào kiến thức, chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển năng lực, phương pháp bồi dưỡng vẫn thuyết trình là chính, học viên vẫn chủ yếu là nghe giảng; công tác kiểm tra, đánh giá đôi lúc chưa nghiêm túc, chương trình, kế hoạch đào tạo nghề chưa phù hợp nên hiệu quả mang lại chưa cao, dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn của đa số NLĐĐBHS còn thiếu và yếu, trong quá trình đánh bắt hải sản vẫn còn nhiều tai nạn thương tích do trình độ năng lực của người lao động còn hạn chế (Lê Văn Trúc, 2013). Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng vẫn gặp nhiều khó khăn do đặc thù nghề nghiệp có tính địa phương cao trong khi chương trình bồi dưỡng chưa được xây dựng phù hợp, ít có tính thay đổi, linh động để phù hợp với tập quán sản xuất của từng địa phương. Từ những thực trạng trên cho thấy, việc bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS hiện nay ở tỉnh Phú Yên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, vẫn còn những hạn chế nhất định như sau:

- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng NLĐĐBHS tuy nhận được sự quan tâm của các cơ sở đào tạo nhưng chưa được nghiên cứu sâu, phần lớn các chương trình bồi dưỡng tuy có đề cập đến năng lực của NLĐĐBHS và đề xuất cần phải bồi dưỡng nhưng việc tổ chức bồi dưỡng như thế nào để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học vẫn còn là vấn đề cần nghiên cứu.

- Đối với những hạn chế trong nghề nghiệp của NLĐĐBHS, tuy xác định được nguyên nhân của những hạn chế nhưng việc tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp như thế nào vẫn chưa đề cập cụ thể, dẫn đến khi sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ đánh bắt cá, nhất là việc biến đổi khí hậu, nhiều tình huống khó lường khi hoạt động đánh bắt hải sản trên biển sẽ làm cho người lao động khó có thể theo kịp những yêu cầu công việc đặt ra.

- Hoạt động bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS hiện nay vẫn còn mang hình thức truyền thống, việc tổ chức bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp chưa được quan tâm, trong khi đó tiếp cận này được đánh giá là quá trình chuyển đổi mang tính cách mạng trong tư duy cũng như hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cách tiếp cận này dần xóa bỏ cách tiếp cận truyền thống, hình thành những năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện cho người học tiếp cận nhanh với công việc, đạt các tiêu chuẩn và yêu cầu đề ra môi trường lao động với thời gian đào tạo thích hợp.



- Tại các cơ sở đào tạo có tổ chức hoạt động bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS, việc tổ chức quá trình dạy học phần lớn chỉ diễn ra trong phạm vi trường lớp, thiếu gắn kết với thực tiễn quá trình lao động sản xuất. Trong khi đó, quá trình dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện chưa được quan tâm thực hiện, dẫn đến quá trình bồi dưỡng chỉ tập trung vào cung cấp kiến thức và kỹ năng, chưa hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học.

- Việc tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho NLĐĐBHS vẫn chưa mang tính chiến lược, còn tự phát ở mỗi cơ sở đào tạo, tùy thuộc vào năng lực của mỗi cơ sở đào tạo, đặc biệt còn thiếu mô hình bồi dưỡng mang tính thống nhất nhằm tạo ra chuẩn chung về năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tế công việc của NLĐĐBHS khi hoạt động sản xuất trên biển.

### **2.3. Biện pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên**

Từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi cho rằng cần phải có biện pháp trong việc bồi dưỡng để phát triển năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS ở tỉnh Phú Yên, làm được điều này không những phát triển năng lực của họ mà còn tạo thói quen học tập suốt đời đối với mỗi người lao động. Một trong những biện pháp giải quyết vấn đề này là việc lựa chọn mô hình bồi dưỡng phù hợp, theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp để thực hiện được mục tiêu bồi dưỡng, chú trọng vào kết quả đầu ra của quá trình bồi dưỡng, quan tâm đến NLĐĐBHS có thể làm gì trong các tình huống nghề nghiệp của mình. Do đó, khi chuẩn bị quy trình bồi dưỡng, cần hướng tới các nội dung sau:

#### **2.3.1. *Nắm bắt, xác định nhu cầu bồi dưỡng của người lao động***

Trước khi bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS thì việc đầu tiên cần phải thực hiện là dự báo, điều tra để xác định nhu cầu bồi dưỡng vì khi xác định được nhu cầu thì các giai đoạn tiếp theo của quá trình bồi dưỡng mới có cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện đạt yêu cầu đặt ra của người học và đạt hiệu quả cho công tác bồi dưỡng. Nhu cầu này sẽ tạo ra động lực để NLĐĐBHS tự giác tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

Nhu cầu bồi dưỡng cũng là yếu tố thúc đẩy quá trình bồi dưỡng nhằm thỏa mãn nguyện vọng chính đáng của đội ngũ lao động đánh bắt hải sản. Hiện nay, đội ngũ NLĐĐBHS đã có nguyện vọng bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp vì trong những năm gần đây do yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động đánh bắt hải sản, những thay đổi nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, tình hình phức tạp trên biển Đông trong quá trình đánh bắt hải sản đòi hỏi người lao động phải được bồi dưỡng để đảm bảo chất lượng công việc.

Ngoài ra, muốn chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS phù hợp với yêu cầu, mang tính khả thi cao thì việc khảo sát thực tiễn, phân tích, đánh giá nhu cầu bồi dưỡng thông qua những phiếu khảo sát là một trong những nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu. Việc thiết kế những bộ phiếu khảo sát tùy thuộc vào mục tiêu bồi dưỡng nhưng phải đảm bảo đầy đủ những nội dung cần thiết cho việc triển khai xây dựng chương trình cũng như quá trình tổ chức bồi dưỡng. Sau khi thiết kế bộ phiếu khảo sát cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh bắt hải sản để điều chỉnh và hoàn thiện bộ phiếu khảo sát.

#### **2.3.2. *Xác định mục tiêu bồi dưỡng***

Mục tiêu bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS chính là sự mô tả những gì NLĐĐBHS sẽ đạt được sau khóa bồi dưỡng. Mục tiêu có ý nghĩa quan trọng trong quá trình bồi dưỡng, định hướng toàn bộ quá trình bồi dưỡng, làm nền tảng cho việc xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng, phương pháp, phương tiện bồi dưỡng và hình thức tổ chức bồi dưỡng và làm cơ sở để đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Mục tiêu bồi dưỡng được cấu trúc theo thứ bậc từ tổng quát đến cụ thể gồm: mục tiêu tổng quát của chương trình bồi dưỡng, mục tiêu của từng module bồi dưỡng, mục tiêu của mỗi bài học, hay nói cách khác là mục tiêu về nhóm năng lực thành phần của năng lực nghề nghiệp mà NLĐĐBHS cần đạt được.

Theo cách tiếp cận năng lực thực hiện thì mục tiêu bồi dưỡng là hệ thống các năng lực mà NLĐĐBHS đạt được sau khóa bồi dưỡng. Chính vì vậy, để xác định mục tiêu bồi dưỡng thì cần phải xây dựng và xác định được khung năng lực của chương trình bồi dưỡng. Lựa chọn phương pháp phân tích nghề DACUM để xác định các nhiệm vụ và công việc của NLĐĐBHS. Từ đó phân tích công việc, làm rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có của NLĐĐBHS và đây cũng là cơ sở để xác định các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình bồi dưỡng cần đạt được theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện.

#### **2.3.3. *Sắp xếp nội dung bồi dưỡng***

Căn cứ vào cấu trúc năng lực nghề nghiệp của NLĐĐBHS được hoàn thiện từ kết quả khảo sát để tiến hành module hóa nội dung bồi dưỡng. Việc module hóa nội dung bồi dưỡng nhằm xác định chính xác nội dung người học cần bồi dưỡng thông qua việc tích hợp giữa lý thuyết với thực hành các kỹ năng để đạt chuẩn đầu ra được xác định. Các module cần bồi dưỡng chính là các đơn vị học tập bao gồm các thành tố: mục tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi

dưỡng, phương pháp bồi dưỡng, phương tiện bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng và phương pháp đánh giá kết quả bồi dưỡng theo chuẩn đầu ra từ các công việc được xác định trong sơ đồ phân tích nghề (DACUM).

Với cách đào tạo theo tiếp cận năng lực thực hiện nên năng lực nghề nghiệp của NLĐĐBHS chính là sự giao nhau của 04 năng lực thành phần: năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá nhân. Vì vậy, mục tiêu bồi dưỡng chính là hình thành và phát triển 04 năng lực thành phần này. Do đó, khi xây dựng nội dung bồi dưỡng cần chú ý đến việc phát triển các năng lực thành phần này.

#### 2.3.4. Thiết kế chương trình bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực thực hiện

Chương trình, theo nghĩa hẹp là một bản thiết kế tổng thể các yếu tố và các hoạt động của quá trình bồi dưỡng trong đó quy định mục tiêu; các khối kiến thức, năng lực, phẩm chất cụ thể; các phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu, cơ cấu nội dung môn học, tỉ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các khối kiến thức của các môn học, tỉ lệ lí thuyết và thực hành, kế hoạch đào tạo, yêu cầu, cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng; quá trình triển khai; các điều kiện cơ bản đảm bảo vận hành chương trình (Trần Thị Lý và Trần Thị Tua, 2017).

Khi thiết kế chương trình bồi dưỡng cho NLĐĐBHS theo tiếp cận năng lực thực hiện thì nguyên tắc quan trọng là phải linh hoạt và phù hợp với đặc điểm riêng biệt của từng cá nhân. Người học có thể học nhanh hoặc chậm lại tùy thuộc vào năng lực và điều kiện cá nhân. Việc xây dựng chương trình bồi dưỡng theo tiếp cận năng lực thực hiện là công việc tương đối phức tạp, gồm nhiều giai đoạn với những bước thực hiện hết sức cụ thể, khoa học, được cơ sở đào tạo hoặc tập thể các nhà khoa học thực hiện mới đạt hiệu quả, trong đó cần dựa trên các yêu cầu cơ bản sau:

- Khi xây dựng chương trình bồi dưỡng phải lưu ý đến các yếu tố về cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở dạy nghề, quá trình bồi dưỡng ngoài việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS còn phải quan tâm đến việc hình thành các kĩ năng khác của người lao động như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc theo nhóm,... Việc bồi dưỡng kiến thức không chỉ thực hiện trên lớp mà cần kết hợp với các hình thức khác như tọa đàm, đi thực tế tại các ghe, tàu có trang bị phương tiện, dụng cụ an toàn cho tàu cá tốt.

- Khi thiết kế khung chương trình bồi dưỡng, việc sắp xếp các module theo trật tự hợp lí phải có sự hỗ trợ lẫn nhau, các module được xây dựng dựa trên sơ đồ phân tích nghề DACUM, phiếu phân tích công việc,... Xác định trình tự sắp xếp các module trong chương trình bồi dưỡng để tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển các năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS cũng chỉ mang tính tương đối làm cơ sở để xây dựng được khung chương trình bồi dưỡng.

- Chương trình bồi dưỡng phải có tính mới, cần tham khảo kinh nghiệm của các chương trình bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo khác. Các giai đoạn xây dựng chương trình được thực hiện liên tục, tạo thành chu trình khép kín, không thể thay đổi thứ tự hoặc tách rời riêng rẽ, hiệu quả của giai đoạn này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của giai đoạn kia. Cần vận dụng những mô hình phát triển chương trình đào tạo đã được nghiên cứu, vận dụng và đánh giá mang tính tối ưu cao, đảm bảo được mục tiêu đề ra và đặc biệt là giảm các lãng phí trong quá trình bồi dưỡng.

#### 2.3.5. Lựa chọn phương pháp bồi dưỡng phù hợp

Phương pháp dạy học chính cần được sử dụng là phương pháp theo quan điểm dạy học định hướng hoạt động, là tổ chức giờ học hướng người học vào hoạt động giải quyết các vấn đề kĩ thuật hoặc các nhiệm vụ tình huống nghề nghiệp nhằm làm cho người học tham gia vào giải quyết các nhiệm vụ của nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong dạy học định hướng năng lực thực hiện với mục tiêu là hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS thì phương pháp dạy học cần phải thay đổi theo hướng khuyến khích người học chủ động tham gia vào quá trình học nhằm làm cho họ không những tiếp thu tri thức, hứng thú học tập mà còn hình thành năng lực nghề nghiệp để vận dụng vào công việc, cuộc sống.

Với đặc thù hoạt động nghề nghiệp đánh bắt hải sản với những thay đổi thường xuyên của công nghệ kĩ thuật, những sự cố bất lợi có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp thì các phương pháp dạy học phải được vận dụng linh hoạt, phối hợp với nhau. Tuy nhiên, dù có sử dụng phương pháp dạy học nào cũng phải đảm bảo được kết quả chung là đạt được mục tiêu dạy học, phát huy được tính tích cực, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực của người học, phù hợp với hình thức tổ chức dạy học và điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện dạy học,...

#### 2.3.6. Đa dạng hóa hình thức tổ chức bồi dưỡng

Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS ở Phú Yên cần phải tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức bồi dưỡng khác nhau, chú trọng phần thực hành, phần tự bồi dưỡng của NLĐĐBHS. Một số hình thức tổ chức bồi dưỡng có thể áp dụng như: bồi dưỡng toàn lớp, bồi dưỡng theo nhóm, tự bồi dưỡng, tham quan...

Việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho NLĐĐBHS thông qua việc bồi dưỡng ngoài việc lấy hoạt động học tập của người học làm trung tâm thì các hình thức tổ chức bồi dưỡng cũng cần vận dụng linh hoạt. Việc người dạy

lựa chọn hình thức tổ chức bồi dưỡng cần căn cứ vào nội dung, mục tiêu bồi dưỡng. Trong giờ học lí thuyết có thể triển khai bồi dưỡng toàn lớp, giờ học thực hành có thể tổ chức dưới hình thức nhóm, các kết quả thực hành cần được trình bày công khai trên lớp.

### 2.3.7. Xây dựng hình thức đánh giá kết quả bồi dưỡng

Theo tiếp cận năng lực thực hiện, đánh giá kết quả học tập không chú trọng vào kiến thức mà người học tích lũy được mà chú trọng vào khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo trong những tình huống công việc cụ thể, hay nói cách khác là đánh giá kết quả học tập được định hướng theo mục tiêu là hệ thống các năng lực nghề nghiệp cần hình thành và phát triển ở người học. Như vậy, để chứng minh NLĐDBHS có năng lực ở mức độ nào đó thì cho người lao động cơ hội được giải quyết vấn đề trong các tình huống thực tiễn, đòi hỏi NLĐDBHS phải sử dụng kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, kinh nghiệm để giải quyết vấn đề. Kết quả học tập sẽ được thể hiện trong kết quả kiểm tra định kì, cuối khóa thông qua điểm số, nhận xét hoặc xếp loại đã được quy định.

Việc đánh giá này do người dạy trực tiếp hướng dẫn, đánh giá trong quá trình giảng dạy, từ đó xác định người học đạt được tới mức nào, học tốt nội dung nào, chưa tốt nội dung nào, cần học thêm, học lại cái gì để từ đó có thể điều chỉnh, thay đổi phương pháp, hình thức tổ chức bồi dưỡng nhằm đạt kết quả cao nhất quá trình bồi dưỡng.

Đánh giá là khâu cần thiết, quan trọng đối với quá trình bồi dưỡng, là thang đo mức độ đạt được sau khi được bồi dưỡng. Đánh giá giúp cho người học biết được sự tiến bộ của họ, tìm ra những nội dung học tập đã đạt được, nội dung học tập chưa đạt cần phải bồi dưỡng lại. Đánh giá cũng giúp cho công tác quản lí đào tạo thay đổi những nội dung đào tạo chưa phù hợp thông qua kết quả đánh giá của từng người học.

### 3. Kết luận

Nghề đánh bắt hải sản là nghề nặng nhọc, nguy hiểm; môi trường lao động trên biển hết sức khó khăn, khắc nghiệt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn, thương tích cho người lao động. Vì vậy, việc xây dựng được quy trình bồi dưỡng thích hợp theo hướng tiếp cận năng lực và tổ chức tốt hoạt động bồi dưỡng cho NLĐDBHS thì năng lực nghề nghiệp của họ sẽ phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và đáp ứng yêu cầu công việc đề ra. Đây được xem là điều rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt điều này không những nâng cao năng lực nghề nghiệp cho NLĐDBHS nói chung mà còn cho NLĐDBHS ở tỉnh Phú Yên nói chung. Việc đề xuất các biện pháp nêu trên là cần thiết nhằm góp phần nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động đánh bắt hải sản, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong tình hình mới và đặc biệt là giúp cho NLĐDBHS ở tỉnh Phú Yên yên tâm “vươn khơi bám biển” trong tình hình đánh bắt hải sản ngày càng phức tạp trên biển Đông hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Ban quản lí Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Phú Yên (2016). *Báo cáo quy hoạch khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ven biển tỉnh Phú Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Đào Thị Oanh (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm - Lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- Lại Xuân Môn (2013). *Xác định nhu cầu của ngư dân trong phát triển kinh tế biển: những kiến nghị và các biện pháp hỗ trợ*. Hội thảo “Các biện pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển”, Phú Yên, 29-34.
- Lê Hồng Minh (2011). *Nghiên cứu điều kiện lao động và sức khỏe nghề nghiệp của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ ở một số tỉnh phía nam Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Y học, Học viện Quân y.
- Lê Văn Trúc (2013). *Phú Yên hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển - Thực trạng và biện pháp*. Hội thảo “Các biện pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển”, Phú Yên, 171-177.
- Nguyễn Lộc (2010). *Lí luận quản lí*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Văn Kháng (2011). *Nguyên cứu cơ sở khoa học phục vụ cho việc điều chỉnh cơ cấu đội tàu và nghề nghiệp khai thác hải sản*. Viện Nghiên cứu Hải sản.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên (2020). *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 và triển khai kế hoạch năm 2020*.
- Trần Thị Lý, Trần Thị Tua (2017). Phát triển chương trình đào tạo giáo viên theo tiếp cận năng lực thực hiện ở Trường Đại học Tân Trào. *Tạp chí Giáo dục*, 406, 1-6.

## NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

Nguyễn Trí<sup>1,+</sup>,  
Võ Thị Ngọc Lan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Nhà Văn hóa lao động tỉnh Phú Yên;

<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: trin.ncs@hcmute.edu.vn

### Article history

Received: 02/11/2022

Accepted: 28/01/2023

Published: 15/3/2023

### Keywords

Competency, profession  
competency, fisherman,  
competency framework

### ABSTRACT

The strategy for sustainable development of Vietnam's marine economy to 2030, with a vision to 2045, determines that Vietnam will become a country strong in the sea, rich from the sea. To achieve this goal, one of the important tasks is to train high-quality marine human resources with knowledge and labor skills. The study clarifies the concepts and characteristics of professional activities of fishing workers, thereby proposing a framework of professional competence of fishing workers in the current period as a basis for organizing vocational training for fishing workers. The Occupational Competency Framework of Fisheries Workers is a description of the necessary competencies of each fishing worker to perform fishing work at sea. This competency framework includes measurable work performance standards, which are an important scientific basis for developing professional competencies for fishing workers.

## 1. Mở đầu

Việt Nam là quốc gia có bờ biển chạy dọc theo chiều dài của đất nước, là một trong những khu vực có nguồn lợi hải sản phong phú trên thế giới (Ban Tuyên giáo Trung ương, 2013). Thời gian qua, nghề cá nước ta đã phát triển nhanh chóng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế biển và giải quyết các vấn đề xã hội của đất nước. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định Việt Nam sẽ trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển. Để đạt mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng lao động (Ban Chấp hành Trung ương, 2018).

Trong bối cảnh nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản (ĐBHS), muốn đánh giá người lao động có năng lực nghề nghiệp (NLNN) hay không thì cần phải đánh giá họ có đáp ứng những yêu cầu trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp và đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp đạt hiệu quả hay không? NLNN của người lao động ĐBHS là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ của mỗi người lao động, tùy vào năng lực của mỗi người có thể thực hiện nhiệm vụ ở các mức độ khác nhau.

Bài báo làm rõ những khái niệm, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động ĐBHS; từ đó đề xuất khung NLNN của người lao động ĐBHS trong giai đoạn hiện nay, làm cơ sở cho việc triển khai tổ chức bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động ĐBHS.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Năng lực nghề nghiệp

Năng lực được hiểu là một tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực thi một nhiệm vụ cụ thể trong một bối cảnh cụ thể, bao gồm năng lực chung hay còn gọi là năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn/kỹ thuật (Nguyễn Trọng Khanh, 2011; Trần Kiên, 2015). Năng lực chung là cơ sở của năng lực chuyên môn, ngược lại sự phát triển của năng lực chuyên môn trong điều kiện nhất định ảnh hưởng đến sự phát triển của năng lực chung, một người có năng lực trong một lĩnh vực nào đó có nghĩa là người ấy có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định về lĩnh vực đó. Năng lực được hình thành, thể hiện và phát triển trong hoạt động, nó chỉ tồn tại trong mối quan hệ với một hoạt động nhất định (Nguyễn Việt Sự, 2005); năng lực là cái được tạo ra chứ không có sẵn; quá trình phát triển năng lực trải qua nhiều mức độ khác nhau đi từ thấp đến cao; muốn phát triển năng lực, cần tổ chức hoạt động tương ứng cho cá nhân (Đào Thị Oanh, 2016).

Tại nghiên cứu này, năng lực được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp. Nói đến năng lực của người lao động ĐBHS là nói đến khả năng thực hiện thành công một hoạt động nào đó của người ĐBHS.



Với mỗi hoạt động nghề nghiệp khác nhau sẽ có những năng lực khác nhau, giúp cho người lao động thành công trong hoạt động. Thực tế không có một khái niệm “NLNN” chung chung, có bao nhiêu loại hình nghề nghiệp thì có bấy nhiêu loại NLNN (Đào Thị Oanh, 2016). NLNN được hiểu là những năng lực đảm bảo thành công cho hoạt động nghề nghiệp. NLNN có mặt trong phân loại năng lực hoạt động của con người. Việc đánh giá phù hợp yêu cầu của các năng lực đối với hoạt động nghề nghiệp là rất quan trọng. Để đánh giá NLNN đối với cá nhân, cần phải xem người đó có thực hiện được những công việc thể hiện chức năng nghề nghiệp trong các tình huống cụ thể hay không. Như vậy, khi bàn đến NLNN của người lao động ĐBHS là bàn đến một năng lực chuyên biệt trong nghề ĐBHS nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động ĐBHS, làm cho hoạt động ĐBHS đạt hiệu quả cao nhất.

Theo chúng tôi, NLNN của người lao động ĐBHS được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động (công việc, nhiệm vụ) trong nghề ĐBHS theo các yêu cầu đặt ra đối với từng nội dung hoạt động.

### 2.1.2. Hoạt động đánh bắt hải sản

Trong nghiên cứu này, chúng tôi coi công việc ĐBHS là một nghề, là “*công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội, thường phải do rèn luyện và học tập*” (Hoàng Phê, 2009, tr 533). Theo Từ điển tiếng Việt, đánh bắt là “*đánh và bắt các loại thủy sản*” (Hoàng Phê và cộng sự, 2008, tr 365); hải sản là “*sản phẩm động vật, thực vật khai thác từ biển*” (Hoàng Phê và cộng sự, 2008, tr 521).

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thủy sản 2017, khai thác thủy sản là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản (Quốc hội, 2017). Tuy nhiên, để phân biệt giữa thủy sản trên biển với thủy sản ở các vùng nước khác (sông, hồ,...) thì trong rất nhiều tài liệu, các nhà nghiên cứu thường sử dụng cụm từ hải sản để thay thế cho tên gọi *thủy sản trên biển* (Nguyễn Văn Cường, 2015). Do vậy, khái niệm ĐBHS trong nghiên cứu này được hiểu là hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản trên biển; sản phẩm thủy sản khai thác được trên biển được gọi là hải sản thay cho tên gọi chung là thủy sản.

Như vậy, *hoạt động ĐBHS là hoạt động nghề nghiệp và người lao động ĐBHS là những thuyền viên làm việc trên tàu cá, người làm nhiệm vụ khai thác nguồn lợi hải sản trên biển thông qua các công cụ chuyên dùng.*

### 2.2. Đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản

Ở Việt Nam, có nhiều loại nghề ĐBHS. Song, căn cứ vào nguyên lý đánh bắt chủ động hay thụ động có thể chia làm một số họ nghề sau: nghề lưới kéo, nghề lưới vây, nghề lưới rê, nghề lưới vó, nghề câu, nghề pha xúc, nghề lặn biển,... (Hội Nghề cá Việt Nam, 2007).

Với mỗi nghề ĐBHS thì lao động trên tàu đều được phân công nhiệm vụ khác nhau, nhưng nhìn chung đa số các nghề khi triển khai hoạt động đánh bắt, tất cả người lao động đều thực hiện theo quy trình cơ bản đánh bắt gồm các giai đoạn như sau: - Chuẩn bị chuyển biển (nhiệm vụ dành cho thuyền trưởng); - Điều động tàu đến ngư trường (nhiệm vụ dành cho thuyền trưởng); - Chuẩn bị (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); - Thả lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); - Dắt lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); - Thu lưới (lưới, dụng cụ, trang thiết bị); - Lấy cá và xử lý sản phẩm; - Chuẩn bị mẻ sau... (Hội Nghề cá Việt Nam, 2007).

Theo Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã quy định chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh thuyền viên tàu cá như: thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thợ máy, thủy thủ. Theo đó, đối với mỗi chức danh có những chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn khác nhau; có văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; có đủ sức khỏe để thích ứng với môi trường khắc nghiệt của biển. Người lao động ĐBHS khi hoạt động nghề nghiệp trên biển cần phải có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, một số nhiệm vụ, công việc cần thực hiện gồm: - Trước mỗi chuyến đi biển phải chuẩn bị các trang thiết bị, ngư cụ phục vụ khai thác thủy sản, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, bảo hộ lao động, thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ; - Trong quá trình đánh bắt thì thực hiện các nhiệm vụ về khai thác, bảo quản ngư cụ, sơ chế và bảo quản sản phẩm khai thác; có kỹ năng sử dụng hiệu quả và bảo quản máy móc trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản, nguyên nhiên vật liệu vật tư, bảo hộ lao động; - Chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá; thực hiện nhiệm vụ trực ca trên tàu và các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Đối với những ngư trường ĐBHS xa bờ, phần lớn công việc được phối hợp tác nghiệp theo nhóm, tuy nhiên cũng có một số công việc phải làm độc lập; người lao động làm việc trong mọi hoàn cảnh của thời tiết trên biển (nắng nóng, sóng to, gió lớn,...).

Người lao động ĐBHS được thuyền trưởng giao những công việc như: đánh bắt cá, vá lưới, chài dây, làm cá, bảo quản thực phẩm trong kho lạnh và lau chùi sàn tàu, thân tàu và được trang bị dụng cụ bảo hộ (quần, áo mưa, mũ bảo hiểm, ủng, găng tay, tất...). Hầu như mọi công việc trên tàu cá (đánh bắt cá, vá lưới, chài dây, làm cá, bảo quản thực phẩm trong kho lạnh...) đều tồn tại một số nguy hiểm cho sức khỏe và sự an toàn cá nhân. Mặc dù vậy, các

sự cố này có thể được ngăn chặn thông qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng có nhận thức tốt về rủi ro và thực thi các biện pháp an toàn trên tàu cá (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2012).

Theo Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho nghề khai thác thủy sản biển (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021), nghề khai thác thủy sản biển là công việc của những người điều khiển con tàu lênh đênh trên biển, phát hiện ngư trường, theo đuổi luồng cá, tôm và sử dụng ngư lưới cụ để tổ chức đánh bắt, bảo quản nhằm đưa những nguyên liệu thủy sản về bờ với số lượng nhiều nhất và tốt nhất có thể. Sản phẩm của nghề khai thác thủy sản biển là cá, tôm mực, cua, ghẹ... Hơn thế nữa, nghề khai thác thủy sản biển còn thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả là khẳng định chủ quyền, góp phần bảo vệ biên cương trên biển của Tổ quốc.

Nhiệm vụ chính của nghề khai thác thủy sản biển gồm: - Quản lý, bảo quản con tàu; - Điều động tàu; - Khai thác và sử dụng các trang thiết bị hàng hải; - Khai thác và sử dụng các trang thiết bị, ngư cụ trong khai thác thủy sản; - Bảo quản thủy sản; - Vận chuyển và bàn giao các nguyên liệu thủy sản khi về đến cảng.

Theo đó, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề khai thác thủy sản biển (hải sản) gồm 22 vị trí việc làm trên 03 nhóm tàu cá, gồm: tàu cá có chiều dài dưới 15 mét, tàu cá có chiều dài từ 15 mét đến dưới 24 mét và tàu cá có chiều dài trên 24 mét; với 4 phương thức đánh bắt chính là lưới kéo, lưới vây, lưới rê và câu vàng. Ứng với mỗi vị trí việc làm (chức danh) trên tàu đòi hỏi người lao động ĐBHS phải có những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu của mỗi nghề. Tuy có sự khác nhau về bậc khung trình độ nghề và tính chất công việc, bậc trình độ nghề đối với các vị trí việc làm của mỗi nghề, tất cả các nghề ĐBHS được mô tả đều gồm 03 nhóm năng lực cốt lõi: (1) Nhóm các năng lực cơ bản: gồm 06 năng lực thành phần; (2) Nhóm các năng lực chung: gồm 04 năng lực thành phần; (3) Nhóm các năng lực chuyên môn: gồm 62 năng lực thành phần.

### **2.3. Đề xuất khung năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản**

Trên cơ sở đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của người lao động ĐBHS, bản mô tả hoạt động nghề nghiệp nghề khai thác thủy sản biển và Tiêu chuẩn kỹ năng nghề khai thác thủy sản biển, chúng tôi cho rằng: mỗi hoạt động nghề nghiệp của người lao động ĐBHS đòi hỏi một nhóm năng lực tương ứng và được cấu thành bởi sự tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng, thái độ của người lao động ĐBHS. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất khung NLNN của người lao động ĐBHS trong giai đoạn hiện nay gồm: (1) Năng lực quản lý, bảo quản con tàu; (2) Năng lực điều động tàu; (3) Năng lực khai thác, sử dụng các trang thiết bị hàng hải; (4) Năng lực đánh bắt và sử dụng trang thiết bị, ngư cụ; (5) Năng lực bảo quản hải sản sau đánh bắt; (6) Năng lực vận chuyển và bàn giao nguyên liệu hải sản khi vào bờ; (7) Năng lực phòng chống tai nạn thương tích. Cụ thể:

(1) *Năng lực quản lý, bảo quản con tàu:* Trong hoạt động ĐBHS, việc quản lý, bảo quản con tàu nhằm làm cho con tàu hoạt động hiệu quả, an toàn; người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo quản con tàu thường xuyên tiếp nhận thông tin từ các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động ĐBHS, ghi chép thông tin đầy đủ các thông số kỹ thuật của con tàu, báo cáo cơ quan chức năng những công việc liên quan đến con tàu, chịu trách nhiệm về trạng thái kỹ thuật của con tàu. Theo dõi tình hình sử dụng, khai thác, vận hành con tàu để kịp thời xử lý khi có sự thay đổi hoặc gặp sự cố; thực hiện bảo quản, bảo dưỡng, bảo trì, đăng kiểm an toàn kỹ thuật định kỳ cho tàu cá và các trang thiết bị đi kèm theo quy định của cơ quan chức năng, đảm bảo phương tiện luôn ở trạng thái kỹ thuật tốt nhất để sẵn sàng hoạt động.

(2) *Năng lực điều động tàu:* Năng lực giúp người lao động ĐBHS hiểu về cấu tạo, công dụng, ảnh hưởng tổng hợp bánh lái, chân vịt; biết sử dụng các dây buộc tàu; nắm vững nguyên tắc điều động tàu ngược nước, gió hoặc ảnh hưởng tổng hợp nước và gió. Người có năng lực điều động tàu có khả năng quan sát các chướng ngại vật trên đường đi của tàu trong quá trình điều động để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tàu; tính toán tác động của điều kiện ngoại cảnh như gió, nước,... ảnh hưởng đến quá trình điều động; sử dụng nhuần nhuyễn vô lăng kết hợp với cần ga, cần số thực hiện các chuyển động trong điều động tàu như: qua trái, qua phải, chạy thẳng, chạy lùi...

(3) *Năng lực khai thác, sử dụng các trang thiết bị hàng hải:* Trong quá trình ĐBHS, người lao động cần phải có kiến thức và kỹ năng về khai thác và sử dụng các trang thiết bị hàng hải; tùy vào mỗi nghề đánh bắt mà có những trang thiết bị hàng hải khác nhau cũng như phương thức sử dụng khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung là hiểu và thực hiện đúng quy trình, kỹ thuật đánh bắt, vận hành trang thiết bị, ngư cụ gọn gàng, an toàn đúng kỹ thuật. Hiểu được cấu tạo, chức năng, cách vận hành của từng trang thiết bị, dụng cụ trên tàu cá, các yêu cầu kỹ thuật của từng trang thiết bị.

(4) *Năng lực đánh bắt và sử dụng trang thiết bị, ngư cụ:* Đây là năng lực quan trọng cần có đối với mỗi người lao động ĐBHS, tùy theo phương thức đánh bắt mà kỹ năng đánh bắt và trang thiết bị, ngư cụ đánh bắt khác nhau, tuy nhiên, dù phương thức đánh bắt khác nhau nhưng người lao động cần phải có kiến thức về chức năng, cấu tạo, cách vận hành của các trang thiết bị ngư cụ, quy trình đánh bắt.

(5) *Năng lực bảo quản hải sản sau đánh bắt*: Người lao động có kiến thức, kỹ năng trong bảo quản hải sản sau đánh bắt, cách bảo quản hải sản trong hầm, thùng chứa; cách sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ trong việc bảo quản, kỹ năng lấy đá từ hầm chứa, kỹ năng vệ sinh, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ bảo quản, kỹ năng rửa hải sản, kỹ năng phân loại hải sản từ khối lượng đến chất lượng khi bảo quản; nguyên tắc an toàn thực phẩm và vệ sinh công nghiệp, quy trình chuẩn bị bảo quản, kỹ năng kiểm tra, xử lý hải sản trong quá trình bảo quản hải sản.

(6) *Năng lực tiêu thụ hải sản*: Sau khi kết thúc chuyến biển thì việc tiêu thụ sản phẩm cũng không kém phần quan trọng. Người lao động ĐBHS phải thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm để có lợi nhuận phục vụ cho những chuyến biển sau. Nhiệm vụ của việc tiêu thụ sản phẩm gồm các công việc như khảo sát thị trường, hợp đồng bán cá, tính chi phí chuyến biển và hạch toán chuyến biển.

(7) *Năng lực phòng chống tai nạn thương tích trên biển*: Năng lực phòng chống tai nạn thương tích của người lao động ĐBHS được hiểu là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có của mình nhằm chủ động ngăn ngừa và ứng phó với những yếu tố nguy hiểm để không xảy ra tai nạn thương tích hoặc giảm thiểu hậu quả và mức độ nghiêm trọng của tai nạn thương tích cho bản thân và người khác khi hoạt động ĐBHS trên biển.

Theo chúng tôi, khung năng lực này không chỉ bao gồm những NLNN nêu trên mà còn các năng lực khác, những NLNN mà chúng tôi đề xuất là những năng lực có tính tổng quát, cần có của người lao động ĐBHS trong giai đoạn hiện nay, chưa phải là Chuẩn nghề nghiệp của người lao động ĐBHS. Các NLNN nêu trên cần được bổ sung và hoàn thiện nhằm giúp người lao động ĐBHS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, công việc trong quá trình làm việc; ngoài ra, còn giúp cho công tác bồi dưỡng NLNN cho người lao động ĐBHS đạt hiệu quả.

Từ khung NLNN của người lao động ĐBHS có thể thấy, để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng NLNN cho người lao động ĐBHS, trước hết phải xác định được Chuẩn của các năng lực cụ thể nói trên, đồng thời cần phát triển các năng lực một cách đồng bộ nhằm hình thành NLNN cho người lao động ĐBHS, lúc này người lao động ĐBHS mới được coi là đã có NLNN trong hoạt động ĐBHS.

### 3. Kết luận

Việc nghiên cứu, đề xuất khung NLNN của người lao động ĐBHS là hướng đi cần thiết, các NLNN này cần được tiếp tục nghiên cứu, phát triển ở các tiêu chuẩn, tiêu chí làm cơ sở cho các cơ sở giáo dục triển khai những giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động ĐBHS. Việc tổ chức bồi dưỡng những NLNN này sẽ giúp người lao động ĐBHS có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ, công việc được phân công trong quá trình ĐBHS trên biển, có khả năng thích ứng với những tình huống xảy ra trong quá trình ĐBHS, giúp người lao động ĐBHS yên tâm “vươn khơi bám biển”.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Ban Tuyên giáo Trung ương (2013). *100 câu hỏi - đáp về biển đảo*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012). *Tài liệu an toàn lao động vệ sinh nghề cá*.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021). *Quyết định số 806/QĐ-LĐTBXH ngày 14/7/2021 về việc công bố Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia năm 2020*.
- Đào Thị Oanh (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm - Lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- Hoàng Phê (2009). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Đà Nẵng.
- Hoàng Phê, Vũ Xuân Lương, Hoàng Thị Tuyền Linh, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa (2008). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Hội Nghề cá Việt Nam (2007). *Bách khoa thủy sản*. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Trọng Khanh (2011). *Phát triển năng lực và tư duy kỹ thuật*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Văn Cường (2015). *Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển thành phố Hải Phòng*. Luận án tiến sĩ Kinh tế phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Viết Sự (2005). *Giáo dục nghề nghiệp - Những vấn đề và giải pháp*. NXB Giáo dục.
- Quốc hội (2017). *Luật Thủy sản*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Trần Kiểm (2015). *Phát triển năng lực người học trong giáo dục*. Kì yếu Hội thảo Quốc gia Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học, tr 113-121. NXB Thế giới.





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**60** NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN



ITE-HCMUTE



# KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

## VAI TRÒ VÀ XU HƯỚNG CỦA LĨNH VỰC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Nhân Bản . Sáng Tạo . Hội Nhập



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH



## MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	3
LỜI NÓI ĐẦU	5
<b>I SỰ PHẠM KỸ THUẬT VỚI XU HƯỚNG VÀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC</b>	<b>15</b>
1 TỔ CHỨC HỌC TẬP VÀ XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI GIÁO DỤC SỐ ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM <b>Đỗ Văn Dũng<sup>1</sup>, Ngô Anh Tuấn<sup>3</sup>, Mai Anh Thơ<sup>3</sup></b> <i>(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	17
2 CÔNG NGHỆ DẠY HỌC VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG DẠY <b>Trần Khánh Đức</b> <i>Trường Đại học Bách khoa Hà Nội</i>	32
3 NĂNG LỰC DẠY HỌC QUA MẠNG TRONG HỆ THỐNG NĂNG LỰC DẠY HỌC SỐ CỦA GIÁO VIÊN – CƠ SỞ CHO VIỆC XÂY DỰNG KHUNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC DẠY HỌC QUA MẠNG <b>Nguyễn Văn Tuấn</b> <i>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	42
4 CẤU TRÚC VIDEO BÀI GIẢNG TRONG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN KHÔNG ĐỒNG BỘ <b>Hoàng Anh<sup>1</sup>, Nguyễn Thanh Thủy<sup>2</sup>, Võ Đình Dương<sup>3</sup></b> <i>(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	56



---

5	HỆ SINH THÁI GIÁO DỤC TRỰC TUYẾN Nguyễn Ngọc Phương <sup>1</sup> , Trần Văn Sỹ <sup>2</sup> , Phan Kim Thành <sup>3</sup> Trần Công Sang <sup>4</sup> <i>(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i> <i>(4) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên</i> <i>Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh</i>	71
6	MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC QUA MẠNG TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÁCH MẠNG 4.0 Nguyễn Hữu Năng <sup>1</sup> , Nguyễn Thanh Thủy <sup>2</sup> <i>(1) Trường Đại học Văn Lang</i> <i>(2) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	81
7	TỔNG HỢP VÀ PHÂN LOẠI CÁC DẠNG HỌC LIỆU SỐ SỬ DỤNG TRONG MÔI TRƯỜNG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN Nguyễn Minh Khánh <sup>1</sup> , Võ Đình Dương <sup>2</sup> <i>(1,2) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	90
8	TỔNG QUAN MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO Nguyễn Văn Tứ <sup>1</sup> , Nguyễn Thanh Thủy <sup>2</sup> , Bùi Văn Hồng <sup>3</sup> , Nguyễn Ngọc Phương <sup>4</sup> <i>(1,2,3,4) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	105
9	DẠY HỌC MÔ ĐUN THIẾT KẾ DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM KỸ THUẬT DỰA TRÊN MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID A. KOLB Lê Trọng Phong <i>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh</i>	123
10	DẠY HỌC THEO PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP TỰ ĐỊNH HƯỚNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT Bùi Văn Hồng <sup>1</sup> , Võ Thị Xuân <sup>2</sup> , Trương Minh Trí <sup>3</sup> <i>(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	133

---

---

11	NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CỐT LÕI CHO SINH VIÊN CÁC NGÀNH KỸ THUẬT	144
	<b>Nguyễn Thanh Thủy<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Tuấn<sup>2</sup>, Bùi Thị Bích<sup>3</sup></b> <i>(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	
12	DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM CHỦ ĐỀ “CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT” MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6	159
	<b>Nguyễn Đức Huân</b> <i>NCS Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	
13	TỔNG QUAN VỀ HỌC TẬP HỢP TÁC	176
	<b>Đặng Ngọc Trung</b>	
14	QUY TRÌNH TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP DỰA TRÊN CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	191
	<b>Lưu Khánh Linh</b> <i>Trường Đại học Tài chính – Marketing</i>	
15	TRÒ CHƠI HOÁ TRONG GIÁO DỤC	201
	<b>Nguyễn Lê Bảo Bảo<sup>1</sup>, Đoàn Như Hùng<sup>2</sup>, Nguyễn Lê Bảo Xuyên<sup>3</sup></b> <i>(1,2) Trường Đại học Đồng Nai</i> <i>(3) Trường Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	
16	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC THEO DỰ ÁN CHO MÔN THỰC TẬP ĐIỆN TỬ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM	213
	<b>Vũ Thị Ngọc Thu</b> <i>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	
17	THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ MẠCH IN SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ ẢNH	222
	<b>Bùi Xuân Lục</b> <i>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh</i>	

---

---

**II SỰ PHẠM KỸ THUẬT VỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP** 231

---

- 18 ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC SỐ CHO NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYÊN ĐỔI SỐ 233

**Nguyễn Hữu Hợp<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Cúc<sup>2</sup>, Đoàn Thanh Hòa<sup>3</sup>**

*(1,2,3) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*

---

- 19 PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CHO NHÀ GIÁO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 245

**Bùi Văn Hồng**

*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 20 DẠY HỌC TRỰC TUYẾN HIỆU QUẢ Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ 260

**Phạm Ngọc Diễm**

*Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 21 MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYÊN ĐỔI SỐ Ở TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ – KỸ THUẬT QUẬN 12 THEO TIẾP CẬN ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC 275

**Trần Văn Mừng**

*Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12*

---

- 22 THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY 284

**Nguyễn Trần Nghĩa<sup>1</sup>, Đặng Thị Loan<sup>2</sup>**

*(1,2) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 23 CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12 293

**Cao Văn Tấn**

*Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12*

---

---

24 MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ 303  
TRONG QUẢN TRỊ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC  
NGHỀ NGHIỆP

**Đỗ Quang Trung**

*Trường Cao đẳng nghề TP Hồ Chí Minh*

---

25 HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRONG MÔI TRƯỜNG 312  
SỐ TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Phan Vũ Nguyên Khương**

*Trường Cao đẳng nghề TP Hồ Chí Minh*

---

26 NHỮNG LỢI ÍCH KHI THỰC HIỆN MÔ HÌNH LIÊN KẾT 321  
ĐÀO TẠO GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP  
TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Đào Thị Thanh Thủy**

*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

27 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ HỆ THỐNG BẢO ĐẢM 330  
CHẤT LƯỢNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

**Nguyễn Ngọc Phương<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Kim Bắc<sup>2</sup>**

*<sup>(1)</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

*<sup>(2)</sup>Trường Trung cấp Đông Sài Gòn, TP Thủ Đức*

---

28 ĐỔI MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ 341  
NGHỀ NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
KỸ NGHỆ II

**Bùi Văn Hưng**

*Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II*

---

29 BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI 350  
LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN THEO TIẾP CẬN NĂNG  
LỰC THỰC HIỆN

**Nguyễn Trí<sup>1</sup>, Võ Thị Ngọc Lan<sup>2</sup>**

*<sup>(1,2)</sup> Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 
- 30 PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC STEM CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC 365

**Lê Thị Xinh<sup>1</sup>, Bùi Văn Hồng<sup>2</sup>**

*(<sup>1</sup>) Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh*

*(<sup>2</sup>) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh.*

---

- 31 NHU CẦU TẬP HUẤN GIÁO DỤC STEM CHO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 379

**Huỳnh Ngọc Thanh**

*Trường Đại học Bình Dương*

---

- 32 DẠY HỌC THỰC HÀNH MÔN CÔNG NGHỆ THEO TIẾP CẬN GIÁO DỤC STEM 394

**Nguyễn Thị Lương**

*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 33 DẠY HỌC CHỦ ĐỀ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THEO TIẾP CẬN GIÁO DỤC STEM 403

**Nguyễn Thị Vân**

*Trường Đại học Đồng Nai*

---

- 34 PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN CÔNG NGHỆ ĐÁP ỨNG DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH GIÁO DỤC STEM CHO CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG 413

**Ngô Văn Tới**

*Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội*

---

- 35 GIÁO DỤC STEM TRONG DẠY HỌC MÔN CÔNG NGHỆ 424

**Bùi Văn Hồng<sup>1</sup>, Phan Nguyễn Trúc Phương<sup>2</sup>,**

**Nguyễn Quốc Tiệp<sup>3</sup>**

*(<sup>1,2,3</sup>) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

- 36 ĐỘNG CƠ PHẢN LỰC: MỘT BỐI CẢNH GIÁO DỤC STEM TÍCH HỢP 435

**Nguyễn Thị Kim Chung<sup>1</sup>, Huỳnh Thị Phương Thúy<sup>2</sup>,**

**Đinh Thị Bích Lại<sup>3</sup>, Nguyễn Phương Duy Anh<sup>4</sup>,**

**Đào Xuân Hường<sup>5</sup>**

*(<sup>1,2,3,4</sup>) Trường Đại học Thủ Dầu Một*

*(<sup>5</sup>) Trường THPT Tân Phước Khánh*

---



---

37 THIẾT KẾ QUY TRÌNH TỔ CHỨC TRÒ CHƠI KHOA HỌC 445  
THEO ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC STEM CHO TRẺ MẪU  
GIÁO 5-6 TUỔI

**Bùi Thị Giáng Hương**  
*Trường Đại học Sài Gòn*

---

38 VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT 456  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI GIÁO DỤC STEM  
TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

**Đặng Khánh Linh<sup>1</sup>, Nguyễn Huy Vị<sup>2</sup>**  
*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học  
Quốc gia TP Hồ Chí Minh*

---

**IV SƯ PHẠM KỸ THUẬT VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN 465  
NHÂN LỰC**

---

39 XU THẾ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG THẾ 467  
KỲ 21

**Nguyễn Lộc<sup>1</sup>, Lâm Thị Hoàng Linh<sup>2</sup>**  
*<sup>(1)</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
<sup>(2)</sup>Trường Đại học Nguyễn Tất Thành*

---

40 CHUẨN HÓA NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN ĐỂ HƯỚNG 480  
DẪN ĐỒ ÁN, DỰ ÁN CHO GIÁNG VIÊN NGÀNH THIẾT  
KẾ THỜI TRANG

**Lê Thùy Trang**  
*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

41 ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG SƯ PHẠM KỸ THUẬT TẠI 490  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THỜI  
KỲ MỚI

**Đặng Văn Thành**  
*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

42 GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA MÔN THỰC TẬP ĐIỆN TỬ 496  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
TP HỒ CHÍ MINH

**Vũ Thị Ngọc Thu**  
*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh*

---

# BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC THỰC HIỆN

Nguyễn Trí<sup>1</sup>, Võ Thị Ngọc Lan<sup>2</sup>

<sup>(1)</sup>NCS Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh

Email: <sup>(1)</sup>trin.ncs@hcmute.edu.vn,

<sup>(2)</sup>Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh

Email: <sup>(2)</sup>vothingoclan@yahoo.com

## TÓM TẮT

Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản là hoạt động cần thiết để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động đánh bắt hải sản, đáp ứng nhiệm vụ, yêu cầu công việc đánh bắt hải sản. Bài viết này trình bày các vấn đề lý luận cơ bản như tiếp cận đào tạo theo năng lực, lý thuyết học thông thạo, mô hình thiết kế đào tạo ADDIE, từ đó đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.

**Từ khóa:** bồi dưỡng; năng lực; năng lực nghề nghiệp; người lao động đánh bắt hải sản; tiếp cận năng lực thực hiện

## 1. MỞ ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia có bờ biển chạy dọc theo chiều dài của đất nước, là một trong những khu vực có nguồn lợi hải sản phong phú trên thế giới. Thời gian qua, nghề cá nước ta đã phát triển nhanh chóng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế biển và giải quyết các vấn đề xã hội của đất nước. Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định Việt Nam sẽ trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển. Để đạt mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng lao động (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2018).

Hiện nay công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản tuy được quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Chương trình, nội dung bồi dưỡng vẫn còn theo hình thức tập trung vào kiến thức, chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển năng lực, phương pháp bồi dưỡng vẫn thuyết trình là chính, học viên vẫn chủ yếu là nghe giảng với số lượng

nhiều, công tác kiểm tra, đánh giá đôi lúc chưa nghiêm túc, chương trình, kế hoạch bồi dưỡng chưa phù hợp nên hiệu quả mang lại chưa cao, dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn của đa số người lao động đánh bắt hải sản còn thiếu và yếu.

Trong khi đó, công ước quốc tế về tiêu chuẩn đào tạo huấn luyện, chứng nhận và trực ca cho Thuyền viên tàu cá (STCW) của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đã quy định tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp cần thiết đối với mỗi lao động trên tàu đánh cá. Là thành viên của Công ước này từ năm 1991, Việt Nam đã và đang thể hiện trách nhiệm của mình bằng việc triển khai các hệ thống quản lý, đào tạo và chứng nhận theo quy định của Công ước nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp của mỗi thành viên trên tàu (Kính, 2012).

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động, trong đó tiếp cận đào tạo theo năng lực thực hiện được áp dụng rộng rãi vì những ưu việt nổi trội so với tiếp cận đào tạo truyền thống là tiếp cận theo nội dung.

Bài viết này trình bày một số vấn đề lý luận về bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện bao gồm các khái niệm và trên cơ sở các quan điểm tiếp cận năng lực thực hiện, lý thuyết học thông thạo, mô hình thiết kế đào tạo ADDIE, tác giả đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực thực hiện nhằm đem lại hiệu quả trong công tác bồi dưỡng.

## **2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

### ***2.1. Một số khái niệm cơ bản***

#### ***2.1.1. Bồi dưỡng***

Hiện nay, có nhiều khái niệm về bồi dưỡng được các nhà nghiên cứu phát biểu dưới nhiều hình thức khác nhau. Bồi dưỡng được hiểu là hoạt động nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn khi mà những kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện có hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nhà trường (Lộc, 2010).

Trong bài viết này, khái niệm bồi dưỡng chính là trang bị thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm mục đích nâng cao trình độ cho người lao động, giúp người lao động đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc. Bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản chính là bổ sung thêm

kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người lao động đánh bắt hải sản nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Bồi dưỡng là quá trình học tập của người lao động diễn ra song song với quá trình lao động sản xuất nhằm nâng cao năng lực của người lao động để đáp ứng yêu cầu công việc. Với quá trình phát triển của xã hội, mỗi người lao động cần phải được bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng còn thiếu hoặc những những kiến thức, kỹ năng mới gắn với công việc của mình nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc đang làm.

### *2.1.2. Năng lực*

Năng lực được hiểu là một tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực thi một nhiệm vụ cụ thể trong một bối cảnh cụ thể, bao gồm năng lực chung hay còn gọi là năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn/kỹ thuật (Khanh, 2011). Năng lực chung là cơ sở của năng lực chuyên môn, ngược lại sự phát triển của năng lực chuyên môn trong điều kiện nhất định ảnh hưởng đến sự phát triển của năng lực chung, một người có năng lực trong một lĩnh vực nào đó có nghĩa là người ấy có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhất định về lĩnh vực đó.

Năng lực là khả năng của cá nhân có thể thực hiện một hoạt động nào đó, làm cho hoạt động ấy đạt đến một kết quả nhất định. Năng lực được hình thành, thể hiện và phát triển trong hoạt động, nó chỉ tồn tại trong mối quan hệ với một hoạt động nhất định [9]; năng lực là cái được tạo ra chứ không có sẵn; quá trình phát triển năng lực trải qua nhiều mức độ khác nhau đi từ thấp đến cao; muốn phát triển năng lực, cần tổ chức hoạt động tương ứng cho cá nhân (Oanh, 2016).

Như vậy, theo chúng tôi, năng lực được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp.

### *2.1.3. Năng lực nghề nghiệp*

Với mỗi hoạt động nghề nghiệp khác nhau sẽ có những năng lực khác nhau, giúp cho người lao động thành công trong hoạt động. Nói đến năng lực của người lao động đánh bắt hải sản là nói đến khả năng thực hiện thành công một hoạt động nghề nghiệp nào đó của người đánh bắt hải sản. Thực tế không có một khái niệm “năng lực nghề nghiệp” chung chung, có bao nhiêu loại hình nghề nghiệp thì có bấy nhiêu loại năng lực nghề nghiệp (Oanh, 2016). Năng lực nghề nghiệp được hiểu là những năng lực đảm bảo thành công cho hoạt động nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp có mặt trong phân loại năng lực hoạt động của con người. Việc đánh giá phù hợp yêu cầu của các năng lực đối với hoạt động nghề nghiệp là rất quan

trọng. Để đánh giá năng lực nghề nghiệp đối với cá nhân, cần phải xem liệu người đó có thực hiện được những công việc thể hiện chức năng nghề nghiệp trong các tình huống cụ thể hay không. Như vậy, khi bàn đến năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản là bàn đến một năng lực chuyên biệt trong nghề đánh bắt hải sản nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động đánh bắt hải sản, làm cho hoạt động đánh bắt hải sản đạt hiệu quả cao nhất.

Năng lực nghề nghiệp (NLNN) được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động (công việc, nhiệm vụ) trong nghề đánh bắt hải sản theo các yêu cầu đặt ra đối với từng nội dung hoạt động.

#### *2.1.4. Người lao động đánh bắt hải sản*

Trong nghiên cứu này, chúng tôi coi công việc đánh bắt hải sản là một nghề, chính là “công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội, thường phải do rèn luyện và học tập” (Phê, tr.533). Theo từ điển Tiếng Việt thì khái niệm đánh bắt “bao gồm đánh và bắt các loại thủy sản” (Phê, tr.210), khái niệm hải sản “là sản phẩm động vật, thực vật khai thác từ biển” (Phê, tr.313).

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thủy sản năm 2017, khai thác thủy sản là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản (Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2017). Tuy nhiên, để phân biệt giữa thủy sản trên biển với thủy sản ở các vùng nước khác như sông, hồ,... thì trong rất nhiều tài liệu, các tác giả thường sử dụng cụm từ hải sản để thay thế cho tên gọi thủy sản trên biển (Cường, 2015). Do vậy, khái niệm đánh bắt hải sản trong nghiên cứu này được hiểu là hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản trên biển; sản phẩm thủy sản khai thác được trên biển được gọi là hải sản thay cho tên gọi chung là thủy sản.

Như vậy, hoạt động đánh bắt hải sản là hoạt động nghề nghiệp và người lao động đánh bắt hải sản là những thuyền viên làm việc trên tàu cá, là người làm nhiệm vụ khai thác nguồn lợi hải sản trên biển thông qua các công cụ chuyên dùng.

#### *2.1.5. Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản*

Từ các khái niệm nêu trên, khái niệm bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản được hiểu là quá trình bổ sung, cập nhật những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản để người lao động đánh bắt hải sản có khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ, công việc trong hoạt động nghề nghiệp của mình.



## ***2.2. Tiếp cận năng lực thực hiện trong bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản.***

### ***2.2.1. Năng lực thực hiện (NLTH)***

Theo Nguyễn Đức Trí thì trong lĩnh vực dạy nghề thì nhiều tác giả dùng thuật ngữ năng lực thực hiện (tiếng Anh là competency) là khả năng thực hiện các hoạt động (công việc, nhiệm vụ) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ, công việc đó. Năng lực thực hiện là sự kết hợp của ba thành tố kiến thức, kỹ năng, thái độ để hoàn thành được những công việc nào đó (Trí, 2011).

NLTH bao gồm các đặc điểm về kiến thức, kỹ năng và sự áp dụng các yếu tố này đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của sự thực hiện trong việc làm. Năng lực thực hiện thường dùng để chỉ những gì tối thiểu (mức chuẩn) cá nhân cần phải có để tiến hành được một công việc.

Về khái niệm năng lực thực hiện đã được các tác giả trong và ngoài nước đề cập trong các nghiên cứu của mình, nhìn chung trong các nghiên cứu các tác giả đều cho rằng năng lực thực hiện thường được dùng trong lĩnh vực nghề nghiệp được hiểu là khả năng, là cái làm cho con người có thể làm được các công việc của nghề đó, là thuộc tính cơ bản của con người, nó dẫn đến sự thực hiện một cách hiệu quả và tốt trong một nghề (Oanh, 2015)

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng NLTH của người lao động đánh bắt hải sản là năng lực thực hiện, chính là khả năng thực hiện các hoạt động đánh bắt hải sản trên biển theo các tiêu chuẩn đặt ra đối với từng hoạt động đó.

### ***2.2.2. Tiếp cận đào tạo theo năng lực thực hiện***

Tiếp cận đào tạo theo năng lực thực hiện là phương thức đào tạo dựa vào các năng lực thực hiện. Điểm khác biệt của đào tạo nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện so với đào tạo nghề truyền thống là việc định hướng đầu ra, làm sao khi kết thúc quá trình đào tạo, người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo các tiêu chuẩn đề ra. Trong đào tạo theo năng lực thực hiện, một người có năng lực thực hiện phải là người: Có khả năng làm được cái gì đó và có thể làm tốt những cái đó như mong đợi.

Các NLTH mà người học sẽ tiếp thu trong quá trình đào tạo theo NLTH phải được xác định từ việc phân tích nghề một cách nghiêm ngặt, chính xác và đầy đủ bằng phương pháp DACUM (được viết tắt từ tiếng Anh là Development of A Curriculum, dịch là phát triển chương trình đào

tạo) kết hợp với phương pháp chuyên gia. Việc phân tích nghề thực chất là xác định được mô hình hoạt động của người lao động bao gồm những nhiệm vụ và những công việc mà người lao động phải thực hiện trong lao động nghề nghiệp (Trí, 2011).

### **2.3. Lý thuyết học thông thạo**

Theo quan niệm “học thông thạo”, hầu hết những người học có trí tuệ phát triển bình thường đều có thể học được cái gì đó (thành công) đến mức độ nắm vững hay thông thạo với hai điều kiện có tính chất quyết định là: Người học có đủ thời gian (thời gian học là khác nhau đối với từng người vì họ được học và phải được tạo điều kiện học theo nhịp độ của từng người) và người dạy có sự hướng dẫn tốt và thích hợp với người học.

Theo quan điểm của thuyết “học thông thạo” thì trong bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, nếu có sự hướng dẫn tốt và có đủ thời gian cho từng người học thì mọi người học đều có thể học bất cứ cái gì đạt đến một trình độ thông thạo (mastery learning), người học đạt được sự thông thạo việc gì đó sau một thời gian học tập dài, ngắn khác nhau tùy thuộc chủ yếu vào khả năng và nhịp độ học của mình.

Hơn nữa, người lao động đánh bắt hải sản là những người trưởng thành, có ít nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp, hơn nữa trên tàu đánh cá có nhiều độ tuổi khác nhau, trình độ tay nghề cũng khác nhau nên khả năng học tập cũng sẽ khác nhau. Vì thế, việc áp dụng lý thuyết học thông thạo khi thiết kế chương trình và tổ chức bồi dưỡng là phù hợp nhất.

### **2.4. Một số đặc điểm liên quan đến học nghề của người lao động đánh bắt hải sản**

Hiện nay, đa số người lao động đánh bắt hải sản là người trưởng thành (người lớn), ít nhiều đã có kiến thức và kinh nghiệm trong công việc, vì vậy việc bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản đều phải dựa vào đặc điểm của người lớn với tư cách của người học.

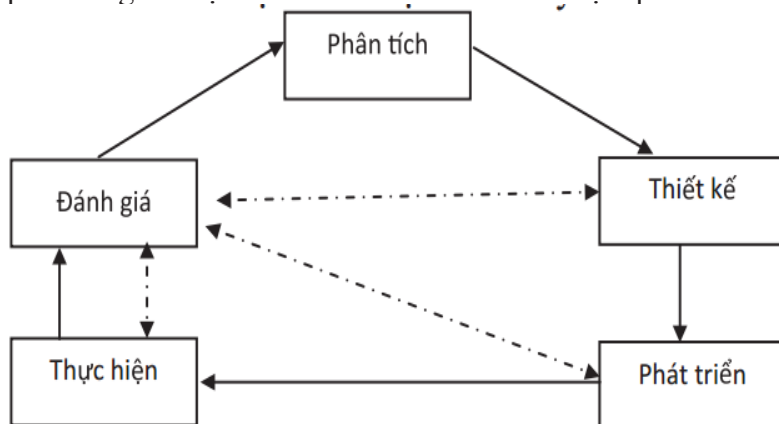
Người lớn có động cơ, nhu cầu và đặc điểm học tập hoàn toàn khác với học sinh. Học tập của người lớn có tính mục đích rõ ràng, cụ thể và có tính thực dụng cao. Họ muốn học tập những kỹ năng, kiến thức cần thiết để nâng cao năng lực cá nhân, nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình. Bởi vậy học tập của người lớn mang tính tự nguyện. Người lớn chỉ thực sự tham gia học tập khi nào họ cảm thấy cần thiết. Người lớn luôn so sánh đối chiếu những điều học được, nghe được với những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của bản thân trong thực tiễn, kết hợp giữa lý thuyết và thực tế. Bên cạnh đó tính trì trệ, bảo thủ trong kinh

nghiệm là cản trở tâm lí quan trọng đối với việc học tập của người lớn. Người lớn có vốn hiểu biết và kinh nghiệm cuộc sống, trải nghiệm nghề nghiệp phong phú. Vì vậy, trong quá trình học tập những “vốn sống” này giúp cho quá trình nhận thức của người lớn nhanh hơn, dễ dàng hơn và nhớ lâu hơn so với học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, người lớn hạn chế về trí nhớ, dễ mất cảm, tự ti, tự ái và có tính bảo thủ cao (Hiệp, 2017).

## 2.5. Mô hình ADDIE

Trong thiết kế dạy học, có nhiều mô hình khác nhau, nhưng theo chúng tôi, mô hình ADDIE vẫn là mô hình cơ bản trong thiết kế dạy học vì tính ưu việt của nó. Mô hình ADDIE là mô hình thiết kế hệ thống dạy học được phát triển từ năm 1975 bởi Trung tâm Công nghệ giáo dục tại Đại học Florida. ADDIE là viết tắt của Analysis (Phân tích), Design (Thiết kế), Development (Phát triển), Implementation (Thực hiện) và Evaluation (Đánh giá) (John Wilew and Son, 2010).

Đặc điểm của mô hình ADDIE là một quá trình tuyến tính gồm nhiều giai đoạn khác nhau, vừa có tính cấu trúc vừa có tính linh hoạt với mục đích thiết yếu là đảm bảo việc đào tạo là cách tốt nhất để đạt kết quả mong muốn. Điểm đặc biệt của mô hình ADDIE là các bước thực hiện không nhất thiết phải theo trình tự tuyến tính mà có thể thay đổi, các giai đoạn được xác định rõ ràng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các công cụ đào tạo hiệu quả. Các giai đoạn của mô hình ADDIE thể hiện qua hình sau:



**Hình 1.** Mô hình ADDIE (John Wilew and Son, 2010)

Với 5 giai đoạn trong mô hình ADDIE được thực hiện theo quy trình, giai đoạn này hoàn thành trước khi chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Trong các nghiên cứu của Nada Aldoobie (Nada Aldoobie, 2015), trong thiết kế sư phạm, các giai đoạn của mô hình ADDIE được cụ thể hóa như sau:

**Giai đoạn Phân tích (Analysis):** Đây là giai đoạn khá quan trọng, giai đoạn gồm các bước như phân tích nhu cầu của người học, phân tích công việc của nghề, phân tích nhiệm vụ. Giai đoạn này cần xác định nhu cầu và vấn đề cần thiết mà người học cần học. Để thực hiện việc này có thể thực hiện các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn,... Kết quả của giai đoạn này chính là xác định được các năng lực mà người học mong muốn bồi dưỡng.

**Giai đoạn Thiết kế (Design):** Đây là giai đoạn tiếp theo của giai đoạn phân tích, sử dụng kết quả đầu ra từ giai đoạn phân tích. Ở giai đoạn này cần thực hiện các bước để đạt được mục tiêu bồi dưỡng, xác định chuẩn đầu ra của quá trình bồi dưỡng

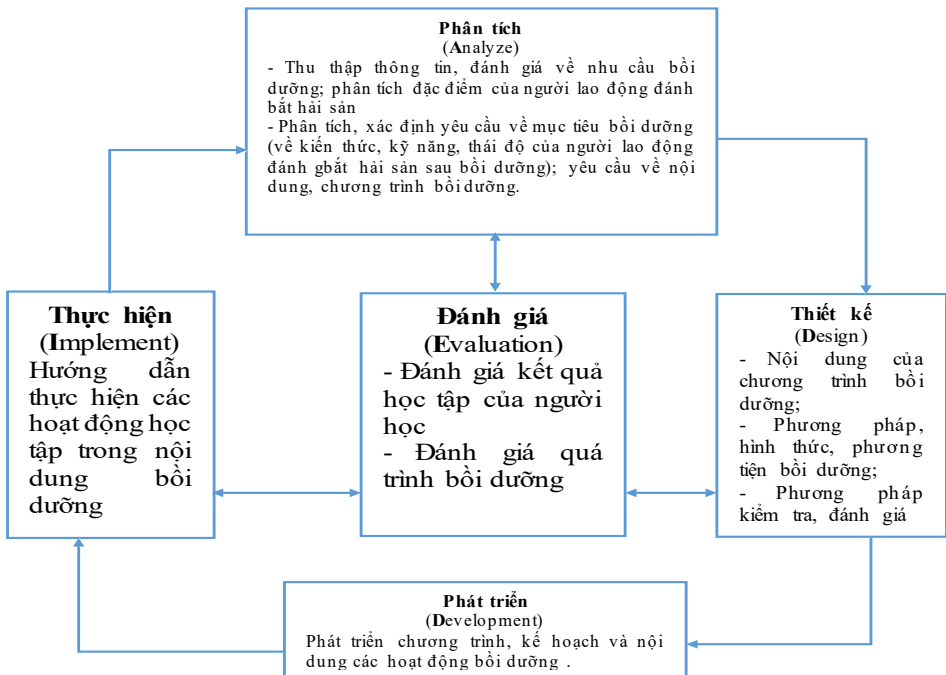
**Giai đoạn Phát triển (Development):** Đây là giai đoạn thứ 3 và phụ thuộc vào 2 giai đoạn đầu là phân tích và thiết kế, giai đoạn này sử dụng dữ liệu của hai giai đoạn đầu, nếu hai giai đoạn đầu chính xác thì việc triển khai giai đoạn phát triển sẽ dễ dàng. Trong giai đoạn này thì mục đích là thiết kế chương trình bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng, lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức bồi dưỡng, xây dựng được tài liệu bồi dưỡng

**Giai đoạn Thực hiện (Implementation):** Giai đoạn này chính là triển khai các nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển. Trong giai đoạn này, giáo viên hướng dẫn thực hiện các hoạt động học tập theo những mô đun trong nội dung bồi dưỡng. Giai đoạn này có thể kiểm tra để xác định những kế hoạch, nội dung,... có phù hợp với đối tượng được bồi dưỡng hay không? Trong giai đoạn này, nội dung bồi dưỡng, chương trình bồi dưỡng vừa tiến hành vừa chỉnh sửa để phù hợp với yêu cầu.

**Giai đoạn Đánh giá (Evaluation):** Là giai đoạn cuối cùng của mô hình, giai đoạn quan trọng để đảm bảo rằng các giai đoạn trước đã thực hiện tốt và đạt được mục tiêu bồi dưỡng, đáp ứng được nhu cầu người học. Giai đoạn đánh giá có thể chia thành hai loại là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Các kết quả của giai đoạn đánh giá làm cơ sở cho việc thay đổi và cải tiến mục tiêu bồi dưỡng

## **2.6. Đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực thực hiện**

Mô hình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản chính là bản thiết kế tổng thể cho hoạt động bồi dưỡng. Trên cơ sở các phân tích trên, chúng tôi đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản có hình thức cụ thể như hình sau:



**Hình 2.** Mô hình bồi dưỡng NLNN cho người lao động đánh bắt hải sản

### ***Giai đoạn Phân tích (Analyze)***

Giai đoạn phân tích là giai đoạn đầu tiên cần thực hiện trong mô hình bồi dưỡng. Giai đoạn này cần phải xác định nhu cầu người học, tập trung vào đối tượng chính vào người học. Điều đó có nghĩa là chương trình bồi dưỡng khi tạo ra phải phù hợp với trình độ năng lực của người học. Nhu cầu bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản là những nhu cầu về những nội dung mà người lao động đánh bắt hải sản chưa được bồi dưỡng hoặc đã được bồi dưỡng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu cần phải bồi dưỡng tiếp tục. Người thiết kế tách biệt rõ ràng giữa những gì người lao động đánh bắt hải sản đã biết và những gì người lao động đánh bắt hải sản chưa biết và cần phải biết sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng.

Việc phân tích nhu cầu sẽ xác định được nội dung nào sẽ được đưa vào chương trình bồi dưỡng bao gồm: Đối tượng tham gia vào khóa học bồi dưỡng; đặc điểm của đối tượng bồi dưỡng; Nhu cầu của người lao động đánh bắt hải sản là gì; trình độ nghề nghiệp hiện tại, kinh nghiệm, lứa tuổi, sở thích, trình độ văn hóa,... Khi kết thúc khóa bồi dưỡng, người lao động đánh bắt hải sản cần phải hoàn thành được những gì, hình thành và phát triển được những kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực) như thế nào? Ở giai đoạn này cũng xác



định các phương pháp bồi dưỡng phổ biến được sử dụng trong chương trình bồi dưỡng. Xác định lại các hình thức bồi dưỡng hiện đang được sử dụng liệu có sử dụng trong chương trình bồi dưỡng này được không? Xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khóa bồi dưỡng và những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu tổng quát của chương trình bồi dưỡng.

Tóm lại, việc phân tích nhu cầu người học để xác định các thông tin liên quan đến đặc điểm cá nhân và học tập của người lao động đánh bắt hải sản cần phải được xác định càng rõ ràng càng tốt để phục vụ cho giai đoạn tiếp theo.

### ***Giai đoạn Thiết kế (Design)***

Giai đoạn này là xác định mục tiêu bồi dưỡng, có nghĩa là xác định chuẩn đầu ra của quá trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, điều này thực hiện qua việc phân tích nghề theo phương pháp DACUM, trên cơ sở xác định những nhu cầu của thực tiễn về hoạt động nghề nghiệp để xác định được kiến thức, kỹ năng mà người lao động đánh bắt hải sản cần có để thực hiện tốt công việc của mình.

Giai đoạn này cũng xác định được các yêu cầu của mục tiêu bồi dưỡng, bảo đảm người học sau khi bồi dưỡng có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo nhu cầu đã xác định, hay nói cách khác giai đoạn này phải xác định được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khóa bồi dưỡng.

### ***Giai đoạn Phát triển (Development)***

Giai đoạn này phải xác định được nội dung bồi dưỡng và thiết kế chương trình bồi dưỡng. Việc thiết kế nội dung bồi dưỡng các năng lực nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản theo tiếp cận năng lực thực hiện theo hướng mô đun hóa, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định. Mỗi năng lực thực hiện là một mô đun tương ứng độc lập có thể thích ứng với sự lựa chọn của người lao động đánh bắt hải sản tùy theo điều kiện và khả năng của mỗi người. Mỗi mô đun bồi dưỡng cần chứa mục tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng, phương pháp bồi dưỡng, phương tiện bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng cũng như công cụ đánh giá kết quả bồi dưỡng theo chuẩn đầu ra.

Việc thiết kế chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản cần thực hiện theo các yêu cầu của việc thiết kế chương trình theo tiếp cận năng lực thực hiện bao gồm thiết kế cấu trúc khung chương trình, đó chính là xác định các kiến thức, kỹ năng của mỗi năng lực nghề nghiệp thể hiện qua mỗi mô đun, các mô đun phải có sự hỗ trợ, liên kết chặt chẽ với nhau thông qua việc phân tích nghề.

Sau khi có chương trình bồi dưỡng thì lựa chọn phương pháp bồi

dưỡng, phương tiện bồi dưỡng và hình thức bồi dưỡng phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng, lựa chọn phương pháp bồi dưỡng để sau khóa học, người lao động đánh bắt hải sản đạt được các năng lực đã được xác định trong chuẩn đầu ra của chương trình bồi dưỡng, ngoài ra cần xác định thêm các điều kiện cần trợ giúp để đảm bảo cho hoạt động bồi dưỡng đạt hiệu quả.

**Giai đoạn Thực hiện (Implement):** Giai đoạn này chính là hướng dẫn thực hiện các hoạt động bồi dưỡng theo những mô đun có trong chương trình bồi dưỡng.

### **Giai đoạn Đánh giá (Evaluation)**

Đây là giai đoạn cuối của quá trình bồi dưỡng, nhiệm vụ của giai đoạn này là đánh giá kết quả bồi dưỡng, tiêu chí đánh giá là thước đo mức độ năng lực của người lao động đánh bắt hải sản sau khóa bồi dưỡng. Tiêu chí đánh giá và bộ công cụ đánh giá kết quả bồi dưỡng của người lao động đánh bắt hải sản được dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình, có nghĩa là căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo từng năng lực.

Tiếp theo là đánh giá quá trình bồi dưỡng theo mục tiêu tổng quát đề ra, giáo viên hướng dẫn học viên đánh giá quá trình bồi dưỡng thông qua các hoạt động tại khóa bồi dưỡng, học viên đánh giá quá trình bồi dưỡng thông qua các hoạt động của mình hoặc các học viên khác trong khóa học, việc đánh giá quá trình bồi dưỡng thực hiện vào cuối mỗi buổi học, nội dung đánh giá gồm nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng,... đây là cơ sở để điều chỉnh trong quá trình bồi dưỡng nhằm đạt mục tiêu chương trình bồi dưỡng.

Sau cùng là tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất hướng điều chỉnh quá trình bồi dưỡng, đây là bước không thể thiếu đối với khóa bồi dưỡng. Việc đánh giá được thực hiện sau khi đánh giá kết quả bồi dưỡng của học viên. Thành phần chủ yếu đánh giá quá trình bồi dưỡng gồm học viên, giáo viên và cán bộ quản lý khóa bồi dưỡng.

Như vậy, mô hình bồi dưỡng được chúng tôi đề xuất vẫn giữ 5 pha hoạt động cụ thể giống như mô hình ADDIE. Tuy nhiên để đảm bảo mục tiêu bồi dưỡng trong quá trình thiết kế, chúng tôi vẫn đảm bảo một số yêu cầu xuất phát từ tiếp cận năng lực và lý thuyết học thông thạo đó là: Nội dung bồi dưỡng là các NLNN cần bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản; Cấu trúc nội dung bồi dưỡng được thể hiện dưới dạng ma trận năng lực với các thành tố của mỗi năng lực; Mỗi năng lực trong ma trận

năng lực là một module bồi dưỡng độc lập để tùy vào điều kiện, nhu cầu cụ thể thì người lao động đánh bắt hải sản lựa chọn học cho phù hợp và đảm bảo đủ thời gian cho người học hoàn thành nội dung bồi dưỡng.

Để có thể vận dụng mô hình bồi dưỡng này vào thực tế công tác bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản thì cần phải cụ thể hóa các pha hoạt động trong mô hình thành quy trình bồi dưỡng với nhiều bước thực hiện cụ thể, trong đó chú trọng các thành tố cơ bản như tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng, phương pháp bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng, đánh giá kết quả bồi dưỡng. Trong đó, mỗi thành tố trong quá trình bồi dưỡng có mối quan hệ mật thiết, tác động lên nhau. Các thành tố như mục tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng, phương pháp bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng và đánh giá kết quả bồi dưỡng là những thành tố bên trong của quá trình bồi dưỡng chịu ảnh hưởng của các thành tố bên ngoài quá trình bồi dưỡng như các yếu tố về kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ,...

### 3. KẾT LUẬN

Có thể thấy việc nghiên cứu về bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản hiện nay theo tiếp cận năng lực thực hiện là hướng đi cần thiết, làm cơ sở giúp các cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản, giúp người lao động đủ khả năng hoạt động trên biển. Việc tổ chức bồi dưỡng những năng lực nghề nghiệp này sẽ giúp cho người lao động đánh bắt hải sản có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ, công việc trong quá trình hoạt động đánh bắt hải sản trên biển, giúp người lao động đánh bắt hải sản có khả năng thích ứng với những tình huống công việc khác nhau, đảm bảo cho người lao động đánh bắt hải sản yên tâm vươn khơi bám biển.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
2. Oanh, Đ. T. (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm – Lý luận và thực tiễn.* Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
3. Hiệp, Đ. T. (2017), *Quản lý bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trung học phổ thông các tỉnh Tây Nguyên trong bối cảnh*

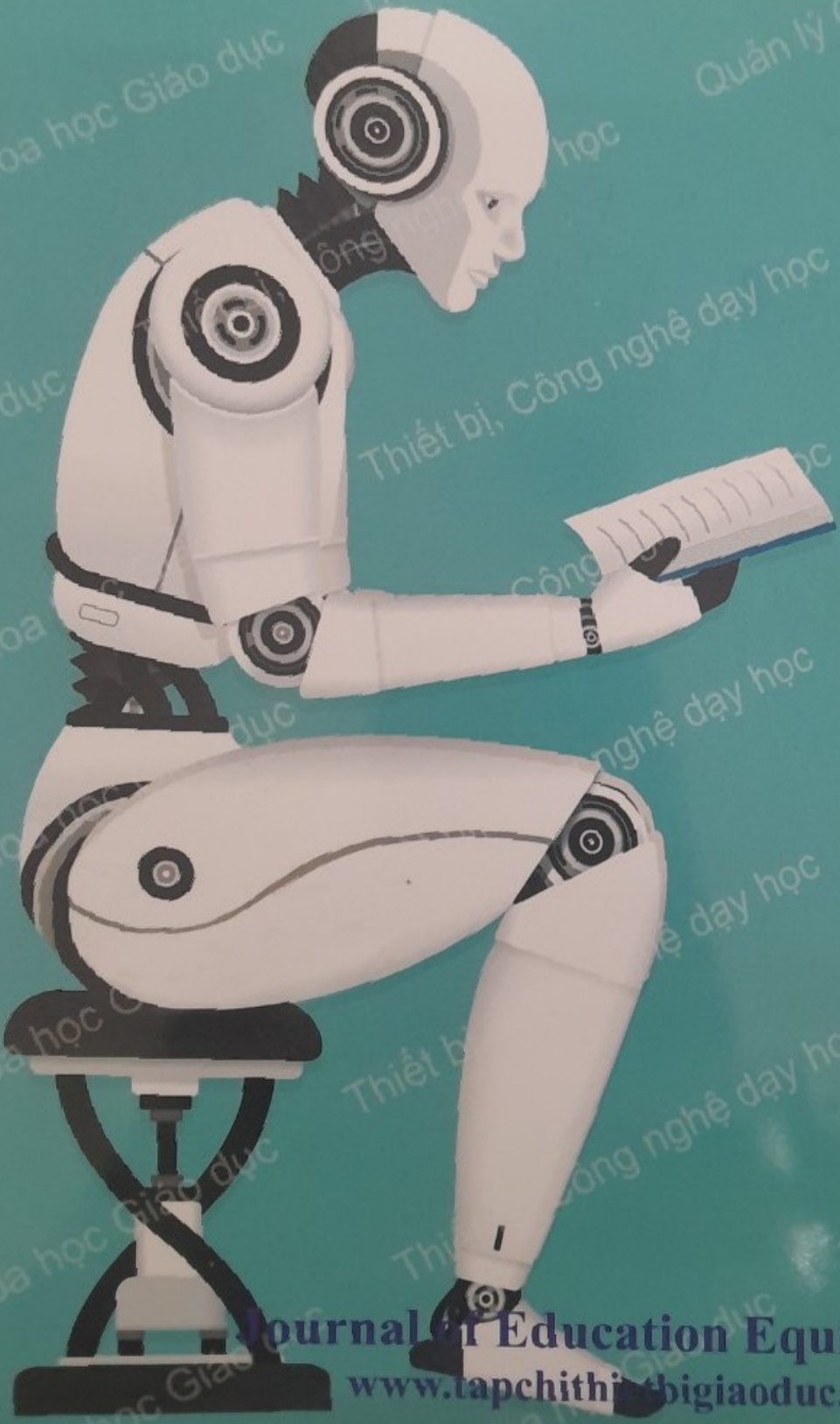
  
**SỐ ĐẶC BIỆT**  
**THÁNG 5 - 2024**

**TẠP CHÍ**

**ISSN 1859 - 0810**

# Thiết bị Giáo dục

**CƠ QUAN CỦA HIỆP HỘI THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**



**Journal of Education Equipment**  
[www.tapchithietbigiaoduc.vn](http://www.tapchithietbigiaoduc.vn)



## Tổng biên tập

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

## Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN - CHỦ TỊCH

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. NGUYỄN VŨ BÍCH HIẾN

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TÚ - PHÓ CHỦ TỊCH

TS. TRẦN VĂN HÙNG

TS. THÁI VĂN LONG

## Tòa soạn

Số nhà 41, ngõ 199, phố Khương Thượng

(ngõ 440 Trường Chinh), quận Đống Đa,

thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Fax: 024.36658761

Email: tapchitbkd@yahoo.com.vn

Website: <https://vjol.info.vn/index.php/tctbkd>

## Văn phòng giao dịch phía Nam

TS. Bùi Đức Tú - Trưởng văn phòng đại diện

Tạp chí TBGD phía Nam

Số 15.06A. Cao ốc Scred. 974 Trường Sa.

Phường 12. Quận 3. TP Hồ Chí Minh.

ĐT: 0913882206; Email: bdtu@squ.edu.vn

## Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

## Giấy phép xuất bản:

Số 652/CBC-QLBC Ngày 29/05/2024

của Bộ Thông tin và Truyền thông

## Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

## MỤC LỤC - CONTENT

## NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH

Nguyễn Thị Tuyết: Thiết kế ứng dụng Stem trong dạy học môn công nghệ 5 - <i>Designing Stem applications in teaching 5rd grade Technology subjects</i>	1
Nguyễn Thị Tươi: Giải pháp công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang - <i>Solutions for ensuring the quality of education at Kien Giang College of Education</i>	5
Nguyễn Văn Hưng: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng điện tử ở tiểu học - <i>The application of artificial intelligence in designing electronic lessons in primary education</i>	7
Vũ Quang Hưng: Chuyển đổi số và những ảnh hưởng đến môi trường giáo dục đại học hiện nay - <i>Digital transformation and its effects on the current higher education environment</i>	11
Nguyễn Thị Thanh: Phát triển năng lực thực hành cho sinh viên công tác xã hội, Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên - <i>Developing practical capacity for social work students, Dien Bien Vocational College</i>	14
Huệ Thu, Trần Hoàng Thủy: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam - <i>Innovation and entrepreneurship in universities in Vietnam</i>	17
Nguyễn Minh Ngọt: Một số nghiên cứu về hoạt động giảng dạy tại các trường trung học cơ sở theo hướng chuyển đổi số - <i>Research on teaching activities at secondary schools towards digital transformation</i>	20
Bùi Ngọc Sơn: Dạy học môn Khoa học và xã hội lớp 3 theo định hướng giáo dục STEM - <i>Teaching 3rd grade Science and Society subjects according to STEM education orientation</i>	23
Đặng Thị Hồng Phượng: Xã hội hóa công tác giáo dục ở bậc đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế - <i>Socializing educational work at the university level in the context of globalization and international integration</i>	26
Xây Nhạ Lạt Chít Tạ Mạt: Tổng quan những nghiên cứu về kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề - <i>Overview of research on problem-solving skills</i>	29
Lê Thị Phương Lan: Phương pháp, chiến lược, kế hoạch quản lý giáo dục con trẻ tại gia - <i>Methods, strategies, and plans for managing home schooling for children</i>	32
Vũ Tiến Đạt: Ứng dụng phần mềm Matlab để giảng dạy học phần “Lý thuyết mạch điện 2” tại Trường Đại học Hải Phòng - <i>Applying Matlab software to teach the module of Electrical circuit theory 2 at Hai Phong University</i>	34
Vũ Thị Phương Thảo, Hoàng Trung Thắng: Xây dựng hệ thống học liệu, tài liệu dành cho sinh viên dân tộc thiểu số theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên ở các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc - <i>Building a system of learning materials and documents for ethnic minority students to develop teacher professional competences at universities in the Northern mountainous region</i>	37
Phạm Thị Mỹ Hạnh: Xây dựng sơ đồ kiến thức hỗ trợ thiết kế Kế hoạch bài dạy cho sinh viên ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên - <i>Building a knowledge map to support the design of lesson plans for students majoring in Natural Science Education</i>	40
Phan Huy Hùng: Đối sánh để cải tiến chất lượng trường đại học: Lý thuyết và Thực hành - <i>Benchmarking to improve university quality: Theory and Practice</i>	43
Lê Hải Diệu: Xác định năng lực nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng trong giai đoạn hiện nay - <i>Determining the professional competences of students majoring in Early Childhood Education at the college level in the current period</i>	46
Nguyễn Thị Bích: Một số nghiên cứu về hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non - <i>Some studies on life skills education activities for children aged 5-6 in preschools</i>	49
Nguyễn Thành Minh, Lê Thị Hồng Hạnh: DH giải quyết vấn đề trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 (phần GD pháp luật) ở thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - <i>Teaching problem solution in 10th grade Economic Education and Law (Legal education section) in Dong Ha city, Quang Tri province</i>	52
Ngô Lê Hồng Phúc: Đường Elip và ứng dụng - <i>Ellipse and applications</i>	55
Lê Thị Hoàng Anh: Thực trạng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong thực tập sư phạm - <i>Current status of career adaptation of pedagogical students at the University of Foreign Languages, Hanoi National University in pedagogical practice</i>	57
Nguyễn Thị Hoàng Phượng: Phương pháp đọc sách và ghi chép nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên ở trường cao đẳng, đại học hiện nay - <i>Reading and note-taking methods to improve the learning efficiency of students in colleges and universities today</i>	60
Nguyễn Thị Hương Giang, Lư Thị Thanh Mai: Kinh nghiệm vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb vào quá trình tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh cho trẻ mầm non - <i>Experience in applying David Kolb's experiential education model to the process of organizing scientific discovery activities about the surrounding environment for preschool children</i>	62



<b>Trần Ngọc Thuận, Nguyễn Phan Minh Trung:</b> Khai thác mô phỏng PhET hỗ trợ sinh viên ngành Khoa học tự nhiên thiết kế hoạt động dạy học - <i>Exploiting PhET simulations to support Natural Sciences students in designing teaching activities</i>	64
<b>Nguyễn Thị Hồng Nhân:</b> Thực trạng kỹ năng của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội - <i>Educating students' behavioral skills at University of Languages and International Studies VNU</i>	67
<b>Hoàng Thanh Thúy, Trương Thị Hoa, Nguyễn Thị Tinh:</b> Rèn luyện kỹ năng thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - <i>Practicing lesson design skills to develop student competences for students at Hanoi University of Education</i>	70
<b>Hoàng Thị Hạnh:</b> Giáo dục đại học Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững – <i>Higher education in Vietnam in the trend of sustainable development</i>	73
<b>Lê Phạm Việt Mẫn; Nguyễn Thị Vân Anh:</b> Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của học sinh, sinh viên ở Tỉnh Ninh Thuận –Thực trạng và giải pháp - <i>Innovative entrepreneurship of students in Ninh Thuan Province - Current situation and solutions</i>	76
<b>Nguyễn Thị Chính:</b> Giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên Trường Đại học Hạ Long theo Tư tưởng Hồ Chí Minh - <i>Educating revolutionary ethics for students at Ha Long University according to Ho Chi Minh's Thought</i>	79
<b>Phạm Văn Tính:</b> Thiết kế khung đánh giá năng lực tự học cho học sinh cấp trung học phổ thông - <i>Designing a framework for assessing self-study ability for high school students</i>	82
<b>Dương Thị Tuyết Mai:</b> Giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp và trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh trong đào tạo đáp ứng nhu cầu hội nhập - <i>Solutions to promote cooperation between businesses and Vinh University of Technology Education in training to meet the demand of integration</i>	84
<b>Nguyễn Trần Huỳnh Mai, Nguyễn Hoàng Thái, Nguyễn Lam Vân Anh:</b> Đánh giá sự hài lòng của sinh viên với mô hình Đánh giá quá trình trong hình thức dạy học kết hợp (Nghiên cứu trường hợp Học phần đọc hiểu tiếng Pháp tại Trường ĐH Cần Thơ) - <i>Evaluating student satisfaction with the Formative Assessment model in the form of combined teaching (Case study of the French Reading Comprehension Module at Can Tho University)</i>	87
<b>Võ Hoàng Khương, Phạm Thị Thủy Loan:</b> Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động thảo luận khoa học cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Trà Vinh - <i>Solutions to improve the quality of scientific discussion activities for first-year students at Tra Vinh University</i>	90
<b>Lê Hải Đăng, Vũ Thị Ngọc Liễu:</b> Giải pháp đầu tư hiệu quả thành lập Trường Phổ thông nhiều cấp học trên cơ sở tận dụng các nguồn lực hiện có của Trường Cao đẳng Thái Nguyên - <i>Effective investment solution to establish a multi-level high school by taking advantage of existing resources at Thai Nguyen College</i>	93
<b>Phùng Văn Nhật, Phạm Hồng Nhung, Tống Thanh Phương:</b> Giải pháp nâng cao chất lượng kiến tập của sinh viên ngành Quản trị nhân lực, Học viện Hành chính Quốc gia - <i>Solutions to improve the learning quality of students majoring in Human Resource Management, National Academy of Public Administration</i>	95
<b>Nguyễn Đại Minh, Trương Thanh Bảo Trân, Lê Thị Minh Trang:</b> Điều tra thực trạng về các yếu tố làm giảm động lực học tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ tại một số trường thành viên của Đại học Huế - <i>Investigating the demotivational factors of non-English major students at some member schools of Hue University</i>	98
<b>Phạm Thị Thanh Nhân:</b> Một số lỗi dịch máy trong các bài tập dịch câu tiếng Hàn của các học phần tiếng Hàn được giảng dạy tại Trường Đại học Tiền Giang - <i>Some machine translation errors in the sentence translation exercises of the Korean language courses taught at Tien Giang University</i>	101
<b>Bồ Thị Lý:</b> Nguyên nhân dẫn tới sự lo lắng của sinh viên văn bằng 2 hệ vừa học vừa làm khi luyện tập kỹ năng nghe hiểu và đề xuất phương án giải quyết. - <i>Causes of anxiety among in-service students in listening comprehension skills and proposed solutions.</i>	104
<b>Hoàng Trà My:</b> Cải thiện kỹ năng nói của sinh viên thông qua hoạt động đóng kịch: một nghiên cứu hành động tại một trường cấp 3 ở Hà Nội - <i>Improving students' speaking skills through drama activities: an action research study at a high school in Hanoi</i>	107
<b>Dương Hồng Anh:</b> Nhận thức và thái độ của người học đối với phản hồi sửa lỗi trong kỹ năng viết - <i>Learners' perceptions and attitudes toward error correction feedback in writing skills</i>	110
<b>Bùi Thị Ánh Ngọc:</b> Áp dụng tư duy thiết kế để phát triển kỹ năng nói cho sinh viên không chuyên tiếng Anh - <i>Applying design thinking to develop speaking skills for non-English major students</i>	113
<b>Trương Thị Phương:</b> Những khó khăn và thái độ của sinh viên năm thứ hai khoa Sư phạm Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc học môn Địa lý đại cương nước Anh và nước Mỹ - <i>Difficulties and attitudes of second-year students in studying General Geography of England and America at FELTE, ULIS, VNU</i>	116
<b>Vũ Thị Kim Loan:</b> Sử dụng kỹ thuật Viết hợp tác trong lớp học Tiếng Anh như một ngoại ngữ - <i>Using Collaborative Writing Techniques in English as a Foreign Language Classroom</i>	119
<b>Phạm Thành Trung:</b> Setting a standard for deep learning – CEF & the teaching of English	122
<b>Tham Kim Thi Huỳnh:</b> A review on English-speaking anxiety and its solutions among university students	126
<b>Tran Huu Tai, Vu Thi Thanh Hien:</b> An investigation on the comfort of two digital tools in doing english tests at dong nai university	129
<b>Lê Thị Thu Huyền:</b> Understanding and addressing ueb english non-majors' difficulties in writing academic reports (ielts writing task 1)	132
<b>Trịnh Lý Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Khanh:</b> The use of interactive boards to enhance the efectiveness of digital tools of Mindset Textbooks	135
<b>Huỳnh Thi Diem:</b> Modernizing Literature Education in Vietnamese Universities: Challenges and Opportunities in A Globalized Context	139
<b>Nguyễn Thị Thanh Huệ:</b> The Effects of Using Google Translate on English Major Learners' Writing Skill: A Case Study at Dong Nai Technology University	142
<b>Lê Nhật Long, Phạm Văn Tặc:</b> An investigation on perception and practice of Total Physical Response (TPR) in teaching English to children by EFL teachers in some Mekong delta provinces	145
<b>Dau Thi Mai Phuong:</b> The Total Physical Response (TPR) Activities used in Teaching English to Young Learners	148
<b>Đặng Phương Mai:</b> Introduction of role-play techniques in ictu english language classes and specialised classes using emi	150
<b>Đặng Thị Kiều Giang:</b> Học kỹ năng nói theo nhiệm vụ trong sách giáo khoa ở bậc trung học phổ thông - <i>Learn speaking skills according to tasks in textbooks at the high school level</i>	153

<b>Nguyễn Thị Minh Trâm, Lê Thị Duyên Thùy:</b> Classroom Management Techniques in English Classes at Primary Schools: Theoretical Perspectives	156
<b>Trương Thị Minh:</b> Áp dụng peer review (chữa bài theo cặp) trong dạy tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Hồng Đức - <i>Using peer review in teaching and learning French for freshmen students majoring in English at Hồng Đức university</i>	159
<b>Nguyễn Tuyết Nhung:</b> Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học ngoại ngữ - <i>Utilizing artificial intelligence in teaching and learning foreign languages</i>	162
<b>Nguyễn Hồng Anh:</b> Một số giải pháp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên khối không chuyên ở bậc đại học - <i>Some solutions to improve English speaking skills for non-English major students at the university level</i>	165
<b>Phạm Thị Ngọc Bích:</b> Một số hoạt động thực hành ngữ pháp tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp - <i>Some activities to practice English grammar in a communicative way</i>	168
<b>Nguyễn Thị Ngọc Lan, Lê Phương Anh, Vũ Thanh Hương:</b> Nghiên cứu uyển ngữ trong tiếng Hán phục vụ việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu về ngôn ngữ - <i>Research on euphemisms in Chinese for language teaching, learning and research</i>	171
<b>Nguyễn Thị Huyền Trang:</b> So sánh trợ từ chỉ ước lượng “多” và hình thức đối ứng trong tiếng Việt - <i>Compare the evaluative particle “多” and its corresponding form in Vietnamese</i>	174
<b>Trần Thị Dung:</b> Thực trạng năng lực chuyên môn của giảng viên tiếng Trung tại Trường Đại học Hà Tĩnh - <i>Current status of professional capacity of Chinese lecturers at Ha Tinh University</i>	177
<b>Trần Thị Thanh Hoa:</b> Sử dụng các chiến lược học hợp tác nâng cao kỹ năng tiếng Anh - <i>Using cooperative learning strategies to improve English skills</i>	180
<b>Trần Thị Yên:</b> Ứng dụng dạy học ngôn ngữ theo nhiệm vụ trong dạy học tiếng Trung Quốc cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - <i>Application of task-based language teaching in teaching Chinese for students at Hanoi University of Education</i>	182
<b>Phạm Kiên Thành:</b> Rèn tư duy phân tích và phán đoán trong môn tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạng bài nghe – điền từ - <i>Training analytical thinking and judgment in English for middle school students through listening and word filling exercises</i>	185
<b>Trần Thùy Linh:</b> Nghiên cứu lợi ích và bất lợi của các bài kiểm tra tiêu chuẩn đối với người học tiếng Anh nhỏ tuổi - <i>Benefits and disadvantages of standardized tests for young English learners</i>	189
<b>Nguyễn Tiên Ngọ:</b> Ứng dụng facebook trong dạy và học tiếng Anh - <i>Application of Facebook in teaching and learning English</i>	192
<b>Võ Tú Anh:</b> Tham luận về giải pháp dạy học Tiếng Anh ở các trường đại học không chuyên ngữ - <i>Discussion on solutions in teaching English at non-English major universities</i>	195
<b>Dương Thị Hà Lê:</b> Tăng cường ghi nhớ từ vựng tiếng Anh bằng thiết kế trò chơi cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An - <i>Enhancing memorization of English vocabulary by designing games for students at Nghe An University of Economics</i>	198
<b>Trần Thị Như Trang:</b> Những khó khăn khi làm bài đọc hiểu TOEIC của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - <i>Difficulties in ToEIC reading comprehension test of students majoring in Nursing at Nam Dinh University</i>	201
<b>Trần Như Quỳnh, Lê Đặng Hồng Phúc:</b> Một số vấn đề khi cho trẻ lứa tuổi mầm non làm quen với tiếng Anh - <i>Some theoretical issues in learning English of preschool children</i>	204
<b>Đàm Thị Tâm:</b> Dạy tiếng Tây ở Trung tâm Nghiên cứu – Đào tạo Ngôn ngữ và Văn hóa các dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên - <i>Teaching Tay language at the Center for Research and Training on Languages and Cultures of Ethnic Minorities in the Northern Mountainous Region, University of Science, Thai Nguyen University</i>	207
<b>Kiều Mạnh Hùng, Nguyễn Ngọc Trường:</b> Bộ tiêu chí đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 4 - <i>A set of criteria for assessing mathematical problem solving competences for 4th graders</i>	210
<b>Huỳnh Hoa Kim Long:</b> Một số lưu ý khi học cơ sở toán học của môn toán ở tiểu học 1 đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học - <i>Some notes on mathematical foundations in 1st grade Maths for students majoring in Primary Education</i>	213
<b>Nguyễn Mạnh Linh, Lê Thị Bạch Liên:</b> Nghiên cứu Mô hình kiến thức toán để dạy học trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trường hợp chủ đề Định lý Thales - <i>Research on Mathematical knowledge model for teaching in developing professional competences for teachers on the topic of Thales's Theorem</i>	215
<b>Bùi Thị Thủy:</b> Mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giáo dục thể chất - <i>Student satisfaction level with physical education activities</i>	218
<b>Lưu Văn Vương:</b> Xây dựng cơ sở lý luận về mục đích, nhiệm vụ và phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục thể chất đối với sinh viên Trường Đại học Thủy Lợi - <i>Building a theoretical basis for the purpose, tasks and methods of assessing the quality of Physical Education for students at Thuy Loi University</i>	221
<b>Nguyễn Như Phong:</b> Nâng cao hiệu quả hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao cho sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội - <i>Improving the effectiveness of sports clubs for students at Hanoi Metropolitan University</i>	224
<b>Đỗ Tiến Thiét:</b> Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên K68 Trường Đại học Mỏ - Địa chất - <i>Current status of extracurricular sports and physical activities of K68 students at the University of Mining and Geology</i>	227
<b>Đỗ Ánh Thiên:</b> Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa tại Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Huệ, Hà Đông, thành phố Hà Nội - <i>Current status of extracurricular physical training and sports activities at Nguyen Hue High School for Gifted Students, Ha Dong, Hanoi City</i>	230
<b>Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Như Long:</b> Phương hướng hình thành và phát triển ý thức rèn luyện thể thao đối với học viên Học viện An ninh Nhân dân - <i>Directions for forming and developing sports training awareness for students at People's Security Academy</i>	233
<b>Nguyễn Nho Dũng:</b> Lựa chọn bài tập hồi phục sau tập luyện và thi đấu cho nam sinh viên học Cầu lông tại Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng - <i>Choosing recovery exercises after training and competition for male students studying Badminton at Da Nang University of Physical Education and Sports</i>	236
<b>Lê Xuân Ngộ, Phan Anh Tuấn:</b> Nghiên cứu giải pháp phát triển Câu lạc bộ bóng đá nam sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh - <i>Researching solutions to develop the Men's Student Football Club at Ha Tinh University</i>	239
<b>Trần Ngọc Minh Khoa:</b> Nghiên cứu một số biện pháp nâng cao thể lực cho nam sinh viên chuyên sâu bóng đá khóa 22 Trường Đại học Đồng Tháp - <i>Research on some measures to improve physical fitness for male football major students, course 22, Dong Thap University</i>	242
<b>Trần Thị Kim Ngọc, Nguyễn Ngọc Tiên:</b> Sử dụng bài tập bổ trợ phát triển sức mạnh môn Bơi lội cho sinh viên khóa Đại học Giáo dục thể chất 22 Trường Đại học Đồng Tháp - <i>Using supplementary exercises to develop strength in Swimming for students at University of Physical Education, course 22 at Dong Thap University</i>	245

<b>Trần Văn Đổ, Trần Văn Triều:</b> Lựa chọn bài tập phát triển sức bền tốc độ môn Bóng ném cho sinh viên khóa 22 chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Đồng Tháp - <i>Selecting exercises to develop endurance and speed in Handball for students of course 22 majoring in Physical Education at Dong Thap University</i>	248
<b>Phạm Quang Thảo, Nguyễn Hữu Đạt:</b> Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ở Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật tại thành phố Đà Nẵng - <i>Solutions to improve the effectiveness of physical training and sports activities at College of Culture and Arts in Da Nang city</i>	251
<b>Nguyễn Văn Hảo:</b> Nâng cao chất lượng dạy thể lực chuyên môn võ thuật công an nhân dân cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I - <i>Improving the quality of teaching physical fitness and martial arts expertise for students at People's Police College I</i>	254
<b>Nguyễn Văn Thành:</b> Một số bài tập nâng cao kỹ thuật chuyền bóng cao tay cho sinh viên nữ không chuyên Trường đại học Hà Tĩnh - <i>Some exercises to improve high-pass passing techniques for non-major female students at Ha Tinh University</i>	257
<b>Phan Thị Minh Phương:</b> Thực trạng áp dụng kế toán môi trường vào dạy học tại các trường đại học và cao đẳng - <i>Current status of applying environmental accounting to teaching at universities and colleges</i>	259
<b>Phan Thị Hồng Cẩm, Phạm Thị Điệp:</b> Thực trạng tổ chức dạy học trải nghiệm ở các trường trung học cơ sở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - <i>Current status of organizing experiential teaching in secondary schools in Vung Tau city, Ba Ria - Vung Tau province</i>	262
<b>Nguyễn Xuân Huy, Đỗ Thị Phương Anh:</b> Giải pháp sử dụng Văn bản Đa phương thức trong dạy học tiếng Việt ở lớp 4 - <i>Solutions for using Multimodal Text in teaching Vietnamese in grade 4</i>	264
<b>Nguyễn Văn Nguyễn:</b> Giáo dục đạo đức cho sinh viên nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (qua thực tiễn tại Học viện Ngân hàng) - <i>Ethical education for students to meet training program output standards (through practice at the Banking Academy)</i>	267
<b>Phạm Thị Bích Huệ:</b> Nhận thức của giáo viên về dạy học môn Đạo đức cho học sinh lớp 3 ở các trường tiểu học huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau - <i>Teachers' awareness of teaching Ethics for 3rd graders in primary schools in Thoi Binh district, Ca Mau province</i>	270
<b>Trần Thị Bé Năm:</b> Một số kỹ năng dạy học các học phần pháp luật của Khoa Kinh tế - luật, Trường Đại học Tiền Giang - <i>Some teaching skills for legal modules of the Faculty of Economics and Law, Tien Giang University</i>	273
<b>Phan Anh Minh:</b> Kết quả khảo sát hoạt động dạy học của giáo viên môn Khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - <i>Findings from a Secondary Teacher Survey on Teaching Natural Sciences under The New General Education Curriculum</i>	276
<b>Phùng Thị Thúy Liễu:</b> Giải pháp nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên khối ngành Nông nghiệp ở môi trường đại học - <i>Solutions to improve scientific research activities for students majoring in Agriculture in the university environment</i>	280
<b>Hoàng Thị Hải Hoàn, Lê Thị Thanh Thảo, Phạm Việt Hà:</b> Thực trạng kỹ năng giao tiếp ứng xử của đội ngũ giáo viên trong nhà trường tiểu học thành phố Yên Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc - <i>Current status of communication skills of teachers in primary schools in Vinh Yen city, Vinh Phuc province</i>	283
<b>Võ Thị Ngọc Giàu:</b> Một số giải pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên ngành du lịch tại Trường Đại học Tiền Giang - <i>Some solutions to improve the active learning of tourism students at Tien Giang University</i>	286
<b>Hồ Đoàn Thùy Mỹ Châu:</b> Chương trình đào tạo nguồn nhân lực du lịch trên cơ sở gắn kết nhà trường và doanh nghiệp trong xu thế hội nhập hiện nay - <i>Tourism human resources training program based on linking schools and businesses in the current integration trend</i>	289
<b>Cao Thị Mộng Thanh Trinh:</b> Hình thành tư duy phản biện trong dạy và học cho sinh viên Trường Đại học Tiền Giang - <i>Forming critical thinking in teaching and learning for students at Tien Giang University</i>	292
<b>Nguyễn Thị Chung Anh:</b> Vai trò, trách nhiệm của giáo viên dạy hòa nhập và giáo viên hỗ trợ học sinh khuyết tật trong phòng hỗ trợ ở trường giáo dục hòa nhập - <i>Roles and responsibilities of inclusion teachers and teachers supporting students with disabilities at inclusive education schools</i>	295
<b>Đình Văn Quyền, Huỳnh Minh Hậu:</b> Tác động của tình hình, nhiệm vụ đến nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay - <i>The impact of the situation and tasks on improving the quality of lecturers at Defense and Security Education Centers today</i>	298
<b>Lèng Minh Tuấn, Trần Thị Thuý Nga:</b> Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm trong việc giáo dục cho sinh viên tại phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai - <i>Applying Ho Chi Minh's Thought on thrift in educating students at Thai Nguyen University campus in Lao Cai province</i>	301
<b>Bùi Thị An Bình:</b> Thực trạng làm thêm của sinh viên Trường Cao đẳng Du lịch Huế - <i>Current situation of doing part-time jobs among students at Hue Tourism College</i>	304
<b>Nguyễn Xuân Hào:</b> Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy học phần I và II tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Đại học Thái Nguyên - <i>Improving the effectiveness of applying information technology in teaching modules I and II at Center for National Defense and Security Education, Thai Nguyen University</i>	307
<b>Hoàng Quốc Huy:</b> Nâng cao chất lượng giảng dạy chương trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh cho sinh viên Đại học Thái Nguyên theo thông tư 05/2020/TT-Bộ Giáo dục và Đào tạo - <i>Improving the quality of teaching the National Defense and Security Education program for students at Thai Nguyen University according to Circular 05/2020/TT-Ministry of Education and Training</i>	310
<b>Trần Minh Sang:</b> Nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc cho sinh viên thông qua môn Giáo dục quốc phòng và An ninh - <i>Raising students' awareness of national defense through National Defense and Security Education</i>	313
<b>Vũ Thanh Tùng, Lâm Hải Đăng:</b> Biện pháp giáo dục ngăn chặn tác động tiêu cực của thông tin sai trái trên không gian mạng đến học viên các nhà trường quân đội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay - <i>Educational measures to prevent the negative impact of false information in cyberspace on students of military schools in the current context of digital transformation</i>	316
<b>Bùi Duy Khánh:</b> Giáo dục tình yêu biển đảo thông qua môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên - <i>Educating love for the sea and islands through the subject of National Defense and Security Education for students in high schools in Thai Nguyen province</i>	319
<b>Nguyễn Hải Dương:</b> Thực trạng giáo dục kỹ năng quân sự theo tiếp cận hợp tác cho sinh viên ở các trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh - <i>Current status of military skills education using a cooperative approach for students at National Defense and Security Education centers</i>	322
<b>Nguyễn Thị Hương:</b> Các yếu tố ảnh hưởng tâm lý và cách ứng phó với khó khăn trong học tập của sinh viên qua nghiên cứu trường hợp - <i>Psychological influencing factors and ways to cope with students' learning difficulties through case studies</i>	325



<b>Thái Thị Nguyệt:</b> Phát triển năng lực Đọc hiểu văn bản truyện cho học sinh lớp 3 - <i>Developing reading comprehension ability for 3rd graders</i>	328
<b>Lê Quang Hùng:</b> Giáo dục hành vi cảm xúc của trẻ 4 - 5 tuổi ở trường mầm non - <i>Emotional behavior education for children aged 4-5 in preschools</i>	331
<b>Nguyễn Trung:</b> Một số giải pháp nâng cao năng lực tự học cho sinh viên học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - Đại học Thái Nguyên - <i>Some solutions to improve self-study ability for students studying National Defense and Security Education at Center for National Defense and Security Education - Thai Nguyen University</i>	335
<b>Vũ Quỳnh Phương, Nguyễn Thị Hoa, Phùng Thị Khánh Linh:</b> Giảng dạy Học phần Marketing dịch vụ tại Trường Đại học Hùng Vương - <i>Teaching the Service Marketing module at Hung Vuong University</i>	338
<b>Lê Cảnh Khôi:</b> Kỹ năng hợp tác trong thực hành của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao - <i>Collaboration skills in practice of students at the University of Physical Education and Sports</i>	340
<b>Lê Thị Hòa:</b> Nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học theo dự án cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non - <i>Improving the effectiveness of organizing project-based teaching for children in preschools</i>	343
<b>Vũ Thị Châm:</b> Thiết kế tình huống dạy học các môn lý luận chính trị gắn với giáo dục ý thức đấu tranh cho sinh viên chống lại ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng tôn giáo mới - <i>Designing teaching situations for political theory subjects associated with educating students' awareness of fighting against the negative influence of new religious phenomena</i>	346
<b>Phạm Thị Mai, Nguyễn Đăng Hào, Nguyễn Mậu Hiến, Nguyễn Ngọc Hà, Trịnh Xuân Hồng, Nguyễn Thị Tiểu My:</b> Đánh giá thực trạng hoạt động của câu lạc bộ Khiêu vũ thể thao sinh viên Trường Đại học Luật - Đại học Huế - <i>Evaluating the current status of activities of the Dance Sports Club of students at the University of Law - Hue University</i>	349
<b>Nguyễn Minh Đức:</b> Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn Quốc tế cho sinh viên ngành Quản trị khách sạn tại Trường Đại học Hạ Long - <i>Solution to improve training quality according to international standards for students majoring in Hotel Management at Ha Long University</i>	352
<b>Trần Văn Nam, Võ Thành C:</b> Xây dựng hệ thống kiểm tra lỗi chính tả cho văn bản tiếng Việt dựa trên luật cấu tạo từ trong tiếng Việt - <i>Building a spelling error checking system for Vietnamese documents based on word formation rules in Vietnamese</i>	355
<b>Hoàng Thị Ngần:</b> Can thiệp rối loạn đọc - nhận diện chữ cái: Nghiên cứu trường hợp điển hình - <i>Intervention for reading disorders - letter recognition: A case study</i>	358
<b>Trịnh Thị Hiền:</b> Phát triển văn hóa đọc góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong trường phổ thông - <i>Developing a reading culture to improve the quality of education in high schools</i>	361
<b>Trần Văn Toàn, Phạm Hoàng Phúc:</b> Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong bối cảnh hiện nay - <i>Research on the learning motivation of students majoring in Early Childhood Education in the current context</i>	364
<b>Nguyễn Huy Bình:</b> Ghi cao độ trong dạy học Ký - Xướng âm cho sinh viên năm thứ nhất ngành Âm nhạc Trường Đại học Đồng Tháp - <i>Recording pitch in teaching Notation - Chorus for first-year Music students at Dong Thap University</i>	367
<b>Nguyễn Phan Thu Vân, Nguyễn Thị Hoàng Quyên, Trần Thị Thanh Hà, Siu H'Chihe, Nguyễn Phùng Tiểu My:</b> Một nghiên cứu định tính về bức tranh dạy và học chương trình địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 - <i>A qualitative study on the picture of teaching and learning the local program in 4th grade History and Geography</i>	370
<b>Nguyễn Thanh Giang:</b> Đánh giá thực trạng văn hóa công vụ của lãnh đạo, quản lý ngành Giáo dục tại các đơn vị sự nghiệp công lập - <i>Assessing the current situation of public service culture of leaders and managers of the Education sector at public service units</i>	373
<b>Nguyễn Thanh Hương:</b> Một số nguyên tắc cần thiết để giảng dạy hiệu quả - <i>Some necessary principles for effective teaching.</i>	376
<b>Nguyễn Thị Kim Ngọc, Trần Văn Tiếng:</b> Xung hô trong công sở của người Việt và người Hàn - <i>Addresses in the workplace of Vietnamese and Korean people</i>	379
<b>Nguyễn Thị Thúy, Phan Lan Hương:</b> Khai thác giá trị văn hóa ẩm thực gắn với phát triển du lịch tại chợ phiên Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai - <i>Exploiting culinary cultural values associated with tourism development at Bac Ha market, Lao Cai Province</i>	382
<b>Trương Thanh Quỳnh Thư, Võ Lê Phước, Nguyễn Thị Như Thắm, Nguyễn Thị Thu Thảo:</b> Nghiên cứu sự tác động của marketing mix đến lòng thành của khách hàng trường hợp nghiên cứu: tại làng du lịch sinh thái Tre Việt huyện Nhon Trach tỉnh Đồng Nai - <i>Research on the impact of marketing mix on customer loyalty: a case study at Tre Viet eco-tourism village, Nhon Trach district, Dong Nai province</i>	385
<b>Trần Thanh Hà:</b> Nghiên cứu một số lý thuyết về cạnh tranh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp phục vụ cho chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Lào Cai - <i>Researching some theories on competition and enterprise competitiveness to serve the training program of Lao Cai College</i>	388
<b>Chu Thị Huyền:</b> Giảng dạy học phần triết học Mác - Lênin theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp ở Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh - <i>Teaching the Marxist-Leninist Philosophy module towards developing professional capacity at Bac Ninh University of Physical Education and Sports</i>	391
<b>Nguyễn Tiến Nam, Trần Anh Cường, Nguyễn Lan Hương:</b> Định hướng nâng cao hiệu quả đấu tranh luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc bình đẳng giới ở nước ta hiện nay - <i>Orientation to improve the effectiveness of fighting the propaganda and distortions of gender equality in our country today</i>	394
<b>Đinh Thị Mến, Ngô Minh Đức, Nguyễn Văn Thiện, Vũ Văn Thế:</b> Mật độ trạng thái và tính chất nhiệt điện của $Bi_2Se_3$ dưới tác dụng thay thế của nguyên tử - <i>State density diagram and thermoelectric properties of <math>Bi_2Se_3</math> under the substitution effect of the element</i>	397
<b>Kiều Văn Nam, Phạm Ngọc Trang:</b> Một số giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái ở nước ta hiện nay - <i>Some solutions to protect the party's ideological foundation and fight against wrong views in our country today</i>	400
<b>Nguyễn Tiến Kiệm, Trần Tuấn Anh, Trần Khánh Dur, Cao Xuân Chiến:</b> Nghiên cứu phát triển hệ thống quản lý, giám sát các hệ thống tự động hóa sử dụng công nghệ - <i>Research on developing management and monitoring systems for automation systems using technology</i>	402
<b>Nguyễn Thị Hồng:</b> So sánh kết cấu và các motif trong truyện <i>Tám Cám</i> (Việt Nam) và <i>Con cá vàng</i> (Thái Lan) - <i>Comparing the structure and motifs in the stories Tam Cam (Vietnam) and The Goldfish (Thailand)</i>	405
<b>Đỗ Thu Nga; Phan Thị Phúc; Nguyễn Thị Như Ái:</b> Chuyển đổi số đối với sự phát triển du lịch sinh thái tại Cồn Thới Sơn, tỉnh Tiền Giang - <i>Digital transformation for ecotourism development in Thoi Son island, Tien Giang province</i>	408
<b>Vũ Thu Thủy:</b> Các yếu tố ảnh hưởng đến định kiến giới của người dân ở xã Hồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. - <i>Factors affecting gender stereotypes of people in Hong Loc commune, Ha Tinh province.</i>	411

<b>Vũ Thu Trang:</b> Phát triển kinh tế ban đêm nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tại Quảng Ninh - <i>Developing the night-time economy to promote tourism development in Quang Ninh</i>	413
<b>Lê Thị Thu Trang:</b> Nghiên cứu diễn biến và hiệu lực của một số loại thuốc bảo vệ thực vật trừ sâu xanh hại cà chua ( <i>Helicoverpa armigera</i> ) tại huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An - <i>Research on the evolution and effectiveness of some green pesticides harmful to tomatoes (<i>Helicoverpa armigera</i>) in Dien Chau district, Nghe An province</i>	416
<b>Nguyễn Thị Diễm Trang:</b> Xây dựng và triển khai văn hoá doanh nghiệp tại Trường Đại học Bạc Liêu - <i>Building and implementing corporate culture at Bac Lieu University</i>	420
<b>Nguyễn Thị Minh Hương, Lê Đức Sơn:</b> Từ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong cách của người cán bộ đến những bài học rèn luyện phong cách cho người cán bộ hiện nay - <i>From Ho Chi Minh's Thought on the style of officials to lessons in training style for today's officials</i>	423
<b>Trần Thanh Thảo Uyên:</b> Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực du lịch đáp ứng nhu cầu của thực tiễn hiện nay - <i>Solutions for training tourism human resources to meet the needs of current practice</i>	426
<b>Ngô Văn Dũng:</b> Quan điểm Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và những vấn đề đặt ra trong giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang hiện nay - <i>Viewpoints of the 13th Party Congress on developing a socialist-oriented market economy and issues raised in teaching Marxist-Leninist political economy at Bac Giang Agriculture and Forestry University today</i>	429
<b>Hoàng Quốc Việt:</b> Sử dụng Deep Learning trong trí tuệ nhân tạo để nhận diện bệnh gây hại trên cây trồng - <i>Using Deep Learning in artificial intelligence to identify harmful diseases on plants</i>	432
<b>Hoàng Thạch Sơn:</b> Tìm hiểu hình tượng nhân vật anh hùng tình báo trong một số Tiểu thuyết Phản gián Việt Nam giai đoạn 1975-2000 - <i>Research on the image of intelligence heroes in some Vietnamese Counterintelligence Novels in the period 1975-2000</i>	435
<b>Hoàng Văn Biển:</b> Xây dựng văn hóa giao tiếp, ứng xử của cán bộ, đảng viên theo phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay - <i>Building a culture of communication and behavior of officials and party members according to Ho Chi Minh's style in the current period</i>	440
<b>Lê Thị Anh, Nguyễn Thị Suối Linh:</b> Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện đào tạo nhân viên tác nghiệp tại khách sạn góp phần đa dạng hóa nội dung giảng dạy chuyên sâu cho sinh viên du lịch (Trường hợp sinh viên Khoa Du lịch, Trường Đại học Khoa học, ĐH Thái Nguyên) - <i>Develop plans, organize and implement training for operational staff at hotels, contributing to diversifying in-depth teaching content for tourism students (A case study of students at Faculty of Tourism, University of Sciences, Thai Nguyen University)</i>	443
<b>Trần Kim Chi:</b> Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến độ co giãn của cầu sản phẩm một hãng theo giá phục vụ cho chương trình đào tạo ngành Kinh tế, Trường Cao đẳng Lào Cai - <i>Research on factors affecting the price elasticity of demand for a firm's products for the Economics training program, Lao Cai College</i>	446
<b>Nông Thị Phương Nhung, Phạm Thị Thanh Vân:</b> Nghiên cứu định tính, định lượng và mô hình Docking cho Peptide WLQL chiết xuất từ lòng đỏ trứng rùa mai mềm Đài Loan với hoạt tính chống tiểu đường và cao huyết áp - <i>Qualitative, quantitative and docking model studies for peptide WLQL extracted from Taiwanese soft-shelled turtle egg yolk with anti-diabetic and antihypertensive activity</i>	449
<b>Nông Thị Phương Nhung, Phạm Thị Thanh Vân:</b> Đánh giá tiềm năng của các peptide có nguồn gốc từ phụ phẩm ngành công nghiệp chế biến thịt phục vụ đào tạo sinh viên Ngành Công nghệ thực phẩm - <i>Evaluating the potential of peptides derived from meat processing industry by-products for training students in the food technology industry</i>	452
<b>Nông Xuân Thi:</b> Nghệ thuật múa dân gian dân tộc Tày và phát huy tính dân tộc của múa dân gian dân tộc Tày trong biên đạo múa của sinh viên ngành Giáo dục mầm non - <i>The art of Tay ethnic folk dance and promoting the ethnic characteristics of Tay ethnic folk dance in the choreography of students majoring in Early Childhood Education</i>	455
<b>Nguyễn Đoàn Quyết, Bùi Quốc Huy, Lê Thành Lâm, Phan Nguyễn Đức Dược:</b> Thiết kế hệ thống giám sát và điều khiển nồng độ tan oxy cho hồ nuôi trồng thủy sản quy mô phòng thí nghiệm - <i>Designing a system to monitor and control dissolved oxygen concentration for laboratory-scale aquaculture ponds</i>	458
<b>Nguyễn Trí, Võ Thị Ngọc Lan:</b> Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên - <i>The current status of fostering safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province</i>	461
<b>Nguyễn Trí:</b> Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên - <i>Developing a fostering program on safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province</i>	464
<b>Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Hữu Tiệp:</b> Tiếp nhận truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp từ góc nhìn thể loại (qua khảo sát trường hợp "Tướng về hưu") - <i>Receiving Nguyen Huy Thiep's short story from a genre perspective (through surveying the case of "Retired General")</i>	467
<b>Tạ Văn Thắng:</b> Nâng cao chất lượng dạy - học lâm sàng thông qua hình thức tổ chức dạy - học bên giường bệnh - <i>Improving the quality of clinical teaching and learning through the organization of teaching and learning at the bedside</i>	470
<b>Trương Thị Thuý, Nguyễn Thị Ánh Ngọc:</b> Nâng cao văn hoá công vụ tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương từ thực tiễn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - <i>Improving public service culture at local State administrative agencies from practice in Buon Ma Thuot city, Dak Lak province</i>	473
<b>Huỳnh Vinh Lợi:</b> Nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu việc làm cho người lao động trong nền kinh tế thị trường - <i>Improving the quality of vocational training to meet employment requirements for workers in the market economy</i>	476
<b>Ngô Thị Như Thuý, Huỳnh Thị Loan Trinh:</b> Nghiên cứu giải pháp phát triển Du lịch xanh phục vụ giảng dạy chuyên ngành Du lịch địa phương ở Trường Đại học Khánh Hoà - <i>Research on solutions to develop Green Tourism in teaching local tourism majors at Khanh Hoa University</i>	479
<b>Thạch Hoài Thanh:</b> Bảo tồn và phát huy Âm nhạc Nghi lễ dân gian truyền thống Khmer Nam Bộ cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh - <i>Preserving and promoting Southern Khmer Traditional Folk Ritual Music for students at Tra Vinh University</i>	482
<b>Trần Thị Hương, Tạ Thị Thảo:</b> Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - <i>Applying the Marxist-Leninist perspective on religion during the transition period to socialism in Vietnam</i>	485
<b>Phùng Văn Cảnh:</b> Nghiên cứu ảnh hưởng của cỡ hạt đến khả năng cắt trong quá trình mài vật liệu al/sicp bằng đá mài kim cương phục vụ dạy học Công nghệ ô tô và Cơ khí ở Trường Cao đẳng Lào Cai - <i>Research on the influence of grain size on cutting ability in the process of grinding al/sicp materials with diamond grinding wheels for teaching Automotive Technology and Mechanical Engineering at Lao Cai College</i>	488
<b>Lê Thị Bích Ngọc:</b> Phương pháp "đi bất biến, ứng vạn biến" của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo Cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1946 - <i>Ho Chi Minh's method of "Being constant, responding to all changes" and our Party's application in the process of leading the Vietnamese revolution in the period 1945 - 1946</i>	491

<b>Vũ Văn Long:</b> Nhận diện và đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch xuyên tạc Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay - <i>Identifying and fighting to defeat the plots and tricks of hostile forces to distort Ho Chi Minh's Thought in the current period</i>	493
<b>Nguyễn Mạnh Chí:</b> Vận dụng đường lối kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh” trong xây dựng nền quốc phòng tại tỉnh Sơn La - <i>Applying the resistance policy “All-people, comprehensive, long-term resistance, self-reliance” in building national defense in Son La province</i>	496
<b>Võ Minh Hải, Nguyễn Văn Hòa:</b> Sự hỗn dung văn hóa Việt - Hoa - Chăm của di tích chùa Bà - Nước Mặn (Tuy Phước, Bình Định) nhìn từ góc độ Việt Nam học - <i>The mixture of Vietnamese - Chinese - Cham cultures of Ba - Nuoc Man Pagoda relics (Tuy Phuoc, Binh Dinh) seen from the perspective of Vietnamese studies</i>	499
<b>Trịnh Duy Tân:</b> Nghệ thuật Ukiyo-e Nhật Bản và tranh Đông Hồ Việt Nam: đặc trưng và vai trò văn hoá - <i>Japanese Ukiyo-e art and Vietnamese Dong Ho paintings: characteristics and cultural roles</i>	502
<b>Hoàng Thị Phương Nga:</b> Tăng cường hoạt động giáo dục di sản văn hóa ở Thái Nguyên - <i>Strengthening cultural heritage education activities in Thai Nguyen</i>	507
<b>Lưu Thị Thảo:</b> Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay - <i>Some solutions for developing digital human resources to meet the requirements of digital economic development in Vietnam in the current period</i>	510
<b>Dương Minh Cường:</b> Từ trà cau và văn hóa trà cau thấy lịch sử giao lưu văn hóa giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam - <i>Looking at the history of Chinese-Vietnamese cultural exchanges from the perspective of betel nut and betel nut culture</i>	513
<b>Nguyễn Thị Hằng:</b> Xu hướng biến đổi của văn hóa tổ chức Lễ hội hiện nay - <i>Trendy changes in the organization of current festivals</i>	516
<b>Nguyễn Nhật Thanh, Trần Thanh Vũ:</b> Nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Trà Vinh - <i>Research on completing measures to ensure labor safety for construction projects in Tra Vinh city</i>	519
<b>Nguyễn Thị Lan Minh:</b> Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn hiện nay - <i>Applying Ho Chi Minh's Thought on education and training in innovating and improving the quality of higher education in the current period</i>	521
<b>Nguyễn Thị Xuân Kiêm:</b> Bảo vệ quyền con người trong việc xác định hành vi vi phạm nồng độ cồn của công dân khi tham gia giao thông ở Việt Nam hiện nay - <i>Protecting human rights in determining alcohol violations of citizens when participating in traffic in Vietnam</i>	524
<b>Dương Thị Dung, Nguyễn Mạnh Tuấn:</b> Sự hài lòng của khách du lịch đối với chất lượng dịch vụ du lịch tâm linh tại Đền Hùng - <i>Tourist satisfaction with the quality of spiritual tourism services at Hung Temple</i>	527
<b>Trần Hoàng Tâm:</b> Du lịch giáo dục – cơ hội và thách thức - <i>Educational tourism – opportunities and challenges</i>	529
<b>Chung Thị Thúy, Hà Thị Linh Chi, Phạm Thị Hà, Lê Quỳnh Hoa, Phạm Thanh Thảo:</b> Những đổi mới trong nghệ thuật thơ Đường đại Việt Nam - <i>Innovations in Vietnamese Contemporary poetic art</i>	532
<b>Lại Văn Đoàn:</b> Món ăn từ ngán - hương vị quen mà lạ của người dân Quảng Ninh - <i>Dishes from boredom - familiar yet strange flavors of Quang Ninh people</i>	536

## QUẢN LÝ GIÁO DỤC - EDUCATION MANAGEMENT

<b>Nguyễn Thị Duyên:</b> Thực trạng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học nghiệp vụ sư phạm nhằm phát triển kỹ năng tham vấn nghề cho sinh viên sư phạm kỹ thuật - <i>Current status of organizing experiential activities to develop career counseling skills for students majoring Technology Education</i>	538
<b>Lê Cẩm Nhung:</b> Biện pháp phát triển kỹ năng hợp tác trong học thực hành giáo dục thể chất của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền - <i>Measures to develop cooperation skills in learning and practicing physical education of students at the Academy of Journalism and Communication</i>	541
<b>Nguyễn Văn Luân:</b> Biện pháp quản lý hoạt động học tập môn Giáo dục quốc phòng và An ninh của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền - <i>Measures to manage learning activities of National Defense and Security Education subjects of students at the Academy of Journalism and Communication</i>	544
<b>Phan Cẩm Tú:</b> Biện pháp rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - <i>Measures to train soft skills for students at Vinh University of Technology Education</i>	547
<b>Phạm Hồng Quân:</b> Giải pháp trong công tác quản lý, giáo dục lưu học sinh chấp hành nội quy, quy định và pháp luật Việt Nam tại Trường Cao đẳng An ninh Nhân dân I - <i>Solutions in the management and education of international students to comply with Vietnamese rules, regulations and laws at People's Security College I</i>	550
<b>Vũ Thanh Tùng:</b> Xây dựng mục tiêu tăng cường kỷ luật trong giảng dạy các môn Quân sự, Giáo dục Quốc phòng cấp đại học - <i>Develop a goal of strengthening discipline in teaching Military and National Defense Education subjects at the university level</i>	553
<b>Trần Thị Hồng, Lê Thị Thuỳ Dương:</b> Quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang - <i>Managing teaching activities following the competence-based approach at Vocational Education Center - Continuing Education Son Duong district, Tuyen Quang province</i>	559
<b>Trần Thị Kim Ngọc, Trương Thị Quý:</b> Thực trạng phát triển đội ngũ giảng viên nữ theo tiếp cận bình đẳng giới ở Trường Đại học Đồng Tháp - <i>Current status of developing female lecturers according to gender equality approach at Dong Thap University</i>	562
<b>Đào Ngọc Toàn, Nguyễn Phi Thường:</b> Quản lý hoạt động dạy học môn Giáo dục thể chất theo tiếp cận năng lực người học ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội - <i>Managing teaching activities of Physical Education following the competence-based approach at Hanoi Community College</i>	565
<b>Đinh Đức Hợi, Phương Thị Mai Lệ, Vi Thị Ngọc:</b> Thực trạng tổ chức hoạt động học giúp trẻ 5-6 tuổi làm quen với công nghệ ở trường mầm non- <i>Current status of organizing learning activities to help 5-6 year old children become familiar with technology in preschool</i>	568



# Thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Nguyễn Trí\*, Võ Thị Ngọc Lan\*\*

\*NCS. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

\*\*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Received: 29/4/2024; Accepted: 6/5/2024; Published: 17/5/2024

**Abstract:** Safety capacity in working on board is an important competence of fisherman. This article presents the results of research on the current status of fostering safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province. The main research method is the questionnaire survey method, processing and analyzing the results. The research results have shown the current situation, limitations and causes of limitations in fostering fostering safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province.

**Keywords:** The current status; fostering, professional competence; fostering of safety capacity in working on board, fisherman.

## 1. Mở đầu

Nghề cá nước ta hiện nay vẫn mang đặc thù là nghề có quy mô nhỏ [2] nhưng lại là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, người hành nghề phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt của biển. Trong khi đó, trình độ chuyên môn nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản (LĐĐBHS) còn thấp, ít được đào tạo, bồi dưỡng. Vì thế, việc chưa làm chủ được công nghệ, thiết bị, sản lượng đánh bắt hải sản còn thấp hoặc đã có nhiều sự cố đáng tiếc xảy ra trên biển đối với ngư dân do sự thiếu hụt kiến thức hoặc chưa đủ những kỹ năng lao động cần thiết là vấn đề rất được quan tâm trong giai đoạn hiện nay [3][4].

Phú Yên là một trong 28 tỉnh có biển và có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Tuy nhiên công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tuy được tính Phú Yên quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Chương trình, nội dung bồi dưỡng vẫn còn theo hình thức tập trung, học viên vẫn chủ yếu là nghe giảng với số lượng nhiều, công tác kiểm tra, đánh giá đôi lúc chưa nghiêm túc nên hiệu quả mang lại chưa cao [1][5].

Bài viết tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên từ đó làm cơ sở thực tiễn để đề xuất những giải pháp tác động thiết thực.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Đối tượng khảo sát: 400 người lao động đánh bắt hải sản.

Địa bàn khảo sát: 04 địa phương ven biển gồm:

Thị xã Đông Hòa, Thành phố Tuy Hòa, Huyện Tuy An và Thị xã Sông Cầu.

### 2.2. Phương pháp khảo sát

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

Quy ước cách tính điểm trung bình (ĐTB) được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Quy ước tính Điểm trung bình

Mức độ thực hiện/Mức độ chất lượng/Mức độ ảnh hưởng	Không bao giờ hoặc không cần thiết/ Yếu/ Không ảnh hưởng	Thỉnh thoảng hoặc ít cần thiết/ Trung bình/ Ít ảnh hưởng	Thường xuyên hoặc Cần thiết/ Khá/ Ảnh hưởng/	Rất thường xuyên hoặc Rất cần thiết/ Tốt/ Ảnh hưởng nhiều
Điểm quy ước	1 - 1,75	1,76 - 2,5	2,51 - 3,25	3,26 - 4,0

### 2.3. Kết quả khảo sát thực trạng

Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 400 phiếu, sau khi tiến hành kiểm tra thông tin trên phiếu, kết quả thu về là 398 phiếu trả lời hợp lệ.

#### 2.3.1. Thực trạng nhu cầu bồi dưỡng

Bảng 2.2. Mức độ cần thiết trong việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

TT	Mức độ	Tỉ lệ	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	262	65.83
2	Cần thiết	89	22.36
3	Ít cần thiết	35	8.79
4	Không cần thiết	12	3.02
Tổng cộng		398	100

Kết quả khảo sát cho thấy thì đa số người lao động đánh bắt hải sản đều cho rằng rất cần thiết phải

tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá (chiếm cao nhất với 65,83%). Số người cho rằng không cần thiết bồi dưỡng chiếm tỷ lệ rất thấp, không đáng kể (3,02%), những người trả lời không cần thiết chủ yếu là do họ muốn chuyển đổi nghề. Qua đó cho thấy nhu cầu bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản hiện nay ở Phú Yên là khá cao.

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi khẳng định việc bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng khó khăn, nguy hiểm.

### 2.3.2. Thực trạng mức độ tham gia các lớp bồi dưỡng nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

**Bảng 2.3. Mức độ tham gia các lớp bồi dưỡng nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên**

Mức độ tham gia các lớp khóa bồi dưỡng nghề nghiệp của người lao động đánh bắt hải sản	Tần suất	Tỷ lệ %
Thường xuyên	55	13.82
Thỉnh thoảng	190	47.74
Rất ít	95	23.87
Không bao giờ	58	14.57
<b>Tổng cộng</b>	<b>398</b>	<b>100</b>

Từ kết quả khảo sát cho thấy mức độ thỉnh thoảng bồi dưỡng nhận được nhiều ý kiến nhất với tỷ lệ 47.74%; mức độ rất ít chiếm 23.87 % cho thấy hầu hết người lao động đánh bắt hải sản khi được khảo sát tuy có được tham gia các khóa bồi dưỡng về năng lực nghề nghiệp nhưng không nhiều.

Trong khi mức độ thường xuyên chiếm tỉ lệ thấp hơn chỉ 13.83%, điều đó cho thấy việc tổ chức bồi dưỡng không được tổ chức thường xuyên, qua phỏng vấn người lao động đánh bắt hải sản và cán bộ quản lý thì việc tổ chức chỉ nhằm phục vụ công tác quản lý về khai thác hải sản, đủ điều kiện để cấp phép khai thác hải sản.

Mức độ không có chiếm tỉ lệ 14.57%, kết quả thu thập này cho thấy một số người lao động đánh bắt hải sản chưa được tham gia bồi dưỡng, đa số những người này là những người mới vào nghề nên họ chưa được tham gia lớp.

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi đánh giá rằng mức độ tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn

trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên chưa thường xuyên, còn mang tính đối phó. Điều này cần phải có sự thay đổi, cần phải nâng cao hơn nữa mức độ thường xuyên bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đề ra trong giai đoạn hiện nay.

### 2.3.3. Thực trạng nội dung bồi dưỡng mà người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên cho là cần thiết để tổ chức bồi dưỡng

**Bảng 2.4. Nội dung bồi dưỡng người lao động đánh bắt hải sản cho là cần thiết**

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số ý kiến	Rất cần thiết		Cần thiết		Ít Cần thiết		Không cần thiết	
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	398	290	72.86	79	19.85	19	4.77	10	2.51
2	Năng lực xử lý khi bị thùng tàu	398	287	72.11	84	21.11	18	4.52	9	2.26
3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	398	288	72.36	91	22.86	13	3.27	6	1.51
4	Năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích	398	291	73.12	90	22.61	9	2.26	8	2.01
5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	398	270	67.84	100	25.13	28	7.04	0	0.00
6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	398	201	50.50	172	43.22	25	6.28	0	0.00
7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc	398	195	48.99	169	42.46	23	5.78	11	2.76
<b>Tổng cộng</b>		<b>2786</b>	<b>1822</b>	<b>65.40</b>	<b>785</b>	<b>28.18</b>	<b>135</b>	<b>4.85</b>	<b>44</b>	<b>1.58</b>

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ rất cần thiết chiếm tỷ lệ cao (65.40%), điều này khẳng định, người lao động đánh bắt hải sản có nhu cầu bồi dưỡng các năng lực mà chúng tôi đã đề xuất, có 28.18% người lao động đánh bắt hải sản cho là cần thiết, có 4.85 % ý kiến cho rằng ít cần thiết và 1.58% cho là không cần thiết, như vậy các nội dung cần bồi dưỡng trong khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá mà chúng tôi đưa ra để lấy ý kiến đối với những đối tượng cần bồi dưỡng là thiết thực và rất cần thiết.

### 2.4. Đánh giá chung về kết quả khảo sát thực trạng bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên

#### 2.4.1. Ưu điểm

Công tác bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên rất được quan tâm, coi trọng thông qua việc ban hành những chủ trương, chính sách khuyến khích học tập nhằm cụ thể hóa công tác bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực biển ở tỉnh Phú Yên trong giai đoạn hiện nay.

Phần lớn người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên là những học viên có kinh nghiệm nghề nghiệp, giáo viên tham gia bồi dưỡng có trình độ chuyên môn, được đào tạo qua nghiệp vụ sư phạm

#### 2.4.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên còn tồn tại những hạn chế nhất định sau:

- Công tác bồi dưỡng còn nặng về hình thức, chưa có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng thường xuyên hoặc định kỳ nhằm bổ sung kiến thức cho người lao động đánh bắt hải sản.

- Nội dung bồi dưỡng chưa theo tiếp cận năng lực dẫn đến chưa phát huy được năng lực người học. Tuy giáo viên có đổi mới phương pháp giảng dạy, tuy nhiên với hình thức bồi dưỡng chủ yếu là tập trung tại lớp hiệu quả không cao. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả còn nặng tính hình thức.

- Cơ sở vật chất bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Thời gian tổ chức bồi dưỡng chưa phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp đánh bắt hải sản nên học viên gặp khó khăn khi tham gia khóa học.

#### 2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Từ những hạn chế trên, theo chúng tôi có từ những nguyên nhân sau:

- Học viên tham gia bồi dưỡng chủ yếu mang tính đối phó. Các cơ sở bồi dưỡng chưa thực hiện tốt công việc phân tích nhu cầu bồi dưỡng.

- Phương pháp bồi dưỡng chưa phù hợp với đặc điểm của người học nên chưa phát huy được hứng thú học tập của người học.

- Các cơ sở bồi dưỡng chưa đầu tư nhiều vào trang thiết bị thực hành. Chưa có sự phản hồi, đánh giá từ người học dẫn đến chất lượng bồi dưỡng chưa cao.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng có thể khẳng định việc tổ chức bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn

trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên là cần thiết. Đánh giá được nhu cầu bồi dưỡng, nội dung cần thiết bồi dưỡng, thời lượng tổ chức bồi dưỡng; chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình tổ chức bồi dưỡng. Đây chính là cơ sở thực tiễn giúp chúng tôi đề xuất những giải pháp tổ chức thực hiện.

#### Tài liệu tham khảo

[1]. Chi cục Thủy sản Phú Yên (2022), *Báo cáo số 04/BC-TS ngày 15/11/2022 về Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023*, Phú Yên.

[2]. Nguyễn Văn Kháng (2011). *Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ cho việc điều chỉnh cơ cấu đội tàu và nghề nghiệp khai thác hải sản*. Viện Nghiên cứu Hải sản, Hải Phòng;

[3]. Lại Xuân Môn (2013). *Xác định nhu cầu của ngư dân trong phát triển kinh tế biển, những kiến nghị và các giải pháp hỗ trợ*. Tài liệu hội thảo các giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển. Phú Yên, tr. 29-34.

[4]. Lê Hồng Minh (2011). *Nghiên cứu điều kiện lao động và sức khỏe nghề nghiệp của ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ ở một số tỉnh phía nam Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Y học, Học viện Quân Y.

[5]. Lê Văn Trúc (2013). *Phú Yên hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển – Thực trạng và giải pháp*. Tài liệu hội thảo các giải pháp hỗ trợ ngư dân phát triển kinh tế biển. Phú Yên, tr. 171-177.

## Một số giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng... (tiếp theo trang 401)

đặt lên hàng đầu, trong đó việc nâng cao nhận thức và trình độ quản trị của cán bộ đảng viên đối với vấn đề này có ý nghĩa sống còn. Vì vậy, cán bộ đảng viên cần không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn cùng trình độ khoa học, công nghệ mới nhằm đáp ứng yêu cầu của mở cửa, hội nhập quốc tế hiện nay.

### 3. Kết luận

Cùng với quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì mỗi một công dân đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc, chống phá nhà nước. Kẻ thù có thể ngày càng gian xảo với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, nhưng nếu chúng ta siết chặt thể trận lòng dân cùng thực hiện chiến tranh nhân dân trong thời đại mới thì không một kẻ thù nào có thể làm tổn hại nền độc lập tự chủ, hòa bình của ta. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước tiên là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, giữ vững thành quả cách mạng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

#### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.II*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[4]. *V.I.Lênin Toàn tập* (2005), t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Chỉ thị số 05/CT-TW ngày 15/05/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội

# Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Nguyễn Trí\*

\*NCS. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh  
Received: 6/4/2024; Accepted: 14/5/2024; Published: 20/5/2024

**Abstract:** *Fostering of safety capacity in working on board for fisherman in Phú Yên province is an urgent need today. Developing a fostering program in accordance with practical needs is a condition to ensure that the training of fisherman is effective. In this article, we propose process of developing a fostering program safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province.*

**Keywords:** *Developing the program, fostering, safety capacity in working on board, fisherman.*

## 1. Mở đầu

Phú Yên là một trong 28 tỉnh địa phương có biển và có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tuy được tỉnh Phú Yên quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Chương trình, nội dung bồi dưỡng vẫn chưa phù hợp, chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển năng lực người học nên hiệu quả bồi dưỡng mang lại chưa cao, dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn của đa số người lao động đánh bắt hải sản hiện nay ở tỉnh Phú Yên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra [1].

Việc nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên sẽ cung cấp thêm cơ sở khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Bồi dưỡng

Bồi dưỡng được hiểu là hoạt động nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn khi mà những kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện có hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nhà trường [4]. Trong bài viết này, khái niệm *bồi dưỡng chính là trang bị, bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm mục đích nâng cao trình độ cho người lao động, giúp người lao động đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc.*

#### 2.1.2. Năng lực

Năng lực được hiểu là một tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực thi một nhiệm vụ cụ thể trong một bối cảnh cụ thể, bao gồm năng lực chung hay còn gọi là năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn/kỹ thuật [5][6]. Năng lực là cái được tạo ra chứ không có sẵn [2]. Trong bài viết này, *năng lực được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp.*

#### 2.1.3. Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá

Từ cách tiếp cận khái niệm năng lực nêu trên thì *năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn nhằm chủ động ngăn ngừa và ứng phó với những yếu tố nguy hiểm để không xảy ra tai nạn thương tích hoặc giảm thiểu hậu quả và mức độ nghiêm trọng của tai nạn thương tích cho bản thân và người khác khi hoạt động đánh bắt hải sản trên biển.*

### 2.2. Tiếp cận xây dựng chương trình bồi dưỡng

Có 3 cách tiếp cận trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm: tiếp cận nội dung, tiếp cận mục tiêu và cách tiếp cận phát triển [3].

Theo cách tiếp cận nội dung, giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung - kiến thức, mục tiêu của đào tạo, bồi dưỡng chính là nội dung kiến thức. Tiếp cận này có nhiều hạn chế nên hiện nay hầu như không được sử dụng trong xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.



Với cách tiếp cận mục tiêu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải được xây dựng xuất phát từ mục tiêu đào tạo. Theo đó, mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng phải được xây dựng rõ ràng sao cho có thể định lượng được và dùng nó làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

Với cách tiếp cận phát triển chú trọng đến lợi ích, nhu cầu của từng cá nhân người học. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiếp cận phát triển xem cá nhân người học như một thực thể chủ động, độc lập suy nghĩ và quá trình đào tạo, bồi dưỡng giúp người học phát triển được tính tự chủ, khả năng sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề.

Như vậy, với mỗi cách tiếp cận thì có những ưu điểm, hạn chế riêng. Trên cơ sở đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản, chúng tôi lựa chọn phương pháp tiếp cận phát triển năng lực để xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

### **2.3. Đề xuất quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên**

Với quan điểm tiếp cận trên, cấu trúc chương trình bồi dưỡng có cơ sở là các mô đun. Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên như sau:

*Bước 1: Khảo sát năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên*

+ Đề xuất khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên

+ Xây dựng mẫu phiếu khảo sát năng lực và tiến hành khảo sát theo cỡ mẫu

+ Xử lý kết quả khảo sát, hoàn thiện cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

*Bước 2. Xác định mục tiêu chương trình bồi dưỡng*

Căn cứ thực trạng và nhu cầu bồi dưỡng để xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình bồi dưỡng (chuẩn đầu ra chương trình bồi dưỡng)

*Bước 3. Thiết kế chương trình bồi dưỡng*

Dựa vào mục tiêu của chương trình bồi dưỡng, xây dựng nội dung, kế hoạch bồi dưỡng cũng như các yêu cầu và điều kiện thực hiện chương trình bồi

dưỡng.

*Bước 4. Triển khai chương trình bồi dưỡng*

*Bước 5. Đánh giá chương trình*

Đánh giá chương trình bồi dưỡng được thực hiện sau khi học xong mỗi module và toàn bộ chương trình bồi dưỡng. Trên cơ sở đánh giá đó để điều chỉnh mục tiêu và nội dung chương trình bồi dưỡng

### **2.4. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên**

Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên được xác định gồm 7 mô đun với thời gian bồi dưỡng tương ứng với mỗi mô đun như sau:

*Bảng 2.1. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên*

TT	Mã Mô đun	Tên Modul	Thời gian bồi dưỡng (giờ)
Modul 1	MĐ1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	10
Modul 2	MĐ2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu	8
Modul 3	MĐ3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	12
Modul 4	MĐ4	Năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích	14
Modul 5	MĐ5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	10
Modul 6	MĐ6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	9
Modul 7	MĐ7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc	12
Tổng cộng			74

- *Mô đun 1: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển*

Mô đun này trang bị cho người lao động đánh bắt hải sản những kiến thức, kỹ năng về xử lý tình huống khi gặp tình huống có người rơi xuống biển. Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng, phương pháp ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn, chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn, kỹ năng di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt; kỹ năng thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.

- *Mô đun 2: Năng lực xử lý khi bị thủng tàu*

Mô đun này trang bị cho người học những kiến



thức, kỹ năng xử lý các tình huống khẩn cấp trong trường hợp tàu bị thủng, kịp thời cho tàu dừng máy và tiến hành các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, đảm bảo an toàn cho người và tài sản. người học được trang bị kiến thức, kỹ năng xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó; kỹ năng đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận, kỹ năng sử dụng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thủng; kỹ năng sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.

- *Mô đun 3: Năng lực xử lý khi có phát hỏa trên tàu*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng giảm thiểu rủi ro cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy trên tàu. Người học được cung cấp các kiến thức và rèn luyện kỹ năng xác định vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp, kỹ năng phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa; kỹ năng phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng; kỹ năng sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.

- *Mô đun 4: Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng sơ cứu ban đầu khi có người lao động bị tai nạn thương tích, người học được rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu; xác định vị trí tổn thương; áp dụng kỹ thuật hồi sức; kỹ năng kiểm soát chảy máu, kỹ năng áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng và băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp

- *Mô đun 5: Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu*

Mô đun này cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng sống sót trên biển khi gặp tai nạn buột phải rời khỏi tàu nhằm giảm tối thiểu tai nạn thương tích khi rời tàu. Người học được trang bị kiến thức về chống khát trên biển và chống đói trên biển, kỹ năng sử dụng phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, phương pháp giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.

- *Mô đun 6: Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng đánh giá, phán đoán sự phát sinh của bão thông

qua kiến thức và kinh nghiệm của mình. Người học được trang bị các kiến thức về phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.

- *Mô đun 7: Năng lực phòng tránh mất liên lạc*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống khi mất liên lạc trên biển. Người học được cung cấp các kiến thức liên quan đến sử dụng các thiết bị thông tin thông tin lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu; phương thức liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.

### 3. Kết luận

Nghề đánh bắt hải sản là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, môi trường lao động trên biển hết sức khó khăn, khắc nghiệt vì vậy tìm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn thương tích cho người lao động. Vì vậy, việc xây dựng được chương trình bồi dưỡng thích hợp theo hướng tiếp cận năng lực và tổ chức tốt hoạt động bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản thì năng lực nghề nghiệp của họ sẽ phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ và đáp ứng yêu cầu công việc đề ra.

### Tài liệu tham khảo

[1] Chi cục Thủy sản Phú Yên (2022), *Báo cáo số 04/BC-TS ngày 15/11/2022 về Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023*, Phú Yên.

[2] Đào Thị Oanh (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm – Lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc. Lâm Quang Thiệp, Lê Việt Khuyến, Đặng Xuân Hải (2004), *Một số vấn đề về giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia.

[4] Nguyễn Lộc (2010). *Lí luận quản lí*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5] Nguyễn Trọng Khanh (2011). *Phát triển năng lực và tư duy kỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6] Trần Kiểm (2015). *Phát triển năng lực người học trong giáo dục. Kỳ yếu Hội thảo Quốc gia Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học*, (tr.113-121). NXB Thế giới, Hà Nội.

# Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên

Nguyễn Trí\*

\*NCS. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh  
Received: 6/4/2024; Accepted: 14/5/2024; Published: 20/5/2024

**Abstract:** *Fostering of safety capacity in working on board for fisherman in Phú Yên province is an urgent need today. Developing a fostering program in accordance with practical needs is a condition to ensure that the training of fisherman is effective. In this article, we propose process of developing a fostering program safety capacity in working on board for fisherman in Phu Yen province.*

**Keywords:** *Developing the program, fostering, safety capacity in working on board, fisherman.*

## 1. Mở đầu

Phú Yên là một trong 28 tỉnh địa phương có biển và có ngư trường khai thác hải sản rộng lớn. Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tuy được tỉnh Phú Yên quan tâm nhưng vẫn còn bất cập. Chương trình, nội dung bồi dưỡng vẫn chưa phù hợp, chưa chú trọng đến việc hình thành, phát triển năng lực người học nên hiệu quả bồi dưỡng mang lại chưa cao, dẫn đến năng lực hoạt động thực tiễn của đa số người lao động đánh bắt hải sản hiện nay ở tỉnh Phú Yên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra [1].

Việc nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên sẽ cung cấp thêm cơ sở khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghề nghiệp cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Bồi dưỡng

Bồi dưỡng được hiểu là hoạt động nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn khi mà những kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo trước đây không đủ để thực hiện có hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nhà trường [4]. Trong bài viết này, khái niệm *bồi dưỡng chính là trang bị, bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm mục đích nâng cao trình độ cho người lao động, giúp người lao động đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc.*

#### 2.1.2. Năng lực

Năng lực được hiểu là một tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực thi một nhiệm vụ cụ thể trong một bối cảnh cụ thể, bao gồm năng lực chung hay còn gọi là năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn/kỹ thuật [5][6]. Năng lực là cái được tạo ra chứ không có sẵn [2]. Trong bài viết này, *năng lực được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp.*

#### 2.1.3. Năng lực thực hành an toàn trên tàu cá

Từ cách tiếp cận khái niệm năng lực nêu trên thì *năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản được hiểu là khả năng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn nhằm chủ động ngăn ngừa và ứng phó với những yếu tố nguy hiểm để không xảy ra tai nạn thương tích hoặc giảm thiểu hậu quả và mức độ nghiêm trọng của tai nạn thương tích cho bản thân và người khác khi hoạt động đánh bắt hải sản trên biển.*

### 2.2. Tiếp cận xây dựng chương trình bồi dưỡng

Có 3 cách tiếp cận trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm: tiếp cận nội dung, tiếp cận mục tiêu và cách tiếp cận phát triển [3].

Theo cách tiếp cận nội dung, giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung - kiến thức, mục tiêu của đào tạo, bồi dưỡng chính là nội dung kiến thức. Tiếp cận này có nhiều hạn chế nên hiện nay hầu như không được sử dụng trong xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Với cách tiếp cận mục tiêu, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải được xây dựng xuất phát từ mục tiêu đào tạo. Theo đó, mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng phải được xây dựng rõ ràng sao cho có thể định lượng được và dùng nó làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

Với cách tiếp cận phát triển chú trọng đến lợi ích, nhu cầu của từng cá nhân người học. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo tiếp cận phát triển xem cá nhân người học như một thực thể chủ động, độc lập suy nghĩ và quá trình đào tạo, bồi dưỡng giúp người học phát triển được tính tự chủ, khả năng sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề.

Như vậy, với mỗi cách tiếp cận thì có những ưu điểm, hạn chế riêng. Trên cơ sở đặc điểm học tập của người lao động đánh bắt hải sản, chúng tôi lựa chọn phương pháp tiếp cận phát triển năng lực để xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản ở tỉnh Phú Yên.

### **2.3. Đề xuất quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên**

Với quan điểm tiếp cận trên, cấu trúc chương trình bồi dưỡng có cơ sở là các mô đun. Quy trình xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên như sau:

*Bước 1: Khảo sát năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên*

+ Đề xuất khung năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên

+ Xây dựng mẫu phiếu khảo sát năng lực và tiến hành khảo sát theo cỡ mẫu

+ Xử lý kết quả khảo sát, hoàn thiện cấu trúc năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên.

*Bước 2. Xác định mục tiêu chương trình bồi dưỡng*

Căn cứ thực trạng và nhu cầu bồi dưỡng để xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình bồi dưỡng (chuẩn đầu ra chương trình bồi dưỡng)

*Bước 3. Thiết kế chương trình bồi dưỡng*

Dựa vào mục tiêu của chương trình bồi dưỡng, xây dựng nội dung, kế hoạch bồi dưỡng cũng như các yêu cầu và điều kiện thực hiện chương trình bồi

dưỡng.

*Bước 4. Triển khai chương trình bồi dưỡng*

*Bước 5. Đánh giá chương trình*

Đánh giá chương trình bồi dưỡng được thực hiện sau khi học xong mỗi module và toàn bộ chương trình bồi dưỡng. Trên cơ sở đánh giá đó để điều chỉnh mục tiêu và nội dung chương trình bồi dưỡng

### **2.4. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá cho người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên**

Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên được xác định gồm 7 mô đun với thời gian bồi dưỡng tương ứng với mỗi mô đun như sau:

*Bảng 2.1. Khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành an toàn trên tàu cá của người lao động đánh bắt hải sản tại tỉnh Phú Yên*

TT	Mã Mô đun	Tên Modul	Thời gian bồi dưỡng (giờ)
Modul 1	MĐ1	Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển	10
Modul 2	MĐ2	Năng lực xử lý khi bị thủng tàu	8
Modul 3	MĐ3	Năng lực xử lý khi có cháy trên tàu	12
Modul 4	MĐ4	Năng lực sơ cứu khi có người bị thương tích	14
Modul 5	MĐ5	Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu	10
Modul 6	MĐ6	Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển	9
Modul 7	MĐ7	Năng lực phòng tránh mất liên lạc	12
Tổng cộng			74

- *Mô đun 1: Năng lực xử lý khi có người rơi xuống biển*

Mô đun này trang bị cho người lao động đánh bắt hải sản những kiến thức, kỹ năng về xử lý tình huống khi gặp tình huống có người rơi xuống biển. Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng, phương pháp ném phao cứu sinh cá nhân cho người bị nạn, chuẩn bị các phương tiện cứu sinh cứu vớt người bị nạn, kỹ năng di chuyển tàu ra xa người bị nạn để người bị nạn không bị hút vào chân vịt; kỹ năng thông tin cho các lực lượng chức năng để kịp thời cứu hộ.

- *Mô đun 2: Năng lực xử lý khi bị thủng tàu*

Mô đun này trang bị cho người học những kiến

thức, kỹ năng xử lý các tình huống khẩn cấp trong trường hợp tàu bị thủng, kịp thời cho tàu dừng máy và tiến hành các công việc nhằm hạn chế nước chảy vào tàu, đảm bảo an toàn cho người và tài sản. người học được trang bị kiến thức, kỹ năng xác định vị trí, kích thước lỗ thủng, lưu lượng nước chảy qua lỗ thủng đó; kỹ năng đóng kín các cửa hầm kín nước giữa các hầm thủng và những hầm kế cận, kỹ năng sử dụng dụng cụ chống thấm trên tàu để bịt kín tạm thời lỗ thủng; kỹ năng sử dụng máy bơm hút nước ra ngoài.

- *Mô đun 3: Năng lực xử lý khi có phát hỏa trên tàu*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng giảm thiểu rủi ro cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy trên tàu. Người học được cung cấp các kiến thức và rèn luyện kỹ năng xác định vị trí các thiết bị chống cháy và các lối thoát khẩn cấp, kỹ năng phân biệt các loại nguồn gây cháy, nguy cơ gây cháy và sự lan truyền của lửa; kỹ năng phân loại các chất dập lửa có thể áp dụng; kỹ năng sử dụng các trang thiết bị và dụng cụ chống cháy; phương pháp, trình tự chống cháy, phương pháp sử dụng dụng cụ thở trong chống cháy và cứu nạn.

- *Mô đun 4: Năng lực sơ cứu ban đầu khi có người bị thương tích*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng sơ cứu ban đầu khi có người lao động bị tai nạn thương tích, người học được rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ y tế khi sơ cấp cứu; xác định vị trí tổn thương; áp dụng kỹ thuật hồi sức; kỹ năng kiểm soát chảy máu, kỹ năng áp dụng các biện pháp thích hợp để chống choáng và băng bó và sử dụng các công cụ trong túi cứu thương khẩn cấp

- *Mô đun 5: Năng lực sống sót trên biển khi rời tàu*

Mô đun này cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng sống sót trên biển khi gặp tai nạn buột phải rời khỏi tàu nhằm giảm tối thiểu tai nạn thương tích khi rời tàu. Người học được trang bị kiến thức về chống khát trên biển và chống đói trên biển, kỹ năng sử dụng phao cứu sinh hoặc các vật thể có thể nổi trên mặt nước, phương pháp giữ cho cơ thể nhẹ nhàng để giữ sức lực trong thời gian chờ sự trợ giúp.

- *Mô đun 6: Năng lực phát hiện và theo dõi bão trên biển*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng đánh giá, phán đoán sự phát sinh của bão thông

qua kiến thức và kinh nghiệm của mình. Người học được trang bị các kiến thức về phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của bầu trời; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua sự thay đổi trạng thái của mặt biển; phát hiện và theo dõi bão trên biển thông qua những biểu hiện khác thường trong hoạt động sống của một số sinh vật sống xung quanh.

- *Mô đun 7: Năng lực phòng tránh mất liên lạc*

Mô đun này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống khi mất liên lạc trên biển. Người học được cung cấp các kiến thức liên quan đến sử dụng các thiết bị thông tin thông tin lạc trên tàu phục vụ cho việc báo động cấp cứu; phương thức liên lạc tới nơi cần cấp cứu để phòng tránh gián đoạn thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.

### 3. Kết luận

Nghề đánh bắt hải sản là nghề nặng nhọc, nguy hiểm, môi trường lao động trên biển hết sức khó khăn, khắc nghiệt vì vậy tìm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn thương tích cho người lao động. Vì vậy, việc xây dựng được chương trình bồi dưỡng thích hợp theo hướng tiếp cận năng lực và tổ chức tốt hoạt động bồi dưỡng cho người lao động đánh bắt hải sản thì năng lực nghề nghiệp của họ sẽ phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ và đáp ứng yêu cầu công việc đề ra.

### Tài liệu tham khảo

[1] Chi cục Thủy sản Phú Yên (2022), *Báo cáo số 04/BC-TS ngày 15/11/2022 về Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023*, Phú Yên.

[2] Đào Thị Oanh (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm – Lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc. Lâm Quang Thiệp, Lê Việt Khuyến, Đặng Xuân Hải (2004), *Một số vấn đề về giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia.

[4] Nguyễn Lộc (2010). *Lí luận quản lí*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5] Nguyễn Trọng Khanh (2011). *Phát triển năng lực và tư duy kỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6] Trần Kiểm (2015). *Phát triển năng lực người học trong giáo dục. Kỳ yếu Hội thảo Quốc gia Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học*, (tr.113-121). NXB Thế giới, Hà Nội.